

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

MÃ SỐ B07-39

LÝ LUẬN VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN -MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

Cơ quan chủ trì: VIỆN CHÍNH TRỊ HỌC

Chủ nhiệm đề tài: TS. NGÔ HUY ĐỨC

Thư ký đề tài: THS. BÙI VIỆT HƯƠNG

7013

21/10/2008

HÀ NỘI - 2008

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong vài thập kỉ gần đây, các tổ chức mang tính tự nguyện, phi chính phủ phát triển mạnh ở nhiều quốc gia, có sự lớn mạnh cả về qui mô, số lượng và chất lượng hoạt động. Các tổ chức này tham gia vào mọi vấn đề của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị quốc gia và quốc tế với vai trò và ảnh hưởng ngày càng tăng.

Các tổ chức độc lập rất đa dạng về loại hình, gồm các Hội, Hiệp hội, Liên hiệp, Tổng hội, Câu lạc bộ, Trung tâm, Quỹ hỗ trợ, các tổ chức từ thiện, các nhóm lợi ích, tổ chức bảo trợ xã hội... Các tổ chức này thực hiện những việc mà cá nhân, gia đình không làm được và nhà nước vì nhiều lý do cũng không làm được hoặc làm không hiệu quả: Kiểm soát, phản biện, quan hệ với quyền lực công, phát triển ý thức cộng đồng, trách nhiệm xã hội, năng lực hoạt động xã hội... Các tổ chức này ngày càng gia tăng và phát triển phong phú theo trình độ phát triển của xã hội và nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp dân cư.

Người ta gọi chung các tổ chức độc lập này là các tổ chức của XHCD (viết tắt là CSO) tạo nên “xã hội công dân” (XHCD) hay “xã hội dân sự” (XHDS) và gắn nó trong bộ ba phát triển: Kinh tế thị trường (KTMT), Nhà nước pháp quyền (NNPQ) và XHCD.

Hiện có khoảng trên 3 triệu CSOs trên thế giới. Riêng ở Mỹ đã có trên 1 triệu CSOs. Các CSOs có số hội viên rất lớn. Chẳng hạn, Hiệp hội Bảo vệ Thiên nhiên hoang dã quốc gia ở Mỹ có tới 6 triệu thành viên, Hiệp hội người tiêu dùng có tới 5 triệu thành viên ở 100 quốc gia, mạng lưới toàn cầu của tổ chức Những người bạn của trái đất có 1 triệu thành viên ở 60 nước. Ở Philippines có khoảng 80.000 CSOs; ở Brazil và Ấn Độ có hàng vạn CSOs.

Mạng lưới XHCD toàn cầu đã mở rộng về qui mô và ranh giới địa lý đến mức độ chưa từng có. Các tổ chức XHCD có khả năng huy động các nguồn lực hết sức quan trọng. Tám NGOs xuyên quốc gia có tổng vốn lên tới 4 tỉ đô la (CARE, World Vision International, Oxfam Federation, Medecins Sans Frontieres, Save Children Federation, Eurostep, CIDSE, APDOVE). Người ta ước tính rằng XHCD huy động tới trên 1 nghìn tỉ đôla cho các hoạt động của mình. Các NGOs cung cấp các khoản viện trợ phát triển chính thức nhiều hơn cả hệ thống của Liên Hiệp quốc.

Vai trò và sự xác đáng của các hiệp hội phi chính phủ từ lâu đã được đặt thành vấn đề từ góc độ chính trị, thậm chí trước khi nhấn mạnh vai trò kinh tế của nó. Người ta không cần bình luận thêm về những ảnh hưởng chính trị của các tổ chức như Tổ chức Ân xá Quốc tế và Hoà bình xanh, cũng không phải nghi ngờ vai trò của các cơ quan như Câu lạc bộ Roma trong việc giúp điều chỉnh những thách thức của việc quản lý ở mọi cấp độ trong xã hội. Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, các tổ chức XHCD được coi là không mạnh bằng các chính phủ nhưng sự mở rộng của lợi ích trong chính sách đối ngoại tự nhiên dẫn đến sự tập trung quyền lực và lợi ích vào các tổ chức XHCD liên quốc gia.

Ở Việt Nam, các tổ chức độc lập cũng xuất hiện ngày càng nhiều và đang từng bước khẳng định địa vị, ảnh hưởng của mình trong xã hội. Đến nay, nước ta có trên 300 tổ chức hội hoạt động trên phạm vi quốc gia, trên 2000 hội có phạm vi hoạt động trên các địa bàn quận, huyện, thị xã, phường và hàng nghìn các tổ chức phi chính phủ như các viện, các trung tâm, các quỹ hoạt động với qui mô khác nhau¹.

C. Mác, trong học thuyết về nhà nước của mình, cho rằng sự phát triển của lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội. Trong quá trình đó, XHCD là trung tâm thực sự, là vũ đài thực sự của toàn bộ lịch

¹Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và một số vấn đề về XHCD ở nước ta”, *Sinh hoạt lý luận*, Đà Nẵng, tr.10-14.

sử và khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định, XHCD sẽ thay thế nhà nước đảm nhiệm chức năng quản lý xã hội. Đó là vị trí và vai trò của XHCD trong đời sống chính trị-xã hội của các quốc gia.

XHCD có thể được coi như lĩnh vực của tư tưởng đạo đức trong tư tưởng của các nhà đạo đức học Scotland, như “xã hội chống lại nhà nước” trong tư tưởng của các nhà nghiên cứu Ba lan và Mỹ Latinh hay lĩnh vực của tự trị xã hội và dân chủ hoá trong tư tưởng của các nhà nghiên cứu Đức và Pháp. Nhưng nhìn chung, khái niệm này được đặt cạnh lĩnh vực của các tổ chức tự nguyện, có mục đích chống lại các lực lượng hỗn loạn, áp bức hay sự phân tán của thời kì lịch sử. Những định nghĩa khác nhau về XHCD phản ánh những góc nhìn khác nhau đối với những đấu tranh chính trị trong lòng xã hội. Mục đích thực sự của khái niệm XHCD có tính luận chiến và tính qui chuẩn và gắn liền với hoàn cảnh hình thành quan điểm đó.

Đối với Mác, XHCD là một hình ảnh sống động mà thông qua việc nghiên cứu nó, người ta hiểu được tại sao thế giới này lại mang bản chất xã hội. Ông coi sự khám phá XHCD giúp làm rõ hơn những cơ chế bí ẩn và khó hiểu của cơ cấu xã hội, hiểu được tại sao con người lại sống thành xã hội và cách hiểu những mối quan hệ mong manh giữa đòi hỏi của quyền lực bên ngoài và lợi ích riêng của mỗi cá nhân, giải thích các mâu thuẫn giữa cái chúng ta muốn làm với tư cách cá nhân và cái chúng ta buộc phải làm hoặc không được làm với tư cách là một thành viên của xã hội.

Khái niệm XHCD du nhập vào Việt Nam cùng với các khái niệm khác như tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái... đầu thế kỉ XX có nguồn gốc từ phương Tây. Tuy nhiên đến nay, quan niệm của các học giả trong nước còn rất khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu chưa tiếp cận sự thay đổi về nội hàm khái niệm XHCD qua các thời kì cũng như chưa thống nhất được các giá trị phổ biến, xuyên suốt trong tư tưởng về XHCD ở phương Tây.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời xây dựng NNQP XHCN, xây dựng nền KTTT định hướng XHCN, thực hiện dân chủ hoá xã hội, nghiên cứu XHCD và tác động của nó đối với đời sống chính trị - xã hội cũng là một việc cần thiết để một mặt thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức tự nguyện của người dân phối hợp hoạt động với nhau và với nhà nước hướng tới những mục tiêu chung tích cực, một mặt hiệu thêm và có cách thức hạn chế những tác động tiêu cực của các hoạt động có tổ chức, đề phòng những hoạt động gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Khái niệm XHCD - “civil society” - ở phương Tây đã có một lịch sử riêng rất dài và đã có những ý nghĩa khác nhau trong các thời kỳ khác nhau, và ngay cả hiện nay, mặc dù có gốc từ các nghiên cứu kinh viện, thuật ngữ này được dùng trong thực tế với các ý nghĩa rất khác nhau, và đặc biệt, luôn mang các hàm ý chính trị khác nhau. Trong nghiên cứu, XHCD cũng được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, phổ biến nhất là cách tiếp cận pháp lý, cách tiếp cận kinh tế và cách tiếp cận chính trị học.

Nếu cách tiếp cận pháp lý (thông qua các điều khoản pháp lý về các hành động công dân, nhất là các điều khoản liên quan đến tự do lập hội (freedom of association)) liên quan đến việc tổng kết lập pháp quốc gia, qui định về các hội và các hành động chung của công dân, cách tiếp cận kinh tế nhằm thiết lập sự chính đáng của các tổ chức phi lợi nhuận, thì cách tiếp cận chính trị học lại quan tâm đến cách thức sử dụng quyền lực và quản lý xã hội của XHCD.

Các nhà khoa học chính trị đã làm rõ rằng vấn đề XHCD không chỉ là việc tìm kiếm lợi ích cho các thành viên của các tổ chức XHCD trong nhiều lĩnh vực hoạt động của con người. XHCD, xét cho cùng, không tách rời vấn đề quyền lực, mà nhằm vào quyền lực, cho dù về mặt hình thức, các tổ chức XHCD không trực tiếp tham gia vào quyền lực nhà nước. Quan trọng không kém, các phong trào xã

hội xuyên quốc gia đã gọi ra sức mạnh của nguyên tắc ứng xử mà các trật tự thể chế trong hiện tại và tương lai cần có.

Việc nghiên cứu XHCD trong đời sống chính trị - xã hội bắt nguồn từ những quan sát thực tiễn và nhu cầu cần có một phác hoạ khái quát về XHCD từ góc độ lí luận và thực tiễn để góp phần giải quyết những vấn đề đang đặt ra. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển, các giá trị phổ biến và đặc thù của tư tưởng chính trị nói chung và lí luận về XHCD nói riêng, trên cơ sở đó vận dụng để góp phần làm sáng tỏ những vấn đề của chính trị đương đại, cũng là một nhiệm vụ quan trọng của khoa học chính trị.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

XHCD đó được nghiên cứu từ rất lâu trên thế giới. Các nghiên cứu về XHCD trên thế giới xuất phát từ hai quan niệm nổi bật:

Quan niệm thứ nhất bắt đầu từ Adam Smith (1723-1790). Dựa trên luận điểm của Locke rằng XHCD được tạo ra bởi của cải, lao động, trao đổi và tiêu dùng, Adam Smith đã xem xét *XHCD* với tư cách là lĩnh vực của nhu cầu do thị trường tổ chức nên, được dẫn dắt bởi động lực là tư lợi của sở hữu tư nhân. XHCD được coi như lĩnh vực tự trị, tự quản có thể biến sự đấu tranh vì được lợi của cá nhân thành hàng hoá công cộng.

Quan niệm thứ hai bắt đầu từ Alexis de Tocqueville (1805-1859), một nhà sử học và chính trị học người Pháp. Ông này coi *XHCD* là lĩnh vực trung gian của các tổ chức tự nguyện được duy trì bởi văn hoá tự tổ chức và hợp tác. Quan niệm này trở thành tư tưởng nổi bật về XHCD ở Đông Âu, và được Madison bổ sung hợp nhất với chủ nghĩa đa nguyên và chủ nghĩa cộng đồng ở Mỹ.

Các nghiên cứu trên thế giới tập trung vào hai mảng lớn: Lí luận về XHCD và các mô hình XHCD trong thực tiễn.

Các nghiên cứu lý luận về XHCD trên thế giới theo hai dòng chính:

Tư tưởng cổ điển coi về quyền công dân như một thuộc tính được quyết định bởi cộng đồng chung hơn là từng cá nhân, coi phẩm hạnh là sự phục tùng của ý chí cá nhân trước ý chí chung của cộng đồng.

Ngược với trào lưu cổ điển, trào lưu tự do định nghĩa quyền công dân như một thuộc tính cá nhân. Chính chủ quyền tối cao của ý chí và sự phán xét cá nhân xác lập con người như một thành viên của XHCD chứ không phải mệnh lệnh của một khái niệm trừu tượng như cộng đồng. Trong khi quyền công dân vẫn được định nghĩa trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng thì chính những phán xét và ý chí của cá nhân dẫn dắt hành động của cá nhân đó với tư cách một thực thể xã hội chứ không phải là một ý chí giả định của xã hội nói chung.

Trường phái tư tưởng này thừa nhận sự phụ thuộc qua lại, và khả năng hành động hợp tác giữa các cá nhân. Cá nhân vẫn được xem xét trong mối quan hệ với xã hội nhưng động lực thúc đẩy hành động vì lợi ích công cộng nằm ngay trong mỗi cá nhân chứ không phải là sự áp đặt của xã hội lên bản thân cá nhân đó.

Các nghiên cứu mô hình XHCD trên thế giới, đã khảo sát các XHCD ở các nước đặc biệt là các nước châu Âu, châu Mỹ và một số nước châu Á, theo dõi và nghiên cứu sự vận động của các mô hình XHCD này.

Các nghiên cứu về mô hình XHCD đến nay, vẫn theo hai hướng. Hướng thứ nhất cho rằng, XHCD tồn tại song song với nhà nước, là lực lượng hỗ trợ, phối hợp với nhà nước. Hướng thứ hai đặt XHCD cao hơn nhà nước, XHCD được coi như sự bảo đảm chống lại nhà nước chuyên quyền và lĩnh vực công cộng là lĩnh vực đấu tranh chống lại sự độc tài của nhà nước. Với quan niệm này, XHCD được coi là lực lượng *giám sát, phản biện* nhà nước.

XHCD là một thuật ngữ chính trị - pháp lí phức tạp. Nó là bộ phận quan trọng không thể tách rời của lí thuyết dân chủ và NN PQ hiện đại. Song ở nước ta, tư tưởng về XHCD còn khá mới mẻ và vẫn còn là một vấn đề đang để ngỏ. Một

số công trình về XHCD nói chung, về XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây nói riêng mới chỉ được bắt đầu vào những năm 90 của thế kỷ XX.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam mới bước đầu nghiên cứu sự phát triển XHCD, chỉ ra những mốc phát triển cơ bản của khái niệm này, chỉ ra sự kế thừa và phát triển khái niệm ở các nhà tư tưởng khác nhau, bước đầu thống nhất được một số đặc điểm cơ bản và nguyên tắc hoạt động cơ bản của XHCD, mối quan hệ XHCD với NNPQ và KTTT, những vấn đề thực tiễn của Việt Nam như xây dựng NNPQ XHCN, xây dựng XHCD ở Việt Nam²...

Các nghiên cứu đã đưa ra những quan niệm khác nhau về XHCD và các biểu hiện của nó ở Việt Nam, bước đầu chỉ ra một số dấu hiệu và xu hướng phát triển của các tổ chức XHCD ở Việt Nam, hé mở những cơ hội phát triển cũng như dự báo những cản trở cho việc phát triển các tổ chức XHCD ở Việt Nam. Mục đích của các nghiên cứu về XHCD ở nước ta chính là luận giải tính tất yếu khách quan của quá trình xây dựng XHCD ở nước ta. Song XHCD với tư cách là một lý thuyết tổ chức đời sống xã hội, hoặc dưới góc độ lịch sử tư tưởng ở Việt Nam... chưa được tách ra và nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu:

- Nghiên cứu để làm rõ nội dung một số lý luận cơ bản về XHCD trên thế giới góp phần xây dựng cơ sở lý luận cho việc xây dựng XHCD ở Việt Nam, tạo cơ sở lý luận cho những nghiên cứu sâu hơn về XHCD.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

² Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và một số vấn đề về XHCD ở nước ta”, *Sinh hoạt lý luận*, Đà Nẵng; Thang Văn Phúc (2002), “Vai trò của các Hội trong đổi mới và phát triển đất nước”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Lê Văn Quang (2004), “Quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự Việt Nam lịch sử và hiện đại”, *Triết học* (3); Đào Trí Úc (2004), “Mối liên hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và vấn đề cải cách hành chính”, *Nhà nước và Pháp luật*, (4); Phạm Hồng Thái (2004), “Bàn về XHCD”, *Dân chủ và pháp luật*, 11 (152); Đỗ Trung Hiếu (2004), “Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay”, Nxb. CTQG, Hà Nội.

- Xác định khái niệm, bản chất, cơ cấu, vai trò, chức năng của XHCD.
- Nghiên cứu tác động của các tổ chức XHCD vào đời sống chính trị - xã hội ở Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp xây dựng XHCD ở Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các nghiên cứu sử dụng các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các phương pháp phân tích - tổng hợp, logic - lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp điều tra xã hội học, các phương pháp xã hội học chính trị và các phương pháp chuyên ngành và liên ngành khác.

5. Kết cấu của tổng quan kết quả nghiên cứu

Phần mở đầu

Phần nội dung

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây

Chương 2: Quan niệm của Mác về XHCD

Chương 3: Một số vấn đề về xây dựng XHCD ở Việt Nam hiện nay

Kết luận

Danh mục tài liệu tham khảo

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG TÂY

Lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây là một bộ phận rất quan trọng và có ảnh hưởng sâu sắc đối với lịch sử tư tưởng chính trị của nhân loại. Một trong những nội dung căn bản và chứa đựng những giá trị nhân văn sâu sắc của tư tưởng chính trị phương Tây là tư tưởng về XHCD.

1.1. Quan niệm về công dân và nhà nước trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây thời kỳ Cổ đại và Trung đại

Thời kì Cổ đại và Trung đại, ở phương Tây chưa có XHCD nhưng một số yếu tố của XHCD đã hình thành, phôi thai từ rất sớm ở các nhà nước cổ đại như Hy Lạp - La Mã, gắn liền với triết thuyết chính trị của hai nhà triết học Hy Lạp cổ đại là Platon và Aristotle.

XHCD được coi là đồng nghĩa với nhà nước hay xã hội chính trị. Theo quan niệm này, XHCD thể hiện sự phát triển của nền văn minh đến những nơi xã hội đã được văn minh hoá như thành bang Athènes và cộng hoà La Mã. Nó thể hiện trật tự xã hội của các công dân, ở đó, những người đàn ông (chứ không phải phụ nữ) điều chỉnh các quan hệ của họ và dàn hoà các tranh chấp theo hệ thống luật pháp, nơi sự lễ độ cai trị, và nơi các công dân chủ động tham gia vào cuộc sống cộng đồng. Nói cách khác, XHCD đánh dấu thời điểm con người bước vào môi trường của những thoả thuận, bước từ trạng thái tự nhiên tiền chính trị sang xã hội chính trị³.

³ Xem Long, Roderick T., “Civil Society in Ancient Greece: The case of Athens”, LewRocwell.com.

1.1.1 Quan hệ công dân – nhà nước thời kì Cổ đại

Về mặt chính trị, ở phương Tây, thời kì Cổ đại được đánh dấu bằng sự ra đời của thành bang Sparte ở Hy Lạp (năm -800) và thành Roma ở La Mã (năm -753) và kết thúc bằng việc phế truất hoàng đế Romulus Augustus, đánh dấu sự cáo chung của Đế quốc La Mã phương Tây.

Mặc dù phương Tây cổ đại không đồng nhất với Hy Lạp và La Mã cổ đại, nhưng nói đến các tư tưởng triết học và chính trị phương Tây cổ đại có thể hiểu là những tư tưởng triết học và chính trị Hy Lạp và La Mã, bởi lẽ đây là nguồn phát sinh và phát triển của triết học và chính trị phương Tây, gắn với lịch sử cổ đại phương Tây, phản ánh lịch sử đó dưới dạng các tư tưởng triết học và chính trị, từ lúc hình thành các thị quốc đầu tiên tại vùng Tiểu Á đến khi trường phái cuối cùng bị đóng cửa năm 529.

Điểm đầu tiên cần đề cập đến khi nói về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước thời cổ đại là khái niệm “công dân”. Khái niệm “công dân” là một phát minh chính trị của người Hy Lạp vào thế kỉ thứ V TCN, trong đó qui định một số quyền bất khả xâm phạm của cá nhân như cơ sở tất yếu của hoạt động sống, trong đó có quyền lựa chọn các đại diện của mình vào cơ quan lập pháp, quyền được học tập và rèn luyện thể chất, quyền và nghĩa vụ tham gia bảo vệ nhà nước, một số quyền và nghĩa vụ khác của người tự do.

“Công dân” là chủ thể của quyền và là đối tượng của sự quản lí là điểm chung cho khái niệm “công dân” trong những thời điểm lịch sử khác nhau. Ở đây, chúng ta chỉ xem xét những đối tượng được coi là “công dân” trong mối liên hệ với nhà nước và cộng đồng.

Thời kì Hy Lạp cổ đại

Lịch sử Hy Lạp cổ đại chia làm bốn thời kì nhưng quan trọng nhất là thời kì thành bang (thế kỉ VIII- IV TCN). Do sự phát triển kinh tế và sự phân hoá giai cấp, Hy Lạp xuất hiện nhiều nhà nước nhỏ. Những nhà nước này đều có một

thành phố làm trung tâm nên gọi là thành bang. Trong số các thành bang ở Hy Lạp, quan trọng nhất là Sparta và Athène. Đây là hai lực lượng hùng mạnh nhất làm nòng cốt cho lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Những tư tưởng triết học đầu tiên tại Hy Lạp cổ đại xuất hiện vào thời kì diễn ra những chuyển biến sâu sắc trong quan hệ xã hội, trước hết là sự tan rã chế độ thị tộc và sự thiết lập chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ xã hội có các giai cấp đối kháng đầu tiên trong lịch sử loài người. Bước sang thế kỉ VIII TCN, xuất hiện thiết chế quyền lực mang tính nhà nước để điều tiết các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp. Các tư tưởng triết học đề cập đến rất nhiều vấn đề, trong đó có bàn về con người và vị trí, các mối quan hệ của con người trong cộng đồng (thành bang).

Người Hy Lạp gọi hình thức nhà nước của mình là Demokratia, tức là quyền lực của nhân dân. Cái mà người Hy Lạp muốn nói đến với cụm từ “Demokratia” bao gồm không chỉ sự tham gia rộng rãi vào các thể chế chính trị mà còn là sự độc lập bền vững của XHCD cổ đại trước nhà nước chính trị⁴. Péricles, một nhà lãnh đạo tài ba của Hy Lạp, đã bàn đến một nền dân chủ vô thần ngay từ những năm đầu của thành bang Hy Lạp trong lời diếu văn đọc trên mộ những chiến sĩ tử trận trong cuộc chiến tranh Péloponèse. Ông coi nền dân chủ Athène là một phát minh lớn đáng tự hào, vì nó được xây dựng không trên thiếu số mà trên đa số các công dân.

Thời kì Hy Lạp cổ đại, công dân được coi là một bộ phận cấu thành nên thành bang, phụ thuộc vào thành bang. Tính cộng đồng được đề cao. Mỗi cá nhân đều phải biết những lợi ích của đời sống công dân và chấp nhận những qui tắc của cuộc sống cộng đồng. Tham gia vào công việc chung không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của tất cả mọi người. Ngoài sự bình đẳng trước pháp luật và tự do

⁴ Platon (427- 347 TCN) cũng thừa nhận rằng nền dân chủ Athène đã cho phép tồn tại một lĩnh vực hành động cá nhân không có sự can thiệp của nhà nước trong cả các giao dịch thương mại và tự do bộc lộ quan điểm, cái mà sau này Roderick T. Long cho là kết quả của việc phát triển thương mại, có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển quan niệm về sự hợp lí.

ngôn luận, còn có tình hữu ái đối với con người và cùng với nó là lòng khoan thứ, nhân hậu và sự trợ giúp cho những người yếu thế⁵. Dân chủ Athène không chỉ là dân chủ trong chính trị mà còn là dân chủ trong toàn xã hội. Tuy nhiên, đi kèm với nền dân chủ đó là một yêu cầu rất cao và khắt khe đối với cuộc sống của cá nhân trong cộng đồng. “Chúng ta không bước vào nhà nước cùng với người hàng xóm của chúng ta nếu anh ta thích làm theo ý mình... Chúng ta được tự do và dung thứ trong cuộc sống riêng; nhưng trong các công việc công cộng, chúng ta phải tuân theo luật lệ...”⁶ vì chế độ dân chủ là một chế độ pháp quyền và quyền bình đẳng dựa trên các luật thành văn và các luật không thành văn (kết quả của sự thoả thuận chung và chúng ta không thể làm trái mà không xấu hổ). Trong nền dân chủ Athène, sự bình đẳng đối với luật pháp và tự do tư tưởng, bình đẳng về quyền công dân và trong lĩnh vực chính trị (tất cả mọi người, theo luật pháp đều được hưởng bình đẳng) được đặt trên cơ sở chủ yếu là sự tuân theo các luật lệ được áp dụng cho tất cả.

Song, quan hệ giữa công dân và luật pháp là không bắt buộc. Các công dân, khi đã trưởng thành, có thể lựa chọn hoặc ra đi cùng tất cả của cải của mình, hoặc ở lại. Ở lại nghĩa là anh ta sẽ phải tuân theo luật pháp và chấp nhận cả những hình phạt mà nó đưa ra, kể cả cái chết. Socrates cho rằng bình đẳng là kết quả thoả thuận của luật pháp và thoả ước mà con người tạo ra. Công bằng không đơn thuần là sự tuân thủ luật pháp để đổi lại việc người khác cũng tuân thủ luật pháp. Công bằng là trạng thái được điều chỉnh và nhờ đó con người được hạnh phúc. Công bằng còn bao gồm cả việc tuân thủ nhà nước và luật pháp duy trì nhà nước đó.⁷

Trong tư tưởng Hy Lạp, XHCD bắt nguồn từ câu hỏi bằng cách nào loài người thiết lập được sự thống nhất xã hội để thúc đẩy chứ không phá vỡ, giá trị

⁵ Périclès tin rằng sức mạnh của Athène là kết quả của các thể chế và của các tục lệ của nó.

⁶ Long, Roderick T., “*Civil Society in Ancient Greece: The case of Athens*”, LewRocwell.com., tr.1

⁷Xem Socrates (470 TCN- 399 TCN) , “Crito”.

duy nhất và sự tự nhận thức của tất cả những ai là thành viên của nó. Điều này vẫn là một vấn đề cơ bản trong thời đại của chúng ta. Những người đầu tiên hướng đến giải quyết những vấn đề này được coi là cha đẻ của triết học Hy Lạp và của phương Tây, đó là Platon và Aristotle.

Thời kì Cổ đại, tự do của cá nhân riêng biệt bị coi là sự huỷ hoại tập tục và là cái báo trước sự diệt vong của nhà nước chính thể. Platon không lí giải được nguyên tắc về cái riêng, độc lập của tự do và về tính độc lập của cá nhân, vì vậy, ông loại ra khỏi nhà nước lí tưởng của mình những biểu hiện của nguyên tắc đó như sở hữu tư nhân và gia đình. Nhưng Platon là người đầu tiên đưa ra tranh luận về bản chất của khế ước xã hội, mà sau này được coi là cơ sở xã hội của XHCD.

Thuật ngữ “XHCD” lần đầu tiên được Aristotle (384-322 TCN) nói đến trong “Chính trị” với mục đích phê phán quan niệm của Platon về dự án nhà nước lí tưởng, trong đó thủ tiêu sở hữu tư nhân và thực hiện chế độ công hữu về tài sản. Aristotle cho rằng các yếu tố cơ bản của XHCD chính là gia đình, dòng họ, làng xóm, nhà nước và xã hội; là nếp sống văn hoá, trật tự xã hội, truyền thống, lao động...

Aristotle bắt đầu các nghiên cứu của mình bằng việc chứng minh rằng bản thân sự tồn tại của xã hội loài người đã làm nảy sinh sự bất công, mà chế độ chiếm hữu nô lệ là nguồn gốc cơ bản và biểu hiện của bất công đó. Nhà nước không phải là kết quả của sự thoả thuận giữa mọi người với nhau dựa trên ý chí của họ. Nhà nước xuất hiện tự nhiên, được hình thành do lịch sử. Nó được phát triển từ gia đình và làng xã nhằm đạt tới một cuộc sống sung sướng. Con người sinh ra là để sống trong thành bang và thành bang là sự thống nhất của đời sống.

Xuất phát từ bản tính vị kỉ của con người, Aristotle cho rằng phải hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực thuộc đời sống riêng của cá nhân (công dân) như gia đình, tôn giáo, tín ngưỡng... ông nhấn mạnh rằng: “Tất cả những gì có lợi cho công dân cũng có lợi cho thành bang. Khi mọi người giàu lên thì xã hội cũng giàu lên”. Lí tưởng của Aristotle là ở chỗ sở hữu thuộc về tư nhân còn

thành quả của nó là để sử dụng chung. Khi đề cập đến mối quan hệ tất yếu giữa nhà nước và xã hội, ông cho rằng không thể đem nhà nước đối lập với xã hội; sự thống nhất trong gia đình cũng như trong một nhà nước được hiểu theo nghĩa tương đối.

Khi bàn về xã hội chính trị, Aristotle đã nói về “eudaimonia” (hạnh phúc). Nhưng “hạnh phúc” của Aristotle không chỉ đơn giản được hiểu là sự thoả mãn những mong ước, khát vọng, mà là thoả mãn nhưng khát vọng chân chính, những khát vọng và mong muốn dẫn đến cuộc sống thành công của con người. Hạnh phúc được đồng hoá với phẩm hạnh, hoạt động trí tuệ và sự thông thái. Nhưng tất cả những cái đó không giành cho cá nhân tách rời cô lập mà được làm cho thành bang⁸. Con người là động vật công dân (animal civique). Cái phi công dân (l’incivique) cái phi chính trị (apolitique) không phải là một con người với đúng nghĩa.⁹ Trạng thái tự nhiên là trạng thái chính trị. Trong ý thức đạo đức của con người có bản năng về điều tốt và điều xấu, cái công bằng và cái bất công, điều đó là cái riêng có của lương tâm con người.

“Telos” (mục đích) của cá nhân là quan hệ giữa anh ta với thành bang (Aristotle). Việc thực hiện đúng bổn phận của công dân quyết định phẩm hạnh công dân của các cá nhân. Aristotle xuất phát từ hai đặc tính tự nhiên của con người là “logos” (suy lí) và “praxis” (hành động thực tiễn¹⁰) làm khởi điểm để hiểu khái niệm “công dân” và “nhà nước” cũng như hệ thống lập luận của ông về hình thức nhà nước, tổ chức xã hội ... để đạt được sự hoàn thiện tự nhiên.

⁸ Rowley, Charles K. , “*On the Nature of Civil Society*”, tr. 410

⁹ Ai không cần đến đồng loại là một thực thể cao hơn, thần linh hay á thần; hoặc chỉ là một kẻ thoái hoá, một súc vật thô thiển. Ai không biết đến những lợi ích của đời sống công dân và không chấp nhận những qui tắc của nó là cái tồi tệ nhất theo kiểu các động vật. [Prelot, Marcel, “*Lịch sử các tư tưởng chính trị*”, bản dịch của Viện Chính trị học, HVCTQG Hồ Chí Minh, tr.100]

¹⁰ Aristotle held that there were three basic activities of man: theoria, poiesis and praxis. There corresponded to these kinds of activity three types of knowledge: theoretical, to which the end goal was truth; poietical, to which the end goal was production; and practical, to which the end goal was action. Aristotle further divided practical knowledge into ethics, economics and politics. He also distinguished between *eupraxia* (good praxis) and *dyspraxia* (bad praxis, misfortune)

Về phía thành bang, mục đích của nó là đảm bảo cho các công dân sống tốt. Vai trò của nhà nước là đào tạo các cá nhân công dân về mặt đức hạnh. Nhiệm vụ chính của nó là giáo dục công dân đi đến hoạt động một cách ngay thẳng, dạy cho họ hướng tới mục tiêu cao thượng của cuộc sống. Công lí là mối tương quan giữa luật pháp với các công dân của quốc gia.

Quan hệ giữa công dân và nhà nước thời kì Hy Lạp cổ đại đã được Benjamin Constant, một nhà tự do cổ điển Pháp, tổng hợp lại trong một bài viết năm 1819, so sánh tự do của con người cổ đại và hiện đại¹¹. Trong bài viết này, ông cho rằng: “mục tiêu của con người cổ đại là chia xẻ quyền lực giữa các công dân trong quốc gia; họ đó gọi là tự do. (Nhưng) công dân, hầu như luôn điều khiển các công việc của cộng đồng, lại là nô lệ trong các quan hệ riêng tư. Với tư cách là một công dân, anh ta quyết định chiến tranh hay hoà bình, với tư cách là một cá nhân riêng biệt, anh ta bị ép buộc, bị giám sát và ngăn cấm trong mọi cử động; với tư cách là một thành viên trong thực thể cộng đồng, anh ta chất vấn, thải hồi, kết tội, làm lụn bại, đầy ải, tuyên bố tử hình các quan chức địa phương và cao hơn; với tư cách là một thành viên trong thực thể cộng đồng, anh ta có thể bị tước đoạt địa vị, tước bỏ đặc quyền, bị trục xuất hay phải chết do ý chí tùy tiện của cộng đồng mà anh ta gia nhập. Những người cổ đại đơn thuần là những cỗ máy ... bị điều khiển bởi luật pháp... Cá nhân bằng cách nào đó bị mất đi trong quốc gia, và người công dân cũng vậy trong thành bang”¹². Đây cũng là nhận định của nhiều nhà nghiên cứu khi bàn về quan hệ giữa công dân và nhà nước thời kì Hy Lạp cổ đại.

Thời kì La Mã cổ đại

Lịch sử La Mã cổ đại có thể chia làm hai thời kì: thời kì cộng hoà và thời kì quân chủ. Cũng như Hy Lạp, xã hội La Mã ngay từ buổi đầu lịch sử đã phân hoá thành các lực lượng có lợi ích kinh tế, chính trị khác nhau.

¹¹ “The Liberty of the Ancients Compared with that of the Moderns”

¹²Ebeling, Richard (1993), “*Individual Liberty and Civil Society*”, tr.1 <http://www.fff.org/freedom/index.asp>.

Thế kỉ thứ V trước CN, La Mã, Roma cũng không có gì vượt trội so với nhiều thành phố khác của vùng Địa Trung Hải ngoài khả năng tự tổ chức mà không một thành phố nào có được. Người tổ chức lại xã hội La Mã là vua Secvius Tullius. Vị vua này đã mở cuộc điều tra dân số đầu tiên trong lịch sử, lên danh sách công dân La Mã, sắp xếp họ thành các tầng lớp thích hợp hay thành các đơn vị chính trị. Việc điều tra dân số đã dẫn đến việc sắp xếp dân số La Mã theo địa vị và uy tín của họ cũng như buộc các công dân thực hiện tốt nghĩa vụ đóng thuế và nghĩa vụ quân sự. Vượt lên trên tất cả những điều đó, việc điều tra dân số đem lại quyền công dân cho mọi người.

Dưới thời Tarquinius, sự tàn bạo và suy đồi diễn ra mạnh mẽ và kết thúc là người La Mã đã tấn công vào cung điện và phá huỷ mọi thứ. Người La Mã sau đó đã thề rằng họ sẽ không bao giờ sống dưới sự cai trị của một ông vua và họ công bố rằng mọi vấn đề của thành Roma sẽ do mọi người quyết định, các công dân sẽ bầu cử và Roma sẽ thành một nước Cộng hoà. Roma sẽ được cai quản bởi hệ thống luật pháp và các quan chức được nhân dân bầu cử hàng năm. Những thành viên của Viện Nguyên Lão là những người làm việc không ăn lương và họ là những người bảo vệ những giá trị truyền thống của La Mã. Ở đây, không có lợi ích trong việc cai trị mà chỉ có lòng tự hào của tinh thần công dân.

Sự ra đời của nền Cộng hoà đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử. Đó là chính quyền tiêu biểu đầu tiên của thế giới cổ xưa, mở đường cho những vinh quang của La Mã. Cuculilius đã hệ thống hoá những tư tưởng của nền cộng hoà đó thành luật. Chính những luật đó đã đặt ra những tiền lệ cho những nền cộng hoà sau này, trở thành kinh điển của các nhà làm luật châu Âu. Người La Mã đã tạo nên một nền văn minh đặc trưng, tác động đến lịch sử phương Tây, nhất là ở phương diện tổ chức nhà nước.

Ở Roma cổ đại, cá nhân được định nghĩa theo sự tham gia của anh ta vào lĩnh vực công cộng, lĩnh vực được gọi là cộng hoà hay thành bang.

Circeron (106 – 43 TCN) gắn liền vấn đề nguồn gốc của nhà nước với sự giao tiếp vốn có của con người, với khuynh hướng liên minh, liên kết tạo ra nhà nước của họ. “Không có quan hệ xã hội nào có cơ sở hơn quan hệ mà trật tự xã hội trao cho mỗi người trong chúng ta”. Ông nhấn mạnh khái niệm nhân dân như là “một tập đoàn những người liên hợp người nọ với người kia bằng sự gắn liền với cùng một luật pháp và bởi một cộng đồng lợi ích nào đó”. Với ông, giữ trách nhiệm trong đời sống công cộng, tham gia vào đời sống chính trị là một nghĩa vụ đạo đức, là biểu hiện cao nhất của đạo đức con người. “Cái tốt nhất trong tâm hồn chúng ta, tinh thần chúng ta, trí tuệ chúng ta là dành cho Tổ quốc. Chỉ cái còn lại, sau khi nhà nước đã sử dụng dưới những hình thức khác nhau của hoạt động công dân, mới có thể giành cho đời sống tư nhân”¹³. Một người công dân lí tưởng của La Mã phải tích cực tham gia vào đời sống chính trị vì đó là biểu hiện cao nhất của đạo đức con người. Những công dân tốt không bỏ qua các công việc công cộng mà theo dõi công việc hàng ngày và chấp nhận các qui tắc của nó.

Ông gắn vấn đề nguồn gốc của nhà nước với sự giao tiếp vốn có ở con người, với khuynh hướng liên minh, liên kết tạo ra nhà nước của họ. Mục đích của nhà nước với ông, cũng như với Aristote, là đời sống hạnh phúc của thành bang. Mọi người cần thấy lợi ích của mình ở lợi ích chung. Nhà nước có nhiệm vụ chính là bảo vệ sở hữu cá nhân, sở hữu nhà nước, cái được nảy sinh không phải do tự nhiên mà do hoạt động của con người. Thành bang hạnh phúc chỉ có thể là thành bang công bằng, do vậy, sự công bằng phải trở thành một trong những yếu tố chủ yếu của Nhà nước và là mục đích của chính trị.

Các phân tích trên đây cho phép chúng ta kết luận rằng các tư tưởng triết học và chính trị thời kì Cổ đại không phân biệt giữa nhà nước và xã hội. Thuật ngữ XHCD đã xuất hiện nhưng XHCD và Nhà nước được xem như những thuật ngữ có thể thay thế nhau. Một người trở thành thành viên của XHCD cũng có

¹³ Prelot, Marcel, “*Lịch sử các tư tưởng chính trị*”, bản dịch của Viện Chính trị học, HVCTQG Hồ Chí Minh, tr.134

nghĩa là đã trở thành công dân – thành viên của nhà nước. Quan hệ giữa công dân và nhà nước trong nền dân chủ Hy Lạp và cộng hoà La Mã, về cơ bản là quan hệ một chiều, trong đó, cá nhân phục tùng, phụ thuộc vào nhà nước. Lợi ích cá nhân thống nhất hữu cơ với lợi ích cộng đồng trong một chỉnh thể. Cái cá nhân, cái riêng bị mờ đi trong cái cộng đồng, trong cái chung. Thành bang là một thực thể hữu cơ điều khiển mọi mặt của đời sống. Khái niệm “tự do” tồn tại ở Hy Lạp là tự do tham gia vào đời sống chính trị, chứ không phải là tự do trong cuộc sống hàng ngày.

1.1.2. Quan hệ cá nhân - nhà nước thời kì Trung đại

Năm 476, Đế quốc Tây La Mã diệt vong. Trường phái Platon ở Athen chấm dứt hoạt động năm 529 đã đánh dấu thời điểm lịch sử phương Tây bước vào thời kì trung đại. Các vương quốc mới thành lập trên đất Tây La Mã không duy trì chế độ chiếm hữu nô lệ mà đi vào con đường phong kiến hoá. Thời kì phong kiến bắt đầu từ sự sụp đổ của đế chế La Mã cho tới khi xuất hiện hình thức ban đầu của chủ nghĩa tư bản (thế kỉ XV- XVI).

Thế kỉ I TCN, đời sống xã hội với vô số khó khăn đã làm cho dân chúng hoặc dửng dưng với mọi biến cố hoặc tin vào may rủi, số mạng, hoặc lao vào những lạc thú vật chất để xua đi nỗi ám ảnh về ngày tận thế hoặc ra sức tìm kiếm một tín ngưỡng khác để tìm kiếm cơ may được giải thoát.

Vào những năm đầu CN, ở các nước châu Âu có sự chuyển biến căn bản trong xã hội. Đó là sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và sự ra đời của chế độ phong kiến do những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt trong thời kì khủng hoảng của chế độ nô lệ kết hợp với sự tấn công của những bộ tộc dã man. Một loạt các nhà nước phong kiến hình thành từ các tỉnh thành của La Mã đã như Anh, Pháp, ý, Tây Ban Nha, Đức...

Giữa thời kì Trung đại, thủ công nghiệp đã có một bước phát triển. Những tầng lớp mới trong xã hội xuất hiện dần trở thành đối thủ của tầng lớp quý tộc ruộng đất. Đứng đầu xã hội thành thị là những dòng họ quý tộc thành thị, đó là

những gia đình giàu có và quyền thế nhất. Ki tô giáo ra đời vào thế kỉ I ở vùng Jerusalem đến cuối thế kỉ IV được công nhận là quốc giáo của La Mã. Giáo hội La Mã là trung tâm của đạo Ki tô ở phương Tây, có thế lực rất lớn về kinh tế, chính trị và văn hoá tư tưởng. Các giáo lí kinh thánh đã bóp nghẹt những tư tưởng tự do, bình đẳng, hoà đồng ..., giới luật nhà thờ thay thế pháp luật, và toà án của giáo hội thay cho hệ thống tư pháp.

Từ thế kỉ XIV, mầm mống của CNTB đã ra đời, kinh tế hàng hoá phát triển mạnh ở một số thành thị của Ý. Những thành tựu về văn hoá trước đó không đáp ứng được nhu cầu của giai cấp tư sản mới ra đời. Giữa thế kỉ XIV, ở Ý xuất hiện một phong trào văn hoá mới gọi là phong trào Phục Hưng (Renaissance). Phong trào này nhanh chóng lan sang các nước Pháp, Anh, Tây Ban Nha.... Tuy có tiếp thu và kế thừa một số yếu tố trong nền văn hoá Hy Lạp và La Mã cổ đại nhưng thực chất đây là một phong trào văn hoá hoàn toàn mới dựa trên nền tảng kinh tế xã hội mới và được chỉ đạo bởi một hệ tư tưởng mới. Tư tưởng chủ đạo của văn hoá Phục Hưng là chủ nghĩa nhân văn (humanisme). Phong trào này đã giải phóng tư tưởng, tình cảm của con người khỏi sự kìm hãm và trói buộc của giáo hội. Từ đó, chủ nghĩa nhân văn với các nội dung nhân quyền, nhân tính, cá tính, cá nhân ngày càng giữ vai trò chi phối trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Quan niệm về nhà nước tối thượng từ thời kì Cổ đại, đến thời kì này, chỉ có thể chấp nhận được nếu nhà nước đó không vây kín với con người, với tư cách là một tín đồ Ki tô giáo; do đó nảy sinh một bộ phận mới của pháp quyền liên quan đến những mối quan hệ giữa nhà nước với các cá nhân hay tập thể. Với Ki tô giáo, cá nhân tự thấy được giải phóng về mặt tinh thần ra khỏi nhà nước, tháp hợp vào một xã hội khác vừa vô hình, vừa hữu hình. Nhà thờ, với tư cách là cộng đồng tinh thần và đạo đức được tổ chức, có một thiên mệnh rộng hơn nhà nước, lãnh đạo tất cả nhân loại. Nó thay đổi căn bản lĩnh vực của nhà nước vì các cá nhân đã là con chiên của Ki tô giáo, không chỉ thuộc về mình. Các cha xứ đã làm cho

người ta tin rằng nếu con người được điều chỉnh bởi đạo đức thuần khiết thì không cần đến nhà nước.

Tư tưởng chính trị thời kì này mang nặng tính chất giáo lí. Nhưng gạt sang một bên tính chất tôn giáo đó và những cản trở về mặt xã hội, các tư tưởng này cũng mang những giá trị tích cực đóng góp cho sự phát triển tư tưởng chính trị của nhân loại. Đây là thời kì xuất hiện khái niệm “cá nhân” – individual, một khái niệm rất quan trọng trong lí luận về XHCD, mặc dù đó là cá nhân trong quan hệ với Chúa (individual - in- relation- to- God).

Xuất phát từ sự công bằng, Saint Augustin (354- 430) - một tên tuổi lớn của triết học thời kì Trung đại cho rằng con người không có bất cứ quyền uy nào đối với những người khác, mở rộng ra, mọi người đều bình đẳng, tự do, được Thượng đế tạo ra theo hình ảnh của Người và có riêng một linh hồn. Do đó, con người, về bản chất tự nhiên có thể sống một mình và độc lập. Song, tự nhiên đẩy con người đi đến liên kết nhau lại theo một trật tự chung. Con người phải liên minh với nhau để sống hoà bình, và cao hơn nữa là chống lại những nguy hiểm bên ngoài.

Thượng đế tạo ra con người theo kiểu XHCD và do đó, quyền uy là cần thiết đối với nó vì con người, do bản chất tự nhiên, cần xã hội và xã hội cần quyền uy. Quyền uy không phải là sở hữu cá nhân. Biến quyền lực thành vật của bản thân mình là đã ăn cắp sự tự do, phá vỡ sự đồng minh xã hội. Sứ mệnh của quyền lực là làm cho sự công bằng ngự trị. Công bằng, bản thân nó có trước quyền lực, không thay đổi, vĩnh hằng, tối thượng, chung trong không gian và thời gian, nó áp đặt cho tất cả các nước, cho tất cả các thể chế, cho tất cả các ý thức. Uy quyền không phải là một điều xấu mà so với sự công bằng, nó là cái thứ hai. Uy quyền, bản thân nó có tất cả những cái đáng sợ nếu tách xa sự công bằng¹⁴.

¹⁴ Prelot, Marcel , *“Lịch sử các tư tưởng chính trị”*, bản dịch của Viện Chính trị học, HVCTQG Hồ Chí Minh, tr.225-230

Mặc dù nội hàm của khái niệm “công bằng” ở đây có khác biệt so với thời cổ đại, nhưng khái niệm công bằng đã quay trở lại trong quan hệ với quyền lực.

Ông mượn của Aristotle sự phân chia các luật thành luật tự nhiên và luật thành văn, kết hợp hai loại đó tạo ra bốn luật: luật vĩnh cửu, luật tự nhiên, nhân luật và thần luật. Trong học thuyết của ông, nhân luật không được trái với luật tự nhiên, nghĩa là nhà nước phong kiến phải tôn trọng những quyền tự nhiên của thần dân. Người nắm quyền uy phải coi phục vụ đồng loại là nghĩa vụ. Với sự công bằng làm gốc, sự từ thiện làm ngọn, thành bang tạo ra sự hạnh phúc cho các công dân.

Thời kì Trung đại, người ta thiết lập mối quan hệ rất mạnh giữa các thể chế nhà nước hiện tồn với những tiên nghiệm của luật tự nhiên. Saint Thomas D’Aquinas (1225- 1274) đã nối lại mối quan hệ chặt chẽ giữa các thể chế xã hội, tư hữu, chế độ nô lệ, và gia đình gia trưởng - tất cả những thể chế được thiết lập theo luật tự nhiên - với những thể chế đạo đức Ki tô. Việc biến Ki tô giáo thành tôn giáo của giai cấp thống trị sau này đã dẫn đến sự suy thoái của tinh thần dân chủ. Vì “mọi linh hồn đều phải tuân thủ chính quyền tối cao, bởi vì không có chính quyền nào là không do Chúa sinh ra”.

Thomas D’Aquinas cho rằng xã hội chính trị là tự nhiên với con người, vì con người, bản chất là động vật công dân, động vật chính trị. Vì vậy, XHCD không phải thuần túy bản năng. Con người cần có sự bảo vệ chống lại kẻ thù bên trong và bên ngoài trật tự pháp lí, trật tự này trả cho mỗi cá nhân cái thuộc về họ. Con người tham gia vào XHCD vì họ muốn hướng về đời sống xã hội được chấp nhận và điều chỉnh bởi lí trí. Sự đồng thuận xã hội được đem lại dần dần tùy theo sự trưởng thành của người dân thông qua kế ước. Sự đồng thuận xã hội này được biểu hiện ra trong những hành động tự nguyện và công khai.

Phong trào tà giáo thế kỉ XIV-XV, theo Ph. Engels (1820-1895) nhận xét, đã “biểu thị trực tiếp nhu cầu của nông dân và binh dân...nó đòi tái lập sự bình đẳng của đạo Ki tô nguyên thủy giữa những thành viên trong cộng đồng tôn giáo,

cũng như đòi sự công nhận sự bình đẳng đó như một tiêu chuẩn cả cho các quan hệ dân sự. Từ sự bình đẳng giữa những đứa con của Chúa, nó đã rút ra sự bình đẳng của các công dân, và ngay từ hồi bấy giờ, một phần nào cũng đã rút ra cả sự bình đẳng về tài sản”¹⁵.

Vào giữa thế kỉ XIV, quyền lợi của tầng lớp thị dân đã lớn mạnh, xuất hiện một đại biểu mới chống lại các học thuyết thần quyền, đó là Marrxilli Paduan (1270-1342). Marrcilli khẳng định nhà thờ và nhà nước có mục tiêu và phạm vi hoạt động khác nhau. Nhà thờ chỉ có trách nhiệm đối với thần luật và không có quyền thâm nhập vào công việc đời thường. Giáo hội chỉ có quyền răn dạy chứ không thể ép buộc. Ông cũng hết sức cấp tiến trong việc giải quyết vấn đề về nhân luật, cho rằng các đạo luật phải do nhân dân lập ra và nhân dân có quyền lựa chọn vị quân chủ. Hình thức nhà nước hoàn hảo nhất là chế độ quân chủ được bầu, trong đó nhân dân thông qua các đạo luật và lựa chọn vị quân chủ trị vì suốt đời.

Có thể thấy, vào thời kì Trung đại, quan hệ giữa các cá nhân và quan hệ giữa các cá nhân với nhà nước bắt đầu có sự tách biệt do tác động của các tôn giáo. Con người vừa là thần dân, vừa là tín đồ tôn giáo. Sự phụ thuộc của người dân vào nhà nước thế quyền giảm đi và thay vào đó là sự phụ thuộc vào thần quyền. Đây là thời kì phá huỷ nhiều giá trị tri thức và văn hoá, nhưng ở cuối thời kì này có sự giải phóng mạnh mẽ các cá nhân ra khỏi nhà nước, hình thành khái niệm cá nhân, công dân...

Machiavelli (1469-1527) đã nhận ra sức mạnh dựa trên nền tảng pháp quyền và đưa ra tư tưởng về chính quyền nhà nước tập quyền thế tục. Với nhà nước do con người (chứ không phải Chúa) lập ra xuất phát từ nhu cầu của con người vì lợi ích chung, nòng cốt đích của nó là đảm bảo cho mỗi người được tự do sử dụng tài

¹⁵ Lưu Kiếm Thanh, Phạm Hồng Thái (2001), *“Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới”*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, tr.143.

sản và được an toàn¹⁶. Nhiệm vụ của người cầm quyền là lập ra nhà nước và các đạo luật. Quốc vương có trách nhiệm quan tâm đến quyền sở hữu của công dân, danh dự và các quyền lợi khác của họ. Nhưng quyền lực được trao cho người cầm quyền chỉ là tạm thời. Sau khi quyền lực cá nhân đó thực hiện xong vai trò của mình, cần phải tổ chức một nhà nước tự do. Đó là những tư tưởng đột phá trong lý luận về nhà nước, chính trị được tách ra khỏi đạo đức và được nghiên cứu độc lập.

Có thể khẳng định lại rằng thời kì Cổ đại và Trung đại, ở phương Tây, khái niệm XHCD chưa tồn tại. Nhưng những mầm mống nguyên thủy nhất của khái niệm này đã xuất hiện và rõ nét dần vào cuối thời kì trung đại. Cuối thời kì Trung đại đến thời kì Cận – hiện đại là bước chuyển quan trọng trong quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng chính trị phương Tây, chuẩn bị cho sự ra đời của XHCD thực sự vào thời kì tiếp sau.

1.2. XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây thời kì Cận hiện đại

1.2.1. Khái niệm

XHCD là xã hội của các công dân tự do, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ về mặt pháp lý. XHCD đòi hỏi trình độ phát triển và mức độ hoàn thiện của kinh tế xã hội, chính trị và luật pháp. Với cách tiếp cận như vậy, XHCD xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước tư sản, nơi luật pháp lần đầu tiên ghi nhận những quyền tự do, bình đẳng ấy. Phương Tây từ thời kì Cận đại trở đi chính thức bước vào XHCD.

Sự hình thành thị trường trên quy mô thế giới đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế xã hội của nhiều quốc gia, trước hết là các quốc gia bên bờ Đại Tây Dương, dẫn đến phong trào cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ. Những chuyển biến sâu sắc ở Anh và Pháp với các cuộc cách mạng tư sản tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ và căn bản ở nhiều nước châu Âu.

¹⁶ Prelot, Marcel , “*Lịch sử các tư tưởng chính trị*”, bản dịch của Viện Chính trị học, HVCTQG Hồ Chí Minh, tr.204

Thắng lợi của cách mạng tư sản và sự phát triển của công thương đã tạo tiền đề vật chất cũng như môi trường chính trị cho bước chuyển sang một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại.

Thế kỷ XVI-XVII là giai đoạn hình thành nên các tiền đề chính trị, kinh tế và tư tưởng cho XHCD. Các tiền đề đó là sự phát triển công thương nghiệp, chuyên môn hoá các loại hình sản xuất và đẩy mạnh phân công lao động và các quan hệ KTTT. Các quốc gia phát triển tập trung hơn với bộ máy chính quyền chuyên nghiệp. Cùng với các yếu tố đó là sự bùng nổ về hệ tư tưởng và sự nổi dậy chống lại chế độ cường quyền mà trung tâm là sự bất bình đẳng giai cấp trong xã hội. Nhà nước tư sản xoá bỏ chế độ đẳng cấp trong xã hội phong kiến, chuyển nó thành XHCD với trung tâm là sự bình đẳng về mặt pháp lý của các công dân.

Cuối thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, ở nhiều nước tư bản phát triển đã hình thành xong trật tự của XHCD mà cơ sở phổ quát nhất là tự do và bình đẳng pháp lý.

Chế độ phong kiến suy yếu vào thế kỷ 16, từ “công dân” bắt đầu trở nên phổ biến trong giao tiếp hàng ngày. Người ta nói về việc mình đã tiến như thế nào từ xã hội nguyên thủy đến một xã hội tiến bộ (văn minh) hơn như thế nào. Họ nói về tầm quan trọng của những phẩm chất trong gia đình và sự đúng mực nơi công cộng. “Civil” nói đến một trật tự xã hội tiên tiến hơn trật tự xã hội đã tồn tại trong chế độ phong kiến. Các nhà triết học tìm cách miêu tả những thay đổi đang diễn ra ở các nước châu Âu và văn hóa phương Tây.

Thomas Hobbes (1588-1679) là một trong những nhà triết học đầu tiên sử dụng từ “civil” để nói đến chính phủ. Để có thể sống hòa bình với nhau, ông cho rằng, loài người phải hy sinh tự do từ nhiên của họ để đổi lấy tự do dân sự thông qua “khế ước xã hội”. Sau khi khế ước được thiết lập, “đám đông kết hợp thành một người được gọi là COMMONWEALTH, tiếng Latin là CIVITAS. Đó là thể hệ đầu tiên của Con quái vật khổng lồ. Bằng “Leviathan”, Hobbes muốn nói đến

sự thịnh vượng chung hay nhà nước được ra đời “bằng sự thỏa thuận của mọi người với nhau” và đòi hỏi sự tán thành của xã hội; tự do dân sự mà nó cho phép là tự do làm những việc mà pháp luật của nhà nước không cấm”.

John Locke (1632- 1704) mở rộng khái niệm khế ước xã hội của Hobbes và bắt đầu khái niệm XHCD. XHCD được coi là đối lập với “trạng thái tự nhiên” hoặc xã hội dưới một chính phủ cai trị bằng sự chuyên quyền chứ không bằng luật pháp. Với John Locke, người ta bắt đầu hiểu về XHCD hiện đại. Theo Locke, XHCD là địa hạt của những tổ chức được thiết lập khi con người bước vào cuộc sống cộng đồng, là nơi những thiếu hụt và khiếm khuyết của trạng thái tự nhiên được điều chỉnh thông qua khế ước và thỏa thuận. XHCD tiếp giáp với lĩnh vực chính trị, và ở đó không tồn tại sự phân biệt XHCD với nhà nước. Rousseau cũng đồng ý rằng XHCD là một bước tiến của văn minh nhân loại, sự xuất hiện của XHCD là dấu hiệu con người đã vĩnh viễn bước ra khỏi trạng thái tự nhiên.

Mối quan tâm đối với mức độ căng thẳng đang gia tăng giữa chủ nghĩa cá nhân và đời sống cộng đồng, đối với nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước và nhu cầu tìm lại một số phẩm hạnh cộng đồng hay tinh thần cộng đồng thể hiện những mối quan tâm không dứt của các nhà nghiên cứu về XHCD cho đến ngày nay. Tuy nhiên, tư tưởng XHCD dưới thời kì Khai sáng chưa mang tính hiện đại một cách đầy đủ. Vì mặc dù con người có thể xác định chủ nghĩa hiệp hội như một giải pháp quan trọng cho những vấn đề nêu trên, nhưng XHCD lại không được coi là một lĩnh vực hoạt động ngoài nhà nước. Ferguson vẫn tiếp tục quan niệm XHCD theo nghĩa cổ điển nhấn mạnh sự thống nhất giữ XHCD và nhà nước. Adam Smith, đặt giải pháp XHCD cho vấn đề thu được lợi ích công cộng lớn hơn trong xã hội xuất phát từ sự cảm thông tự nhiên hay tình cảm đạo đức.

Tư tưởng về XHCD của Scotland thời Khai sáng du nhập sang Đức sau bản dịch “Luận về nguồn gốc của XHCD” của Ferguson (1767) và “Sự thịnh vượng của quốc gia” của Adam Smith (1776-8). Tiếp sau đó, Hegel là người đầu

tiên được thừa nhận đã bắt đầu phát triển quan niệm hiện đại về XHCD trong “Triết học pháp quyền” viết năm 1821. Hegel tìm cách giải quyết sự đối lập tồn tại trong XHCD như kết quả của cái riêng trong mối quan hệ với nhà nước phổ biến. Chính ở điểm này, tư tưởng XHCD lần đầu tiên liên quan đến mối quan hệ đích thực giữa nhà nước và XHCD với những lĩnh vực tách biệt. Nhà nước, để có thể đạt được cái phổ biến, đòi hỏi phải có sự sáng tạo thông qua XHCD của các cá nhân tự do và đòi hỏi khả năng thoả mãn các nhu cầu. Nhưng chính thông qua quá trình phát triển này, XHCD ngày càng được đặc trưng bằng sự hỗn loạn, và bất công làm xói mòn sự thống nhất đạo đức. Sự thống nhất đạo đức đó chỉ được tìm thấy trong nhà nước phổ biến, nhà nước phổ biến, mặc dù không xoá bỏ XHCD nhưng phải cai trị và hướng dẫn nó.

Nghiên cứu những mâu thuẫn tồn tại bên trong XHCD, Hegel Georg Wilhelm Fridrich (1770-1831) đã phát triển khái niệm XHCD theo nghĩa hẹp như một lĩnh vực song song tách ra khỏi nhà nước, đó là lĩnh vực của các công dân liên kết với nhau vì lợi ích và mong muốn của họ. XHCD được định nghĩa là lĩnh vực của những cam kết xã hội tồn tại trên cá nhân nhưng dưới nhà nước và một hệ thống phức tạp những thực tiễn kinh tế, xã hội và văn hoá dựa trên quan hệ bạn bè, gia đình, thị trường và các mối quan hệ tự nguyện, là một hệ thống những nhu cầu dựa trên chế độ tư hữu, là những quan hệ tài sản, pháp luật và đẳng cấp.

Tocqueville lại coi XHCD là lĩnh vực đời sống công cộng ngoài gia đình, được tạo ra bởi sự gia tăng các tổ chức tự nguyện trong các hoạt động từ xây dựng trường học và nhà thờ, đến các công việc từ thiện, đến kiểm soát hoạt động của chính phủ. Xã hội được ông chia thành ba bộ phận: chính phủ, XHCD và xã hội chính trị; trong đó XHCD bao gồm hệ thống các lợi ích riêng và lợi ích kinh tế.

Những điều trình bày trên cho thấy: Sự sáng tạo ra XHCD đã tạo ra một môi trường định vị và bảo vệ sự độc lập xã hội. Khái niệm XHCD, trong quá trình phát triển, đã thu hẹp lại khá nhiều và cụ thể hơn, với những yêu cầu cao hơn về

phẩm hạnh và trình độ của người công dân. XHCD, từ chỗ đồng nghĩa với nhà nước/quốc gia – state (xã hội được tổ chức như nhà nước) và đều được dùng để nói đến xã hội văn minh đối lập với xã hội hoang dã được tách ra khỏi nhà nước, được sử dụng để chỉ những mặt phi nhà nước của xã hội, ở vị trí ngày càng cách xa nhà nước.

1.2.2. Nguồn gốc của tư tưởng về XHCD, cơ sở hình thành và điều kiện tồn tại của XHCD

Nguồn gốc của tư tưởng XHCD

Tư tưởng về XHCD có nguồn gốc từ lí thuyết về luật tự nhiên xuất hiện trong tư tưởng của các nhà triết học theo trường phái khắc kỉ sau sự tan rã của thành bang Hy Lạp. Luật tự nhiên cho tất cả bắt nguồn từ cả ý chí tự nhiên và là kết quả sự phát triển của lí trí con người. Sự sụp đổ của thành bang cùng với những liên hệ bền chặt giữa cá nhân và cộng đồng đã dẫn tới những hạt nhân đầu tiên của khái niệm cá nhân.

Người trình bày rõ ràng nhất về luật của tự nhiên là Cicero. Ông viết: “Có một luật thực sự trong thực tế - gọi là lí trí đúng đắn - phù hợp với tự nhiên, phổ biến trong tất cả các sinh vật, không thay đổi và không diệt vong. Bằng cách ra lệnh, nó buộc con người phải thực hiện các nghĩa vụ; bằng cách ngăn cấm, nó ngăn cản con người làm những điều sai trái. Mệnh lệnh và sự ngăn cấm đó chỉ có ảnh hưởng đối với những người tốt mà không ảnh hưởng đến người xấu. Làm cho luật này mất hiệu lực bằng cách lập pháp, về mặt đạo đức, là không đúng hay hạn chế ảnh hưởng của nó là không thể chấp nhận được và xoá bỏ nó hoàn toàn là không thể”¹⁷. Trên cơ sở luật tự nhiên, ông cho rằng con người có các quyền tự nhiên không thể chuyển nhượng được. Người sở hữu quyền này không thể từ bỏ nó, dù tự nguyện hay không tự nguyện, không một người, một nhóm người hoặc một thể chế nào có thể tước đoạt nó khỏi anh ta.

¹⁷ Seligman, Adam B. , “*The Idea of Civil Society*”, Princeton University Press, tr.17

John Locke đã kế thừa thuyết pháp quyền tự nhiên làm nền móng cho lý luận về XHCD của mình. Locke định nghĩa trạng thái tự nhiên là hoàn cảnh của các sinh vật và đồ vật trước khi có XHCD. Những con người trong đó tự do, và bình đẳng. Họ mang trong mình ánh sáng của lý trí cho phép họ phân biệt qui luật tự nhiên và thích ứng với qui luật đó theo cách cư xử của họ. Trạng thái tự nhiên là trạng thái của hoà bình, thiện chí, hỗ trợ lẫn nhau và ổn định. Điểm khác nhau giữa trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội là ở chỗ trong trạng thái tự nhiên chỉ biết đến tư pháp¹⁸. Sự thiếu tổ chức đó đã dẫn đến sự mất an toàn của những cá nhân và của cải đồng thời kết thúc trạng thái tự nhiên. Để thoát khỏi sự rủi ro của sự mất an ninh, vừa để tự do đối với quyền sở hữu, con người xây dựng xã hội chính trị hay XHCD, ở đó, mỗi người từ bỏ quyền của mình trong việc thực thi luật của tự nhiên và chuyển quyền lợi đó sang tập thể. Điều khoản cơ bản của khế ước xã hội là việc từ bỏ pháp quyền để đàn áp những vi phạm luật của tự nhiên.

Locke coi trạng thái tự nhiên là “trạng thái tự do hoàn toàn để thực hiện hành động của mình, từ bỏ của cải và bản thân mình, nếu họ thấy phù hợp, trong những giới hạn của quyền tự nhiên, mà không cần xin phép hoặc phụ thuộc vào ý chí của bất cứ một người nào khác”. Trạng thái tự nhiên có những luật lệ riêng ngự trị, nó bắt buộc mọi cá nhân phải tuân theo: “không ai có quyền làm hại đến tính mạng, sức khoẻ, tự do và sở hữu của người khác”. Sự khẳng định của Locke rằng mỗi cá nhân sinh ra tự do trong trạng thái tự nhiên có nghĩa là chúng ta không sinh ra trong xã hội chính trị. Chúng ta bẩm sinh không phải là công dân mà cần phải làm gì đó để trở thành công dân.

Hugo Grotius (1583-1645) đã hợp lý hoá luật của tự nhiên căn cứ vào những nguyên tắc về quyền của lý trí, khế ước, và của sự ưng thuận của cá nhân và trở thành người sáng lập ra thuyết pháp quyền tự nhiên hiện đại. Luật của tự nhiên được căn cứ trên lý trí chứ không phải là một phát hiện. “Luật của tự nhiên

¹⁸ Nghĩa là những vi phạm pháp quyền tự nhiên không bị trừng phạt hay đúng hơn, nhưng vi phạm đó bị trừng phạt cách vô chính phủ bởi sáng kiến của nạn nhân, của cha mẹ hoặc bạn bè họ

là mệnh lệnh của lí trí, nó chỉ ra rằng, một hành động, tùy thuộc vào việc nó phù hợp hoặc không phù hợp với bản chất của lí trí, mang trong nó tính tầm thường về mặt đạo đức hoặc đạo đức thiết yếu; và kết quả là, hành động đó hoặc là bị ngăn cấm hoặc được khuyến khích bởi những quyền năng của tự nhiên, của Chúa”. Với Hugo Grotius, chúng ta bước vào thời kì mới trong quan niệm về luật của tự nhiên.

Montesquieu Charles Louis de Secondat (1689- 1755) hoàn thiện luật tự nhiên trong “Tinh thần pháp luật”. Ông cho rằng trình độ đầu tiên của con người là trạng thái tự nhiên. “Trước khi làm ra luật thì đã có những quan hệ về sự công bằng tất yếu rồi”. Sự công bằng tất yếu mang tính tự nhiên được hiểu là: đã là con người thì ai cũng quan tâm đến an ninh thân thể, rồi sau đó là nhu cầu mưu sinh, tình hữu ái đối với đồng loại, nguyện vọng sống thành xã hội để chia sẻ tri thức...

Cuối thế kỉ XVI, đầu thế kỉ XVII, thuyết luật tự nhiên lại hồi sinh với những cuộc tranh cãi không ngớt về cấu trúc của chủ quyền tối cao trong một quốc gia, trong những người thống trị và những người dân, thúc đẩy thêm sự phát triển tư tưởng về XHCD với tư cách là một cơ chế đảm bảo dân chủ trong xã hội, chống lại sự chuyên chế của quyền lực nhà nước.

Cơ sở hình thành và điều kiện tồn tại của XHCD

Sự ra đời của khế ước xã hội

Vào thế kỉ XVII, XVIII, XHCD là một khái niệm cơ bản nhất để giải thích vì sao xã hội lại tồn tại và vì sao các cá nhân lại chấp nhận sống trong xã hội, tham gia vào các tổ chức tự nguyện và chấp nhận sự hợp pháp của những quyền lực bên ngoài đối với bản thân họ trong khi xã hội đó, theo những cách khác nhau ngăn cản họ làm những việc mà có thể họ muốn làm.

Nghiên cứu của các nhà tư tưởng, bắt đầu từ Platon và đặc biệt là Hobbes, Locke, Rousseau đã tạo ra lí thuyết khế ước xã hội. Con người quan sát ở nhà nước tiếng nói của khế ước vì đó là phương tiện duy nhất để gìn giữ hoà bình. Con người không còn sống như những cá nhân độc lập và tách biệt mà tập hợp lại

hình thành một ý chí chung. Do đó, họ cũng không giữ lại những quyền làm tổn hại đến sự liên kết. Tất cả các quyền đó được chuyển nhượng cho nhà nước. Và con người cho dù có phân biệt được cái thiện và cái ác nhưng họ không có quyền lựa chọn mà chỉ có nghĩa vụ làm theo mệnh lệnh của khế ước.

Locke nói rằng XHCD được hình thành ở thời điểm con người tự nguyện bước vào sự trao đổi qua lại với nhau. Chính là khế ước xã hội đã đưa con người từ trạng thái “tự nhiên” (dã man, cảm tính) sang trạng thái “công dân” (văn minh, lí tính) của XHCD. Bằng việc rời khỏi trạng thái tự nhiên và bước vào XHCD, các cá nhân nhất thiết phải hy sinh quyền được phán quyết và trừng phạt sự vi phạm luật tự nhiên của người khác. Đó là sự hy sinh không nhỏ và sẽ không được củng cố trừ khi XHCD hay xã hội chính trị đó tôn trọng quyền lực mà nó đang thực thi. Những quyền đó không thể chuyển nhượng được cho nhà nước, không thể bị lấy đi khi không có sự cho phép của các cá nhân vì đó là những quyền không thể xâm phạm.

Quyền lực chính trị trong xã hội đều xuất phát từ quyền lập pháp và hành pháp của các cá nhân trong trạng thái tự nhiên. Con người trong XHCD từ bỏ quyền lực, ra khỏi quyền lực tự nhiên và trao quyền lực đó cho cộng đồng, từ đó quyền lực chính trị ra đời. Một xã hội không phải là cái gì khác hơn một cộng đồng được ràng buộc chia thể giới thành một bên là những người được chấp nhận và an toàn khi kết hợp với nhau và một bên là những người không được kết nạp vào cộng đồng và phải đối mặt với nguy hiểm tiềm ẩn.

Theo Rousseau, chỉ những mối đe dọa không dứt trong sự suy thoái từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái chiến tranh dẫn các cá nhân đến với khế ước xã hội để thành lập XHCD và đến với chính phủ hạn chế để đảm bảo quyền hành pháp và bảo vệ những quyền tự nhiên của con người. “Trật tự xã hội là một thứ quyền thiêng liêng làm nền tảng cho mọi thứ quyền khác. Nhưng trật tự xã hội

không phải tự nhiên mà có, nó được xác lập trên cơ sở những công ước”¹⁹. “Không ai tự nhiên có quyền uy đối với đồng loại,..vậy chỉ có công ước (convention) là có thể làm cơ sở cho mọi quyền uy chính đáng giữa người với người mà thôi”²⁰. Xã hội tồn tại trên cơ sở khế ước. Khế ước giữa các công dân với nhà nước là Hiến pháp và pháp luật. Quan điểm này của Rousseau, sau này, đã được vận dụng trong luật pháp của nhiều quốc gia để xác định tính hợp pháp của XHCD và đánh dấu sự thừa nhận của nhà nước đối với sự tồn tại khách quan của XHCD bên cạnh nhà nước, đảm bảo những nguyên tắc hoạt động cho cả nhà nước và XHCD.

Rousseau cũng cho rằng việc tham gia vào các hoạt động chung và có sự chia sẻ với các cá nhân khác có thể khắc phục được sự khan hiếm các nguồn lực. “Tìm ra một hình thức liên kết với nhau để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khếp mình vào tập thể, dùng sức mạnh tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo chính bản thân mình”²¹. Khi đó, trong cách cư xử của con người, công lí thay cho tiềm thức, tiếng nói của nghĩa vụ thay cho những kích thích vật lí, suy xét bằng lí trí trước khi nghe theo dục vọng²².

Rousseau quan niệm tự do cá nhân phải là “tự do chủ động” (tức là có yếu tố nhận thức của cá nhân) và coi tự do này là cơ sở cho học thuyết về nhà nước. Khế ước xã hội của Rousseau trả lời câu hỏi làm cách nào chúng ta có thể tự do và chung sống mà không bị ép buộc. Ông cho rằng sự hợp nhất những cá nhân riêng biệt thành nhà nước diễn ra theo con đường thoả thuận mà cơ sở của nó là sự tự nguyện tham gia vào nhà nước của các cá nhân riêng biệt. Rousseau hiểu ý chí chung không phải như một cái độc lập, không phải như một cái hợp lí tự thân mà như một cái phụ thuộc vào ý chí riêng. (Hegel sau này đã nhận thấy học

¹⁹ Rousseau, J.J. (2004) , “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.52

²⁰ Rousseau, J.J. (2004) , “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.58

²¹ Rousseau, J.J. (2004) , “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.66

²² Rousseau, J.J. (2004) , “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.73

thuyết chính trị của Rousseau là sự đe dọa đối với quyền uy tuyệt đối và sự vĩ đại của nhà nước).

Như vậy, quyền lực của cơ quan chính trị sinh ra từ tổng hoà của những sự nhượng quyền của các cá nhân. Nhà nước sinh ra từ sự từ bỏ quyền lực của những con người để đi vào xã hội cấu thành tổ chức chính trị. Do đó, khi đã bước vào xã hội chính trị, con người sẽ tự nguyện chấp nhận những quy chế của xã hội đó.

Grotius tin rằng sự tuân thủ tự nguyện, một trong những hậu quả chủ yếu của tính xã hội được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng XHCD. Pháp quyền tự nhiên chỉ định sự tôn trọng khế ước vì nhu cầu ổn định của cộng đồng. Hơn nữa, con người trong cộng đồng phải có một phương tiện bắt buộc để tuân thủ lẫn nhau. Sự tuân thủ bằng khế ước, cơ sở của pháp quyền tự nhiên, cũng là cơ sở của mọi công pháp.

Khế ước mà Grotius giữ trong trật tự của pháp quyền thuần tuý cho phép xây dựng XHCD và quyết định các điều kiện sống trong lòng xã hội đó, nhà nước - xã hội con người tích tụ ở nó những quan hệ của công pháp và của quyền lực chính trị. Như vậy, mặc dù được lập nên bởi những cá nhân, những cá nhân sẽ mất đi còn nhà nước vẫn tồn tại, những nghĩa vụ và quyền của nó vẫn được tiếp tục. Đó là lí thuyết về sự vĩnh tồn của nhà nước, độc lập với hành vi của người cầm quyền và những hành vi tư nhân, được xây dựng trên quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Mục đích của các nhà nước-xã hội là sự hưởng thụ chung các quyền được thừa nhận dựa trên lợi ích chung. Lợi ích công cộng là nguyên tắc cao nhất mà tất cả phải theo.

Tóm lại, Grotius tạo ra xã hội trên cơ sở đồng thuận. Nhà nước đó dù là vĩnh viễn hay hữu hạn, không mang lại thêm bất cứ nghĩa vụ phụ nào cho những người cấu thành bộ phận của xã hội đó và không cho phép một ai tự xưng là đại biểu của một tập thể có những quyền riêng.

Thomas Paine (1737-1809) cũng có quan điểm tương tự khi viết trong “Quyền con người”: “Một phần lớn của trật tự đó cai trị con người không phải là

ảnh hưởng của chính phủ. Nó có nguồn gốc từ những nguyên tắc của xã hội và thể chế tự nhiên của con người. Nó tồn tại trước chính phủ và sẽ tồn tại sau khi chính phủ đã bị xoá bỏ. Sự phụ thuộc lẫn nhau và sự trao đổi lợi ích giữa những con người với nhau, và tất cả những bộ phận của cộng đồng văn minh với nhau, tạo ra một chuỗi liên hệ lớn để cố kết lại... Thực ra, xã hội tự làm cho nó mọi thứ mà người ta nghĩ chính phủ làm”²³.

Max Weber phân tích rằng cái giá đầu tiên mà con người phải trả khi bước vào xã hội hiện đại và văn minh là việc con người bước vào XHCD. Ông cố gắng hiểu bằng cách nào và tại sao các cá nhân sẵn sàng thực hiện vai trò trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ tư bản chủ nghĩa. Ông rút ra nhận xét: các quan hệ làm cho việc tạo ra các nguồn lực trở nên khả thi để xã hội hiện đại có thể giải quyết được sự khan hiếm vật chất đi liền với sự bản cùng hoá tinh thần của con người. Nói cách khác, ngoài những đòi hỏi của XHCD hiện đại với những thủ tục hợp lí và liên quan đến trách nhiệm cá nhân, giữa con người có sự đồng nhất²⁴.

Nhưng khế ước xã hội chỉ có thể ra đời khi có ít nhất hai điều kiện, đây cũng là hai điều kiện quan trọng quyết định sự tồn tại của XHCD:

i) Cơ sở xã hội

Cơ sở xã hội của sự tồn tại XHCD là sự phát triển nhận thức của cá nhân trong xã hội hay quá trình tìm kiếm điểm chung trong sự khác biệt.

Trong xã hội có rất nhiều cá nhân khác nhau, và vì vậy có rất nhiều lợi ích khác nhau. Mọi người không dễ nhất trí với nhau trong nhiều việc. Họ phải nỗ lực để đạt được mục đích của họ. Phẩm chất chủ yếu cho sự phát triển của con người là lí trí. Lí trí thực sự chỉ có thể phát triển khi mỗi cá nhân chịu trách nhiệm đầy đủ về sự lựa chọn của mình. Các cá nhân không thể phát triển hay trưởng thành khi người khác lựa chọn thay cho họ vì khả năng nhận thức, đánh giá và các hoạt

²³ Kean, J. (1988), “*Civil Society and the State*”, Verso, London, tr1

²⁴ Tester, Keith (1992) , “*Civil Society*”, Routledge, London, tr.113-117

động trí tuệ nói chung và thậm chí cả chuẩn mực đạo đức chỉ có thể được hoàn thiện trong quá trình tự chịu trách nhiệm về các lựa chọn (Locke).

Rousseau nhận thấy sự xuất hiện của XHCD là một quá trình gồm hai bước: Một mặt con người thấy được sự đồng nhất trong những mối quan tâm khác nhau. Chính là những cái chung trong những lợi ích khác nhau tạo ra ràng buộc xã hội; nếu không có điểm chung nào trong số các lợi ích khác biệt, XHCD không thể tồn tại. Vì “nếu còn giữ chút ít quyền riêng của mình mà lại không có cái gì chung cao hơn, để nói lên quyền lợi công cộng... sự liên kết sẽ thành vô hiệu”²⁵. Nhưng mặt khác, Rousseau nghĩ rằng việc cần XHCD để giải quyết các vấn đề trao đổi qua lại trong điều kiện khan hiếm là rất tồi tệ. Trong “Luận về bất bình đẳng”, ông không hề nghi ngờ rằng: “Người đầu tiên chiếm hữu một mảnh đất nghĩ đến việc nói: “Nó là của tôi” và thấy rằng những người khác đơn giản là tin anh ta, là người lập ra XHCD”. XHCD, như vậy, là sự thừa nhận của cộng đồng. Nhưng ông cũng cho rằng XHCD được thể chế trong luật. “Luật pháp không phải là cái gì khác mà chính là điều kiện cho XHCD tồn tại”.

Hegel coi XHCD là “hình thức liên kết thoả mãn các mục đích cá nhân bằng phương tiện văn minh, nó góp phần biến con người thành chủ thể có văn hoá. XHCD là cộng đồng của những người có văn hoá, họ có các mục đích, quyền lợi không giống nhau, nhưng họ có đủ trí tuệ và cơ chế để thoả thuận, điều hoà, giải quyết và bảo đảm các quyền lợi đó”. Sự khả thi của XHCD chỉ được đảm bảo khi toàn thể công dân tự do và bình đẳng. Vì XHCD là nơi các cá nhân tìm kiếm sự thoả mãn mục đích ích kỉ của mình nên đó là nơi các cá nhân đặt ra yêu cầu, thoả mãn nhu cầu và tự trị cá nhân.

Immanuel Kant (1724- 1831) quan tâm nhiều hơn đến vấn đề tự do và bình đẳng. Theo ông, quyền, bao gồm cả quyền cá nhân, và sự công bằng được bảo đảm thông qua các cá nhân tự trị và chuyên nghiệp theo sự phán quyết của lí trí, trong sự phổ biến của nó, nối liền sự phân biệt giữa lĩnh vực công cộng và lĩnh

²⁵ Rousseau, J.J. (2004) , “*Bàn về kế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.67.

vực tư nhân, cá nhân và xã hội. Trong cuộc sống của con người, tự trị, tự do, và sự bình đẳng của cá nhân (điều này chỉ có trong cộng đồng gồm các cá nhân biết suy xét, cộng đồng luật pháp) thông qua lí trí chung đều đặt dưới luật của đạo đức²⁶.

John Stuart Mill (1806-1873) viết: “Con người sử dụng tất cả các khả năng để tự chọn kế hoạch cho cuộc sống của anh ta. Anh ta cần sử dụng óc quan sát để nhìn, lí trí và sự suy xét để tiên đoán, hoạt động để tập hợp tài liệu để ra quyết định, sắp xếp hệ thống giá trị ưu tiên để quyết định, và khi đã quyết định, anh ta phải chắc chắn và tự kiểm chế để giữ vững quyết định đã được cân nhắc kĩ của anh ta. Và anh ta cần đến những phẩm chất đó và sử dụng những khả năng đó trong sự hài hoà vì phần hạnh kiểm của anh ta, phần mà anh ta quyết định theo nhận định và cảm giác riêng của mình là phần lớn hơn. Anh ta có thể tự mình hướng sang con đường tốt, và tránh xa đường xấu. Nhưng cái gì là giá trị tương đối của anh ta với tư cách một con người? Điều thực sự quan trọng không phải anh ta là gì mà phẩm chất nào của anh ta đã hướng anh ta làm những điều đó”²⁷.

Tâm điểm của XHCD là việc thiết lập được nền tảng duy lí. Để có thể đạt được những thoả thuận trong những vấn đề chung mang lại lợi ích ở mức độ khác nhau cho những người khác nhau, các cá nhân cần xác định được một hệ thống các giá trị chung và ý thức được cần phải tuân thủ các qui định và hệ giá trị chung đó. Việc xác định được hệ giá trị và những chuẩn mực cộng đồng đánh dấu một bước trưởng thành trong nhận thức của các cá nhân vì con người có thể gây ra những điều sai trái không chỉ bằng những cái anh ta làm mà bằng cả những cái anh ta không làm, và trong trường hợp làm hay không làm, anh ta đúng ra đều phải chịu trách nhiệm về những tổn thất. Nhưng trường hợp thứ hai, thật ra, đòi hỏi phải cẩn trọng hơn rất nhiều trong việc đánh giá. Đòi hỏi một người phải chịu trách nhiệm vì gây ra sai lầm cho người khác là luật; nhưng bắt anh ta phải chịu

²⁶ Aron, Raymond (1965), “*Main Currents in Sociological Thought*”, Penguin Books, Australia, tr.42.

²⁷ Tester, Keith (1992), “*Civil Society*”, Routledge, tr.411.

trách nhiệm vì đã không ngăn chặn những điều sai trái lại là việc khác. Mills quan niệm rằng chỉ khi đạt các chuẩn mực đạo đức, văn hoá... hay nói cách khác là thúc đẩy và nuôi dưỡng được lí tính, xã hội mới bước vào giai đoạn văn minh, dùng thuyết phục và tự do ngôn luận thay cho bạo lực và ép buộc. Vấn đề là ở chỗ xã hội đó phải chấp nhận những hoạt động có chủ ý vì sự tự nhận thức của xã hội thể hiện một trình độ cao của sự tự nhận thức và tự trị. Xã hội là nơi các cá nhân tự ý thức và tự nhận thức. Xã hội là điều kiện để con người biết mình là con người và cư xử như con người.

ii) Cơ sở kinh tế

Sở hữu tư nhân TBCN chính là điều kiện kinh tế cho sự xuất hiện và tồn tại XHCD. XHCD hiện đại chỉ được phát triển đầy đủ trên cơ sở quan hệ thị trường và sự ra đời của các quốc gia – dân tộc. Trong đó, thị trường đã tạo ra mối liên hệ phổ biến giữa các cá nhân vượt ra khỏi khuôn khổ của một cộng đồng thân tộc khép kín và định hình các mối quan hệ ấy bằng các khế ước.

Con người liên kết với nhau theo cách thức thoả hiệp tương hỗ hình thành một liên minh chống lại sự hỗn loạn. Sự liên kết đó là nhà nước. Do đó, khi con người từ bỏ trạng thái tự nhiên thì pháp quyền xuất hiện. Chính nhà nước làm nảy sinh cái thuộc về tôi và cái thuộc về anh, nó bắt buộc phải tôn trọng sở hữu của người khác. Ngoài ra, tiêu chuẩn duy nhất của pháp quyền, sự đo lường duy nhất có thể có là lợi ích thực tế (Hobbes).

Mặc dù phải từ bỏ quyền hành pháp khi gia nhập XHCD, nhưng con người đồng ý từ bỏ quyền đó và tạo ra XHCD để bảo tồn tính mạng, tự do, và tài sản. Quyền lực của XHCD là buộc phải bảo đảm quyền sở hữu của mọi người bằng cách dự phòng những khiếm khuyết trong trạng thái tự nhiên. Thậm chí, như Locke nói, khi luật đa số thống trị xã hội thì nó cũng vẫn phải đáp ứng yêu cầu khắt khe trong việc bảo vệ cuộc sống, tự do và của cải của con người, ít nhất cũng phải được như anh ta có thể bảo vệ được trong trạng thái tự nhiên. Điều này dẫn đến yêu cầu về một

nhà nước tối thiểu, một nhà nước tồn tại chỉ nhằm quyết định và bảo vệ quyền sở hữu chống lại những sự xâm phạm tiềm ẩn từ bên trong và bên ngoài.

Ông nhấn mạnh rằng các cá nhân bước vào XHCD vì mặc dù trong trạng thái tự nhiên, họ có quyền đối với tài sản của họ nhưng quyền đó rất mong manh trước sự xâm phạm của những người khác, cái quyền đối với của cải trong trạng thái này là không an toàn và không chắc chắn. Vì vậy, XHCD bắt nguồn và là sự biểu hiện của ý chí thống nhất của cá nhân đối với việc bảo vệ chung cho tự do và tài sản của họ. Con người sẽ rút ra khỏi khế ước đó nếu nó không bảo vệ được tính mạng, tài sản và tự do của họ.

“Quyền của người chiếm hữu đầu tiên có vẻ thực tế hơn là quyền kẻ mạnh. Tuy vậy, nó chỉ trở thành một quyền thực sự sau khi đã thiết lập quyền tư hữu”²⁸, quyền này “rất yếu ớt trong trạng thái tự nhiên lại được mọi người tôn trọng trong trạng thái dân sự”²⁹.

Theo Hegel, sở hữu tư nhân là điều kiện cần thiết cho sự phát triển cả XHCD vì tự do cá nhân không thể thiếu quyền sở hữu tư nhân.

Adam Ferguson cũng cho rằng để loại trừ được chế độ chuyên chế, cần những công dân có đặc quyền, cụ thể là những nam giới có bất động sản để có điều kiện tham gia hoạt động trong lĩnh vực công cộng mà không bị tác động bởi vấn đề tài chính; nhờ đó có thể giữ được sự độc lập và tự chủ.

John Gray cho rằng khi nói “XHCD” là nói đến: Thứ nhất: một xã hội có sự bao dung đối với những quan điểm, tôn giáo và chính trị khác nhau; xã hội đó không bị nhà nước áp đặt các học thuyết. Thứ hai, trong XHCD, cả chính phủ và cá nhân các công dân được kiểm chế trong khuôn khổ đạo đức bởi những luật lệ. Một trạng thái mà trong đó ý chí của người cai trị là luật pháp thì ở đó không có XHCD. Thứ ba, XHCD được đặc trưng bởi tư hữu của cải. Trong những xã hội mà của cải được trao cho cộng đồng hay đa số của cải thuộc sở hữu của nhà nước

²⁸ Rousseau, J.J. (2004), “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.75.

²⁹ Rousseau, J.J. (2004), “*Bàn về khế ước xã hội*”, Nxb LLCT, Hà Nội, tr.76.

hay bị nhà nước kiểm soát cũng không phải là XHCD. Tự hữu về của cải được bảo vệ như một phương tiện để các cá nhân với những mục tiêu cơ bản khác nhau có thể đạt được mục đích của mình mà không cần viện đến các thủ tục quyết định tập thể vốn rất phức tạp đầy mâu thuẫn.

Như vậy, không phải bất cứ xã hội nào cũng là XHCD. Một xã hội chỉ phát triển trở thành XHCD khi ý thức chính trị của công dân đã phát triển đến một trình độ nhất định, khi nhà nước tôn trọng quyền công dân và công dân tôn trọng pháp luật, ý thức được mình là công dân của một nhà nước, là thành viên của một cộng đồng khi xã hội đã đạt đến một trình độ nhất định của văn minh vật chất và tinh thần. Nhà nước và XHCD bị chi phối bởi hai trục: luật pháp (quyền và nghĩa vụ) và dư luận xã hội (chấp nhận những qui chuẩn đạo đức, qui tắc sống xã hội đề ra). Nói cách khác, chỉ khi mọi người trong xã hội được thừa nhận quyền tự do, có những quan hệ chính trị- pháp lí với nhà nước, có những cách thức riêng để hiện thực hoá lợi ích của mình, XHCD mới thực sự tồn tại.

1.2.3. Bản chất của XHCD

Quan niệm về bản chất của XHCD cũng có những biến đổi trong những thời kì lịch sử khác nhau. Nếu XHCD truyền thống là lĩnh vực của đạo đức, XHCD thời kì cận đại được qui về tính ích kỉ, qui về lợi ích duy lí của các cá nhân thì XHCD hiện đại lại được coi là lĩnh vực trao đổi qua lại giữa các cá nhân để hình thành lợi ích cộng đồng.

Mối quan hệ biện chứng giữa lĩnh vực công cộng và lĩnh vực tư nhân được coi như những yếu tố cấu thành XHCD. Để phát triển rộng hơn tư tưởng về XHCD, các nhà tư tưởng Khai sáng Scotland đã tìm kiếm và thiết lập, tổng hợp những đối lập ngày càng tăng trong xã hội. Những sự đối lập giữa cá nhân và xã hội, giữa tư nhân và công cộng, giữa chủ nghĩa vị kỉ và chủ nghĩa vị tha, cũng như giữa cuộc sống được điều chỉnh bởi lí trí và cuộc sống được điều chỉnh bởi sự ham mê trên thực tế đã cấu thành nên sự tồn tại của con người trong xã hội hiện đại. Ngày nay, khi nhìn lại tư tưởng về XHCD thế kỉ XVIII, người ta thường có

xu hướng thừa nhận sự đối lập giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng, cá nhân và xã hội, nguồn gốc của tính ích kỉ và lòng vị tha trong một hành động mặc dù tư tưởng về XHCD thế kỉ XVIII đến nay không còn phù hợp.

Sự phát triển các quan hệ KTTT thế kỉ XVIII thách thức tồn tại xã hội theo những cách khác. Tự do hoá sức lao động cùng với nhận thức mới về cá nhân càng làm cho hình ảnh truyền thống của cá nhân mờ nhạt, thay vào đó là các cá nhân tự trị theo đuổi lợi ích cá nhân trong lĩnh vực công cộng. Động lực mới và hoạt động xã hội được thiết lập theo một trật tự đạo đức mới, quan hệ qua lại giữa các cá nhân không còn dựa trên quan điểm chung mà dựa trên tư lợi duy lí - cái mà Shaftesbury gọi là sự đối lập giữa bản chất con người và động lực con người. Sự nhận thức sự phân hoá và nhu cầu vượt qua sự phân hoá đó đã trở thành cơ sở của tư tưởng về XHCD.

Với Thomas Hobbes, việc xây dựng nhà nước công dân là dựa trên khế ước được hình thành từ ý chí của thần dân. Nhưng cái gốc của con người theo ông là tính ích kỉ chứ không phải lòng vị tha về đời sống cộng đồng. Khi con người tìm kiếm lại cộng đồng thì không phải tìm thấy ở đó sự phát triển của mình mà duy nhất nhằm lợi ích riêng của mình. Xã hội sinh ra sự sợ hãi của con người, giữa người này với người kia chứ không phải là lòng nhân từ tương hỗ. Vì trạng thái tự nhiên là trạng thái chiến tranh giữa người này chống lại người kia, chiến tranh của tất cả chống lại tất cả. Do có quyền ngang nhau đối với mọi vật nên họ thêm muốn tất cả những vật đó, họ cũng có xu hướng làm hại lẫn nhau, giữa họ luôn tiềm ẩn mối nguy hiểm và sự tiềm ẩn đối với nhau. Trong thêm muốn và sợ hãi, con người bị tác động bởi bản năng ích kỉ nhằm duy trì bản thân mình và tìm kiếm lại sự an toàn.

Còn Hume (1711-1776) viết: “Thật sự là không có tình cảm nào của lí trí con người có đủ sức mạnh cần thiết và hướng đi thích hợp để cân bằng lại lòng tham lợi và làm cho con người phù hợp để trở thành thành viên của xã hội, bằng cách làm cho họ tránh được sự chiếm hữu của người khác. Sự rộng lượng đối với

những người lạ quá yếu để thực hiện mục đích này; và cùng với sự ham muốn của người khác, chúng kích động lòng tham, khi chúng ta quan sát, càng có nhiều tài sản, chúng ta càng thêm khát. Vì vậy không có tình cảm nào, có thể kiềm chế được sự đam mê lợi ích ngoài chính bản thân tình cảm đó, bằng cách điều chỉnh hướng đi của mình... Sự say mê đó tốt hơn nên được thoả mãn bởi sự kiềm chế hơn là tự do...”³⁰

Trong khi Ferguson sợ rằng thương mại thuần túy và hành động được thúc đẩy bởi lợi ích sẽ phá hỏng nền tảng chung của XHCD và những tình cảm làm cơ sở cho nền tảng đó, Hume lại hướng người đọc đến với tư lợi (duy lí) như sự bảo đảm duy nhất cho trật tự xã hội: “Hôm nay ngô của anh chín, ngày mai ngô của tôi chín. Sẽ có lợi cho cả hai nếu tôi giúp anh hôm nay và ngày mai anh giúp lại tôi. Tôi không có lòng tốt với anh và biết rằng anh cũng chẳng có nhiều lòng tốt với tôi... Vì vậy tôi học cách làm một việc cho người khác mà không cần phải có lòng tốt thật sự với anh ta; bởi vì tôi thấy trước rằng anh ta sẽ là một việc khác cho tôi để đổi lại, những người khác cũng thế, và để duy trì những hình thức tương ứng với tôi hoặc với những người khác.”³¹.

Với Hume, sự phân biệt giữa công bằng và phẩm hạnh, giữa lĩnh vực công cộng dựa trên hoạt động của tư lợi và lĩnh vực tư nhân theo đúng nghĩa của đạo đức được biểu hiện ở dạng đơn giản nhất của nó. Chính việc làm cách nào để đặt ra một qui tắc, đưa ra sự phân biệt giữa một bên là những luật lệ chung của sự công bằng và phía bên kia là sự mong muốn đạt được tư lợi duy lí, đã đánh dấu một giai đoạn hiện đại trong lịch sử phát triển tư tưởng XHCD từ Hume trở đi.

Lí trí, trong tư tưởng của Hume, cho phép cá nhân xác định được lợi ích của mình từ các qui tắc đạo đức phổ biến. Nhưng con người, theo Hume, tuân theo những luật lệ của sự công bằng không phải vì những luật lệ đó đại diện cho đạo đức phổ biến mà đơn giản nhằm tối đa hoá lợi ích của mình. Và “không phải

³⁰ Tester, Keith (1992) , “*Civil Society*”, Routledge, London, tr.39-40

³¹ Tester, Keith (1992) , “*Civil Society*”, Routledge, London, tr.40-41

sự quan tâm đến lợi ích công cộng hay lòng bao dung lớn lao dẫn dắt chúng ta đến với luật lệ của sự công bằng”; không chỉ tình cảm đạo đức khác biệt với những luật lệ của sự công bằng, mà ý thức về sự công bằng được tách ra khỏi lí trí. Và trong khi tư lợi duy lí dẫn dắt chúng ta đến với các luật của sự công bằng thì bản thân sự công bằng chỉ là một phương tiện và đứng ngoài lợi ích.

Hegel đánh giá XHCD thông qua hai đặc điểm: Thứ nhất, trong XHCD, cá nhân riêng biệt là mục đích đối với bản thân mình, tức là hoạt động của nó hướng vào việc đáp ứng tổng thể những nhu cầu của nó, cá nhân riêng biệt thể hiện với tư cách là chủ thể vị kỉ, chỉ phục tùng tính tất yếu tự nhiên và sự tùy tiện của mình trong hoạt động của mình. Thứ hai, một cá nhân riêng biệt chỉ có thể đáp ứng những nhu cầu của mình khi có những quan hệ xác định với các cá nhân khác. Khi đáp ứng các nhu cầu của mình, cá nhân riêng biệt đồng thời cũng góp phần đáp ứng lợi ích chung. “Trong XHCD, mỗi người đều là mục đích đối với mình, mọi người khác thực chất chỉ là hư vô đối với nó. Nhưng nó không thể đạt được tổng số các mục đích của mình mà thiếu quan hệ với người khác; do vậy, những người khác này thực chất chỉ là phương tiện cho mục đích riêng. Nhưng mục đích riêng đem lại cho mình hình thức của cái chung và tự đáp ứng mình thông qua quan hệ với những mục đích khác, qua đó cũng đồng thời đáp ứng những lợi ích của người khác. Trong hoạt động của mình, những cá nhân riêng biệt góp phần thực hiện lợi ích chung, hợp lí của mọi người, nhưng đồng thời hoạt động của họ cũng bị chính cái chung hạn chế”.³²

Giải quyết mối quan hệ giữa XHCD và nhà nước, Hegel có một kết luận tiến bộ rằng không chỉ cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ đối với XHCD mà XHCD cũng phải bảo vệ các quyền của các cá nhân. Vượt lên tính tự phát của XHCD, nhà nước thể hiện sự thống nhất của lợi ích riêng và lợi ích chung.

³² Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Minh Hợp (2002), *“Triết học pháp quyền của Hêghen”*, Nxb. CTQG Hà Nội, tr.117-118.

Như vậy, hoạt động công dân không phải là gì khác mà là một nhóm những người tập hợp nhau lại để giải quyết những vấn đề chung, và XHCD là xã hội trong đó con người tự do thành lập các hội để tham gia vào các hoạt động dân sự. Con người tham gia hành động cùng nhau vì lợi ích chung hoặc vì lợi ích của người khác. Trung tâm của XHCD là các công dân trong cộng đồng xã hội. XHCD cũng như nhà nước, tự nó không có quyền lực; chỉ các cá nhân là có quyền. Nhưng con người luôn có xu hướng tồn tại trong cộng đồng, vì vậy, bản chất của XHCD là quan hệ giữa các cá nhân với nhau và với cộng đồng trong sự điều chỉnh của đạo đức và lí trí.

Có thể thấy, mục tiêu của các tổ chức XHCD không phải là quyền lực nhà nước. Trung tâm của nó là hình bóng người công dân. Về mặt nguyên tắc, XHCD có thể giải thích được sự trao đổi qua lại giữa con người với tư cách những cá nhân trong mối quan hệ với những người khác. Các nhà nghiên cứu đều tập trung vào mối quan hệ có vấn đề giữa lĩnh vực tư nhân và lĩnh vực công cộng, giữa cá nhân và xã hội, giữa đạo lí và tư lợi, giữa ham muốn cá nhân và lợi ích cộng đồng khi bàn về bản chất của XHCD.

1.2.4. Vai trò của XHCD

Vai trò của XHCD được xem xét trong mối quan hệ với xã hội và nhà nước vì mặc dù các tổ chức của XHCD được lập ra đều nhằm đạt được một mục tiêu nào đó; nhưng XHCD với tư cách một tổng thể, không có mục đích; đó là sự tổng hợp ngẫu nhiên kết quả hoạt động của các tổ chức có mục đích.

Đối với xã hội

XHCD có vai trò quan trọng đối với cộng đồng xã hội. *XHCD là trường học dân chủ*, quá trình tham gia vào XHCD là quá trình *xã hội hoá các cá nhân và củng cố, bảo vệ lợi ích cộng đồng*.

Larry Dimond cho rằng XHCD liên quan đến mục tiêu công cộng, nó mang tính bộ phận, nghĩa là không tổ chức nào trong XHCD đại diện cho lợi ích của một người hay toàn bộ cộng đồng mà mỗi nhóm đại diện cho những lợi ích

khác nhau. Trung tâm của phong trào xây dựng XHCD là vấn đề dân chủ trực tiếp, đó là sự tham gia trực tiếp của người dân vào việc điều hành xã hội.

Tocqueville coi sự tham gia tự nguyện của các công dân là trụ cột của nền văn hoá dân chủ và sức mạnh của nền kinh tế của đất nước Hoa Kỳ: các tổ chức có thể được coi như một trường học tự do lớn, nơi tất cả những thành viên của cộng đồng học những lí thuyết chung nhất về hội. Đời sống của các tổ chức xã hội sẽ bổ sung thêm cho vai trò của các đảng trong việc khuyến khích sự tham gia vào chính trị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và kĩ năng dân chủ của các công dân.

Keith Tester cho rằng XHCD là lĩnh vực quan trọng để phát triển các quyền dân chủ khác như sự khoan dung, sự điều độ, và sự tự nguyện thoả thuận, và tôn trọng những quan điểm đối lập. Rất nhiều các tổ chức của XHCD hoạt động trực tiếp trong các trường học, các nhóm công dân trưởng thành để phát triển các yếu tố của văn hoá dân chủ. Thông qua đó, người ta học cách tôn trọng các cuộc tranh luận giữa các quan điểm khác nhau.

XHCD kết nối, tập hợp và đại diện cho các lợi ích. Nó cung cấp những cơ hội để tham gia và gây ảnh hưởng đến mọi cấp của chính quyền. XHCD nắm giữ một lượng thông tin rất lớn, vì vậy có thể giúp các công dân đòi hỏi và bảo vệ lợi ích cũng như giá trị của họ. XHCD, đặc biệt là XHCD trong các nền kinh tế phát triển có xu hướng tạo ra những lợi ích lớn hơn có thể làm phân tán dư luận xã hội, nhờ đó làm dịu đi những ảnh hưởng của xung đột chính trị và đạt được những cải cách kinh tế trong một nền chính trị dân chủ.

Các tổ chức chính trị là trường học dân chủ cung cấp các bài học về nghệ thuật tổ chức. Các công dân học cách trao đổi quan điểm, cách tổ chức, cách bảo vệ sự tự trị của mình và giám sát nhà nước. Đó là nơi các cá nhân học được cách đạt được mục đích chung mà vẫn giữ được sự độc lập của mình trước nhà nước.

XHCD dung hoà các lợi ích đối lập một cách phi bạo lực và không ép buộc. Quá trình đó tạo ra ý thức cộng đồng và sự tin cậy, hay nói cách khác, huy

động được vốn xã hội cho sự phát triển. Vốn xã hội này tạo điều kiện thiết lập chuẩn mực và tập quán công dân cho, phép thị trường hoạt động hiệu quả và công bằng hơn. Sự tham gia của XHCD rất thiết thực và có hiệu quả trong những tình huống chính trị có vấn đề và trong việc ngăn chặn các thảm họa kinh tế và xã hội nói riêng. Bằng cách đó, XHCD bù đắp được những thiếu hụt, thất bại của Nhà nước và nền KTTT.

Đối với nhà nước

Trong cả hai trường phái cổ điển và tự do, tư tưởng XHCD như một lĩnh vực công cộng, một lĩnh vực trung gian giữa nhà nước và người dân, có nhiều cách hiểu khác nhau. XHCD vừa hỗ trợ, phối hợp với nhà nước; vừa giám sát, phản biện nhà nước.

*** XHCD hỗ trợ, phối hợp với nhà nước**

Adam Ferguson coi ***XHCD và nhà nước phụ thuộc lẫn nhau và là bộ phận của hệ thống giám sát và cân bằng dân chủ***. Tư tưởng này dẫn đến quan điểm coi ***XHCD là lực lượng hỗ trợ, phối hợp với nhà nước***. XHCD liên quan đến áp lực dân chủ, một mối liên hệ không thể xóa bỏ giữa XHCD và nhà nước.

Về cơ bản, quan điểm này cho rằng sự vận động của xã hội phải tuân theo những qui luật nội tại vốn có của nó, và do vậy, con người không thể tùy tiện lựa chọn cho mình một hình thức xã hội này hay hình thức xã hội khác. Xã hội, với tư cách là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa con người với con người được hình thành một cách khách quan và tất yếu.

XHCD hỗ trợ nhà nước bằng cách thực hiện những công việc chung mà nhà nước, vì nhiều lí do, không thực hiện được. XHCD giúp tìm kiếm và đào tạo những người lãnh đạo chính trị, những người cần có đủ kĩ năng và tự tin để bước vào các đảng chính trị hay chính phủ. Họ học được cách tổ chức và huy động quần chúng, tranh luận về các vấn đề, gây và duy trì quỹ, các chương trình công cộng, tìm kiếm người ủng hộ, đàm phán, xây dựng liên minh... XHCD có ảnh hưởng lớn đến ổn định chính trị trên cơ sở xây dựng được sự đồng thuận xã hội

trong nhiều vấn đề. Sự đồng thuận đó sẽ đảm bảo cho những chính sách được thông qua và ban hành vượt qua những thăng trầm của quá trình chính trị dễ hơn.

“Tự do của các hội”, theo Tocqueville, có thể “khuấy động xã hội trong một thời gian,... cuối cùng củng cố nhà nước”. Bằng cách làm nổi bật lên sự tin cậy, trách nhiệm, tập hợp, hiệu quả, và do đó là tính hợp pháp của hệ thống chính trị, một XHCD cường tráng tạo cho các công dân của mình sự tôn trọng đối với nhà nước và cộng tác tích cực với nó. Trong thực tế, với nguồn lực và ngân sách có hạn, nhà nước không phải lúc nào cũng đủ khả năng để quan tâm đến mọi lĩnh vực của cuộc sống, đáp ứng mọi nguyện vọng, nhu cầu của mọi người dân. Các tổ chức XHCD có khả năng làm tốt hơn nhà nước trong một số lĩnh vực.

Sự tham gia của XHCD cải thiện khả năng cai trị của nhà nước cũng như khả năng của nhà nước trong việc yêu cầu sự phục tùng tự nguyện của các công dân. XHCD thực hiện tốt chức năng xã hội của nó cũng có nghĩa là đã góp phần thực hiện chức năng xã hội của nhà nước.

*** XHCD phản biện, giám sát nhà nước**

Quan điểm nổi bật hơn lại coi XHCD *như sự bảo đảm chống lại nhà nước chuyên quyền và lĩnh vực công cộng là lĩnh vực đấu tranh chống lại sự độc tài của nhà nước*. Với quan niệm này, *XHCD được coi là lực lượng giám sát, phản biện nhà nước*.

Sự đối lập giữa nhà nước và XHCD xuất hiện trong tác phẩm của nhiều nhà tư tưởng có ảnh hưởng trong mấy thế kỉ qua. Rousseau có thể được coi là ví dụ tiêu biểu nhất. Tư tưởng của ông về ý chí chung được coi là chống lại quyền lực tuyệt đối của nhà nước bằng cách trở thành một công cụ thực sự đại diện cho người dân và gìn giữ hàng hoá công cộng.

XHCD không nhằm mục tiêu giành quyền lực chính trị hay tham gia vào các cơ quan nhà nước. Các tổ chức của XHCD đòi hỏi sự nhượng bộ của nhà nước về lợi ích, thay đổi chính sách, sự trợ giúp, điều chỉnh và trách nhiệm giải trình. Diamond và Linz đã đưa ra một ví dụ tiêu biểu về cách thức XHCD thực

hiện dân chủ: Vì nền dân chủ đòi hỏi một nhà nước hạn chế nhưng hiệu quả, nó cần một XHCD đa nguyên, tự quản để kiểm soát quyền lực nhà nước và đưa ra những ý kiến dân chủ về lợi ích chung.

Dimond đã kể ra 10 chức năng dân chủ của XHCD. Theo ông, chức năng đầu tiên và cơ bản của XHCD là cung cấp cơ sở để hạn chế quyền lực nhà nước, vì thế sự kiểm soát quyền lực nhà nước do xã hội thực hiện, và do đó các thể chế dân chủ chính trị là những phương tiện hữu hiệu nhất để thực hiện sự kiểm soát đó. Chức năng này có hai góc độ, để giám sát và kiểm chế việc thực thi quyền lực của nhà nước dân chủ và để dân chủ hoá chế độ nhà nước độc tài. Chức năng này đã được thực hiện có hiệu quả trong một số thập kỉ gần đây, điều này đã đặt XHCD lên hàng đầu khi người ta nói đến dân chủ. (Dimond cho rằng cách hiểu này tiềm ẩn những nguy cơ nghiêm trọng nếu ta lạm dụng nó - tình trạng vô chính phủ).

Trong “Lương tri” Paine cho rằng chính quyền, ngay cả khi trong một tình thế thuận lợi nhất, cũng chỉ là một thứ tội ác cần thiết..., còn khi tình hình rối ren thì cái chính quyền ấy sẽ không chịu nhân nhượng. Chính quyền, cũng như y phục, xuất hiện khi con người không còn được sống tự nhiên... Văn minh càng cao bao nhiêu thì chính quyền càng khó khăn bấy nhiêu. Cách hiểu này dẫn đến định nghĩa tiêu cực khá phổ biến về XHCD trong sự đối lập với nhà nước. Điểm nổi bật ở quan điểm này là người ta tin rằng khi mỗi cá nhân tham gia vào nhà nước thì người đó là thành viên của XHCD và là người tham gia hoạt động trong lĩnh vực công cộng.

Ngày nay, người ta có xu hướng kết hợp cả hai loại quan điểm trên về chức năng của XHCD. Một nhà nước mạnh đi kèm với một XHCD mạnh. XHCD được ví như người quan sát, một lực lượng luôn theo dõi nhà nước. Cho dù XHCD có xuất hiện hay không thì nhà nước vẫn phải để ý đến nó, và để không bị XHCD trừng phạt, nhà nước phải thực hiện đúng chức năng của mình. XHCD, như vậy, quyết định tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Nhưng XHCD cũng không

can thiệp vào nhà nước nhiều hơn việc giám sát và trừng phạt để không làm rối loạn trật tự xã hội. Với những phân tích trên đây, có thể nói XHCD là cơ sở và điều kiện tồn tại của NNPQ.

1.3. Một số quan niệm hiện đại về XHCD

1.3.1. Định nghĩa mới về XHCD

Cách phân tích mới trong lý thuyết XHCD lần đầu tiên xuất hiện trong các nước XHCN Trung – Đông Âu. Các phong trào đổi lập dân chủ trong khu vực (nhất là Ba lan) sử dụng tư tưởng về XHCD làm lý thuyết cho cuộc đấu tranh của họ nhằm tạo ra một lĩnh vực xã hội được bảo vệ tách biệt với lĩnh vực chính thức của hệ thống bao gồm tất cả đảng – nhà nước. Thực ra, những nghiên cứu về lịch sử tư tưởng XHCD đã được viết lại và ở một mức độ nào đó là dưới tác động của các phong trào này.

Không chỉ các nhà lý luận tả khuynh sắp xếp lại khái niệm XHCD theo mục đích của họ. Trong dòng chảy của khoa học chính trị, khái niệm này được dùng để giải thích cho sự sụp đổ của CNXH hiện thực và của các chế độ toàn trị, thông qua sự hồi sinh rõ rệt của đời sống hiệp hội như là cơ sở của sự kháng cự chính trị phổ biến. Ở đây, thuật ngữ XHCD trở thành trung tâm trong ngôn ngữ phân tích cái gọi là “làn sóng thứ ba” của dân chủ hoá kể từ những năm 1980, đặc biệt là ở Trung và Đông Âu. Ở đây, sự đổi lập giữa “XHCD” và “xã hội công dân” mà các nhà nghiên cứu Scotland thời kì Khai sáng đề cập đến được thay thế bằng sự đổi lập mới giữa XHCD và xã hội toàn trị. Nói cách khác, chuẩn mực của sự liên kết mà XHCD sử dụng một cách sáng tạo để phê phán “xã hội dã man” giờ đây được sử dụng để thể hiện sự đổi lập với sự phân tán của xã hội dưới sự điều hành của nhà nước toàn trị. Cách hiểu này về XHCD giờ đây được chấp nhận một cách phổ biến nhờ làn sóng dân chủ hoá thứ ba. Người ta coi XHCD là "lĩnh vực công cộng nằm giữa một bên là cấu trúc quan liêu rộng lớn của nhà nước và thị trường và bên kia là khu vực cá nhân" (Erfried Adam), là

“các tổ chức tự thân ngoài phạm vi chính trị chính thức” “thay thế nhiều chức năng của chính phủ” (Kaldor) hay tập hợp các thể chế ngoài nhà nước đủ mạnh để đối trọng với nhà nước, có thể ngăn cản nhà nước chiếm ưu thế hay chia nhỏ phần còn lại của xã hội (Ernest Gellner).

Larry Diamond viết rằng ông hiểu XHCD như “lĩnh vực của đời sống xã hội có tổ chức tự nguyện, tự tổ chức, (về cơ bản, tự trang trải, tự trị đối với nhà nước, và được ràng buộc bởi trật tự pháp luật hoặc hệ thống những luật lệ chung”. Định nghĩa của Diamond không chỉ đơn giản mô tả mà gồm cả tiến trình qui chuẩn rõ ràng. Nó bao gồm: Thứ nhất, XHCD liên quan đến cộng đồng chứ không phải mục tiêu cá nhân; thứ hai, nó không tìm kiếm quyền lực nhà nước và thứ ba, các hiệp hội của nó mang tính đa nguyên và đa dạng. Ở một số góc độ, khái niệm XHCD, được giải thích như vậy, quay trở lại với tư tưởng đa nguyên về chủ thể của các nền dân chủ tự do- nơi người dân hiểu về việc sở hữu nhiều trung tâm quyền lực mà không có trung tâm quyền lực nào đặt lợi ích của mình cao hơn (vì thành viên của các nhóm là giao nhau).

Hiện vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về phạm vi và các yếu tố cấu thành XHCD, nhưng thành phần cốt lõi nhất của nó chính là hệ thống các tổ chức của XHCD được gắn kết với nhau bởi nhu cầu, lợi ích, hệ giá trị hoặc truyền thống chung để tiến hành nhiều hoạt động khác nhau nhằm bảo vệ và củng cố lợi ích của cá nhân và cộng đồng, tạo điều kiện bảo đảm sự ổn định, cân bằng và phát triển bền vững của xã hội. XHCD, mặc dù nhất thiết phải tách khỏi nhà nước và kinh tế, nhưng phải được đặt trong một giản đồ bộ ba, nếu không, nó không có ý nghĩa.

Không có sự cưỡng bức hay quyền lực điều tiết của nhà nước hay quyền lực kinh tế của các chủ thể thị trường, XHCD cung cấp quyền lực xã hội cho mạng lưới các cư dân. Các tư tưởng, thông tin và dịch vụ và chuyên gia của nó được sử dụng để thúc đẩy lợi ích của người dân bằng cách tìm kiếm ảnh hưởng

đối với nhà nước và thị trường. XHCD gồm các tổ chức phi nhà nước, phi lợi nhuận, mang tính tự nguyện do người dân thành lập ra trong lĩnh vực XHCD. Những tổ chức này xuất phát từ các mối liên hệ cộng đồng, láng giềng, công việc, xã hội và các mối liên hệ khác. Các CSO ngày càng trở thành kênh thông dụng mà thông qua đó người dân thực thi quyền công dân của mình và đóng góp vào những thay đổi xã hội và kinh tế. Chúng bao gồm hàng loạt các lợi ích và hình thức mang tính tổ chức, từ các tổ chức chính thức đã đăng ký với các quan chức đến các phong trào xã hội không chính thức ngồi lại với nhau vì mục tiêu chung.

Một số học giả như John Van Til, Norman Uphoff đã cố gắng tách xã hội thành nhà nước, thị trường và lĩnh vực thứ ba hay lĩnh vực tự nguyện bằng cách nhấn mạnh vào đặc tính tự nguyện của các tổ chức XHCD. Mỗi lĩnh vực hoạt động theo những logic riêng: đối với thị trường, đó là lợi nhuận và thua lỗ, đối với nhà nước, đó là trật tự quyền lực và đối với lĩnh vực tự nguyện là chủ nghĩa ý chí. Những logic này quyết định cách thức hoạt động và những vấn đề hành động cụ thể trong mỗi lĩnh vực.

Xu hướng toàn cầu tiến tới dân chủ đã tạo ra chỗ đứng cho XHCD trong các quốc gia trên toàn thế giới. Người dân nhìn XHCD như một cách thức để đổi mới xã hội. Cuộc cách mạng thông tin cung cấp phương tiện để mở rộng các quan hệ và tạo thêm điều kiện cho công dân thực hiện các quyền hợp pháp của mình. XHCD trở thành nhân tố trung tâm của hệ tư tưởng của thời đại thời kì hậu chiến tranh lạnh.

Theo CIVICUS - Liên minh Thế giới về sự Tham gia của người dân -, XHCD là “diễn đàn giữa gia đình, nhà nước và thị trường, nơi mà mọi con người bắt tay nhau để thúc đẩy quyền lợi chung”. Khái niệm này có nhiều điểm bao quát, thể hiện được nhiều góc độ, phương diện và hoạt động của XHCD như: Thể chế hoá, ghi nhận các điều kiện và các nhóm XHCD không chính thống; coi

XHCD là một diễn đàn, một không gian, nơi mà mọi người có thể đến với nhau và tìm cách gây những ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng, xã hội; xoá mờ ranh giới giữa XHCD, thị trường, nhà nước và gia đình.

Tuy nhiên, không có một định nghĩa nào về XHCD hay các tổ chức đại diện cho XHCD được chấp nhận rộng rãi. XHCD có thể được coi như lĩnh vực của tư tưởng đạo đức trong tư tưởng của các nhà đạo đức học Scotland, như “xã hội chống lại nhà nước” trong tư tưởng của các nhà nghiên cứu Balan và Mĩ Latinh hay lĩnh vực của tự trị xã hội và dân chủ hoá trong tư tưởng của các nhà nghiên cứu Đức và Pháp. Nhưng nhìn chung, khái niệm này được đặt cạnh lĩnh vực của các tổ chức tự nguyện, có mục đích chống lại các lực lượng hỗn loạn, áp bức hay sự phân tán của thời kì lịch sử. Những định nghĩa khác nhau về XHCD phản ánh những góc nhìn khác nhau đối với những đấu tranh chính trị trong lòng xã hội đó. Mục đích thực sự của khái niệm XHCD có tính chất luận chiến và tính qui chuẩn và gắn liền với hoàn cảnh hình thành quan điểm đó.

Từ những quan niệm hiện đại về XHCD, ta có thể rút ra một số đặc trưng của XHCD như sau:

- Là một lĩnh vực phi nhà nước gồm các tổ chức ngoài nhà nước, gồm các tổ chức ngoài nhà nước, không mang dấu hiệu quyền lực công.
- Là một thiết chế mang tính dân chủ
- Tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tức là đề cao tính đồng thuận, chia sẻ về lợi ích và hệ giá trị
- Tự chủ, độc lập (tương đối) về tài chính
- Hoạt động không nhằm mục tiêu lợi nhuận
- Đa dạng về thiết chế và hình thức tổ chức, phong phú về mục tiêu cụ thể, tập hợp rộng rãi các thành phần xã hội.

XHCD như vậy có thể coi là lĩnh vực sinh hoạt vật chất của con người và cần được đặt trong mối quan hệ với các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội.

XHCD có thể được xem xét vừa với tư cách một thể chế, vừa với tư cách một giá trị. Với tư cách một giá trị, XHCD là khả năng nội tại của một xã hội cho phép các công dân tự giác hình thành những tổ chức của mình (ngoài thể chế nhà nước) nhằm thực hiện những mục đích chung. Với tư cách là một thể chế, XHCD là một thực thể tồn tại giữa nhà nước và gia đình, cá nhân.

Thế giới XHCD không đồng nhất. Vai trò của các CSO trong việc thúc đẩy lợi ích công cộng không phải lúc nào cũng rõ ràng. Những lợi ích thúc đẩy người dân thành lập các tổ chức có thể mang tính công cộng, có thể mang tính cá nhân. Các tổ chức được lập ra có thể để hỗ trợ các tổ chức tương tự, có thể hạn chế lợi ích nhóm không được cộng đồng quan tâm. Các lợi ích trong XHCD là một kênh quan trọng để hiểu và vươn tới các nhóm xã hội cụ thể nhưng không phải lúc nào cũng được định hướng đến những lợi ích công cộng lớn hơn. Các CSO có thể phản ánh các bất bình đẳng xã hội, chính trị, kinh tế dựa trên các nhân tố như sự thịnh vượng, địa lý, tôn giáo và giới tính.

Hàng loạt những lợi ích rộng lớn, kết hợp với các mối liên kết hiện có với thị trường và nhà nước trong các tổ chức XHCD thể hiện rằng trong XHCD có thể có cạnh tranh và xung đột về các giá trị và lợi ích. Những tranh cãi và xung đột như vậy, nếu công khai và minh bạch, rất cần thiết cho sự phát triển và thực hiện các chính sách tính công bằng được xã hội xã hội chấp nhận. Sự đấu tranh như vậy có thể mang tính xây dựng, nhất là khi nó được sử dụng để mở ra các kênh giao đối thoại và thỏa hiệp xung quanh những lĩnh vực xung đột, tìm kiếm cách thức chung được chấp nhận trong việc giải quyết các xung đột và xây dựng sự hòa thuận trong xã hội.

Tuy nhiên, những khác biệt đó làm nảy sinh một số vấn đề:

Nhiều tổ chức trở thành công cụ của các nhóm đặc biệt, các tập đoàn kinh tế để tiến tới mục tiêu chính sách có lợi cho các chính trị gia hay các doanh nghiệp. Trong nền dân chủ đại diện, các hoạt động vận động hành lang dưới danh

nghĩa các tổ chức XHCD thường mua các cử tri, phá hỏng quá trình chính trị và buộc các công dân phải im lặng bằng cách sử dụng chính các cơ chế của XHCD.

Vì các nguồn lực giành cho các tổ chức phi lợi nhuận không phải là vô hạn, nên dẫn đến sự cạnh tranh giữa các tổ chức. Và các tổ chức đó cũng hành động với nhau như các công ty kinh doanh để thu hút trí tuệ từ cộng đồng và chiếm nguồn lực của các tổ chức khác...

Những lợi ích cạnh tranh và sự thay đổi nhanh chóng trong XHCD đã tạo ra môi trường phức tạp hơn nhưng cũng đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, để một chính sách đại diện, qui chuẩn có hiệu quả, cần phải biết CSO đó được thành lập như thế nào, ai đại diện, ai cung cấp tài chính và CSO đó chịu trách nhiệm trước ai, các chức năng chính là gì, năng lực và các nguồn lực của CSO đó như thế nào, phạm vi hoạt động đến đâu. Kèm theo đó là những luật lệ qui định về tổ chức và hoạt động của XHCD để vạch ra ranh giới tương đối độc lập giữa các thể chế nhà nước và các thể chế cộng đồng.

XHCD trong quá trình phát triển của mình đã có nhiều biến đổi và đã xuất hiện những nhận thức mới về cách thức tổ chức và vận hành cũng như những đặc điểm của XHCD qua các thời kì. Nhưng dù có tồn tại ở những hình thức khác nhau thì có một số điểm không thay đổi, đó là vị trí tương đối của XHCD đối với nhà nước và vai trò xã hội mà các tổ chức XHCD thực hiện và cao hơn, đó là nhu cầu làm chủ thực sự của người dân đối với cuộc sống và vận mệnh của chính mình.

1.3.2. XHCD toàn cầu – một xu hướng phát triển mới của XHCD

Sự ra đời của XHCD toàn cầu

Cuối chiến tranh thế giới II, hàng loạt các phong trào tự do dân tộc đã giải phóng thế giới khỏi các thể chế của chủ nghĩa thực dân cũ. Thế giới ăn mừng ngày tận thế của đế chế và sự nổi lên của chủ nghĩa nhân bản, hòa bình, thịnh vượng và cộng đồng. Nhưng các lực lượng đế chế nhanh chóng xuất hiện trở lại

dưới cái bóng của sự phát triển. Tuy nhiên, phát triển về cơ bản lại tạo điều kiện cho một chu kì tước đoạt mới của những kẻ mạnh nắm giữ những nguồn lực đối với những kẻ yếu và dẫn đến sự xuất hiện các thị trường tài chính và tập đoàn toàn cầu trên thực tế.

Giới tinh hoa kiểm soát ngày càng nhiều di sản chung mà con người và cộng đồng chia sẻ, nuôi dưỡng và bảo vệ trong nhiều thiên niên kỉ - gồm cả đất, nước và đa dạng sinh thái cần thiết cho sự sống. Trước hết, nhà nước thực thi quyền lực để áp đặt sự kiểm soát đối với các nguồn lực di sản chung dưới cái tên phát triển và lợi ích công cộng rộng lớn. Sau đó, nhà nước tư nhân hóa các tài sản dưới cái tên hiệu quả kinh tế.

Một khi đã tư nhân hóa, các nguồn lực cần thiết cho cuộc sống đó lại trở thành độc quyền của các tập đoàn tư nhân mãi mãi về sau đòi hỏi sự cống nạp của cá nhân ở một mức giá nào đó. Nghị trình của các đế chế cũng kêu gọi xóa bỏ các mạng lưới an toàn xã hội trong khi tư nhân hóa, và độc quyền hóa những dịch vụ cộng đồng thiết yếu, như giáo dục, chăm sóc sức khỏe,... Hậu quả nhân đạo của việc chuyển giao này được che đậy bằng các chỉ số tăng trưởng kinh tế trong khi các thước đo sự tiến bộ của loài người lại bỏ qua các chỉ số về sự lành mạnh của con người và tự nhiên. Các lực lượng cầm quyền tạo ra ảo tưởng rằng sự tăng trưởng kinh tế làm tăng thêm sự thịnh vượng của tất cả, và phù hợp với lợi ích của con người. Kết quả là, thế kỉ 20 đã chứng kiến sự rút lui của các tổ chức XHCD và sự nổi lên của các tổ chức thương mại.

Khi các lực lượng đế chế tự thiết lập lại để khẳng định lại sự thống trị trên toàn cầu của mình, các lực lượng cộng đồng nhận thấy những biểu hiện tương ứng thông qua hàng loạt các phong trào phổ biến lấy cảm hứng từ các phong trào tự do dân tộc. Những phong trào đó gồm các quyền dân sự, nữ quyền, hòa bình, quyền con người, môi trường và quyền cho những người đồng tính – và gần đây là chống lại toàn cầu hóa tập đoàn. Từng phong trào đều tìm kiếm sự biến đổi các

quan hệ quyền lực từ mô hình thống trị của đế chế sang mô hình hợp tác cộng đồng.

Nửa sau thế kỉ 20, cả nhà nước và XHCD ở phương Tây đã thay đổi. Các loại hình quốc gia vẫn được duy trì nhưng đã mất đi đáng kể tầm quan trọng của nó. Đã có sự quốc tế hóa khổng lồ các sức mạnh quân sự, kinh tế, văn hóa và hệ tư tưởng. Các nhà nước phương Tây không ngừng chia sẻ các cơ cấu tổ chức độc quyền về bạo lực và quản lý đời sống kinh tế. Chúng tạo ra các điều kiện để toàn cầu hóa về kinh tế và văn hóa. Các tổ chức XHCD thấy mình đang đối đầu với một loại quyền lực nhà nước toàn cầu được tăng thêm nhiều lần sức mạnh. Trong điều kiện đó, XHCD quốc gia cũ bị suy yếu. XHCD phải đổi mới sang các thể chế ít chính thức hơn, ít gắn với lợi ích xã hội cụ thể hơn và ít mang tính dân tộc hơn. Các NGOs chuyển dần thành các NGOs toàn cầu với những định hướng toàn cầu, các thành viên và các hoạt động toàn cầu. Tuy nhiên, vẫn có các loại hình thể chế khác kết hợp XHCD toàn cầu, khu vực và xuyên quốc gia. Những tổ chức loại này gồm các tổ chức chính thức liên quan đến các tổ chức quốc gia, các đảng, nhà thờ, nghiệp đoàn, các hội nghề nghiệp, các cơ quan giáo dục, báo giới...

Những thay đổi này của XHCD, sự suy giảm các hình thức của XHCD truyền thống và sự nổi lên của các phong trào xã hội toàn cầu, NGOs và các phương tiện truyền thông và sự mở rộng của chúng đã dẫn đến việc nhiều nhà nghiên cứu thảo luận phân tích về XHCD toàn cầu.

Sự ra đời của khái niệm XHCD toàn cầu gắn liền với cuộc đấu tranh giữa các lực lượng tinh hoa toàn cầu và các lực lượng XHCD toàn cầu được xác định bởi sự căng thẳng giữa hai quan điểm xung đột sâu sắc về thế giới: quan điểm cộng đồng và quan điểm đế chế.

Theo quan điểm cộng đồng, thế giới là nơi của những cơ hội sáng tạo mà cơ hội này tốt nhất nên đạt được thông qua hợp tác và chia sẻ một cách hợp lý quyền lực và sự kiểm soát các nguồn lực.

Theo quan điểm đế chế, thế giới là nơi vốn thù địch và cạnh tranh. Trong thế giới của đế chế, lựa chọn duy nhất mà cuộc sống đem đến là trở thành kẻ chiến thắng hay kẻ thất bại, kẻ cai trị hay bị trị. Lòng tin, lòng trắc ẩn và sự hợp tác là dành cho những kẻ ngốc và những kẻ hèn nhát. Theo logic của đế chế, những tay chơi thông minh nhất, dẻo dai nhất, và duy lý nhất, có quyền và nghĩa vụ giành và giữ quyền lực bằng bất cứ phương tiện sẵn có nào để áp đặt hòa bình và trật tự trên những kẻ ngang ngạnh vì lợi ích của tất cả - một thứ dịch vụ mà vì nó họ tin rằng họ xứng đáng được thưởng sự giàu có và quyền lực.

Và do đó, sự phân phối hợp lý và phi tập trung hóa quyền lực và của cải là những nguyên tắc tổ chức cơ bản của XHCD toàn cầu. Sự tập trung và tập trung hóa quyền lực và của cải là những nguyên tắc tổ chức cơ bản của giới tinh hoa toàn cầu.

Cụm từ “XHCD toàn cầu” xuất hiện vào nửa sau thế kỉ 20 và chỉ sau hai thập kỉ nó đã lan truyền trong giới hàn lâm và chính trị. Sự xuất hiện của XHCD toàn cầu có thể được coi như đáp lại sự toàn cầu hóa quyền lực nhà nước và như một nguồn gây áp lực cho quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng.

Khi định nghĩa XHCD toàn cầu, các nhà nghiên cứu gặp phải một khó khăn lớn là không ai định nghĩa một nhà nước toàn cầu để tương ứng với XHCD toàn cầu mặc dù sự xuất hiện của XHCD toàn cầu tương ứng với quá trình toàn cầu hóa quyền lực nhà nước. Vì vậy, các nhà nghiên cứu có xu hướng định nghĩa XHCD toàn cầu theo cấu trúc của nó. Về mặt cấu trúc, *XHCD toàn cầu bao gồm tất cả các hiệp hội trừ các chính phủ, các chủ thể khu vực tư nhân và gia đình, hoạt động mang tính quốc tế*³³.

³³ Xem Leni Wild, Strengthening global civil society, tr.8

Trong hình thức hiện đại của nó, XHCD có nghĩa là các tổ chức trong lĩnh vực văn hóa. Các tổ chức này bao gồm: NGOs, POs, các học viện, các phương tiện truyền thông, các tổ chức nhà thờ... trái ngược nhưng không nhất thiết đối lập với bộ máy nhà nước trong lĩnh vực chính trị và với mạng lưới các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Do tính đa nguyên của nó, trong XHCD toàn cầu, không có một quan điểm duy nhất cho một vấn đề nào đó mà là đa quan điểm, có cả những quan điểm đối lập nhau.

Theo một số nhà nghiên cứu như David C. Korten, Nicanor Perlas và Vandana Shiva, XHCD toàn cầu nổi lên như một lực lượng xã hội lớn trong thập kỉ cuối thiên niên kỉ thứ hai để chống lại sự tấn công vào đời sống và dân chủ của các thể chế hợp tác toàn cầu hóa. Ban đầu, việc chống lại tập trung vào WB, IMF và WTO với tư cách những công cụ thể chế hữu hình và quyền lực nhất thúc đẩy nghị trình chính sách tự do mới về hủy, xóa bỏ các ranh giới kinh tế và mạng lưới an ninh xã hội, và tư nhân hóa tài sản chung. Sau đó, XHCD toàn cầu chuyển sự chú ý sang các tập đoàn toàn cầu và thị trường tài chính.

Sự nổi lên của XHCD toàn cầu được đặc trưng bởi định hướng đối kháng và các tổ chức của chúng thông qua mạng lưới cấu trúc theo chiều ngang. Tuy nhiên, cũng như XHCD, XHCD toàn cầu cùng lúc thực hiện hai nhiệm vụ. Trong những thời điểm và hoàn cảnh cụ thể, nó phải phê phán và bảo vệ các giá trị văn hóa và xã hội. Lúc khác và trong những hoàn cảnh, điều kiện khác, nó lại ca ngợi và ủng hộ những thể chế mà nó phê phán.

Tóm lại, XHCD toàn cầu liên quan đến ba vấn đề: Thứ nhất, nó liên quan đến các hành động có tổ chức (như các cuộc biểu tình chống các tập đoàn tài chính và kinh tế để làm chậm lại chu kì suy thoái). Thứ hai, nó tạo ra các cấu trúc xã hội và kinh tế mới. Và thứ ba, nó là sự thức tỉnh lương tâm và trách nhiệm của con người.

Xu hướng phát triển của XHCD toàn cầu

Nếu Daniel Bell cho rằng “đòi hỏi quay trở lại XHCD là đòi hỏi quay trở lại sự cân bằng có quản lí của đời sống xã hội” và Charles Taylor đặt tư tưởng về XHCD như một bộ phận của cuộc đấu tranh không ngơi nghỉ vì tự do trong thế giới hiện đại, thì Seligman và Ernest Gellner nhận xét rằng XHCD không là không đủ trong thời đại của chúng ta và cần có một định nghĩa rộng hơn cho XHCD và quan trọng hơn, cần tái phát triển quan niệm về XHCD ở một mức độ tự do mới cao hơn.

Trong môi trường toàn cầu hóa hiện nay, không một hình thức chính trị nào có thể tồn tại biệt lập. Chủ nghĩa địa phương cần phải nghĩ đến một trật tự thế giới rộng lớn hơn. Chủ nghĩa thế giới gián tiếp biến đổi ở cấp độ địa phương, quốc gia và khu vực. Để có thể gây ảnh hưởng đến các quan hệ giữa các nước, các phong trào xã hội phải vượt ra khỏi cơ sở nhà nước của nó. Chúng cần phải ảnh hưởng đến tất cả các nhà nước liên quan đến từng loại quan hệ cụ thể giữa các nước. Điều này đến lượt nó lại đòi hỏi các phong trào tương ứng trong từng nước và phát triển các mối liên kết xuyên quốc gia, gồm cả các chiến lược chung. Các mạng lưới toàn cầu đã thể hiện sự thống nhất của con người và sự nổi lên của XHCD toàn cầu đã nhấn mạnh sự phức tạp và bất đối xứng của thế giới. XHCD toàn cầu không tạo ra một cộng đồng thế giới nguyên thủy mà nó phức tạp, phân tầng và không ngừng thay đổi.

Đi cùng với quá trình toàn cầu hóa và sự mở rộng công nghệ thông tin, XHCD đã vượt qua ranh giới quốc gia và khu vực. Những năm 1990 đã chứng kiến sự tăng nhanh hàng loạt về số lượng các phong trào xã hội xuyên quốc gia, các NGOs và các mạng lưới công dân quốc tế, lần đầu tiên tạo ra ý thức rằng một XHCD toàn cầu đang hình thành. Các phong trào và tổ chức đó đóng góp cho việc nhấn mạnh thêm quyền con người và bình đẳng xã hội trong nghị trình quốc tế vào những năm 1990.

Cuối những năm 1990, XHCD toàn cầu giành được sự chú ý của cộng đồng trước hết như một phong trào chống đối phổ biến thách thức các tập đoàn toàn cầu. Bộ mặt tích cực và tiên phong của phong trào nổi bật vào năm 2001 tại Diễn đàn Xã hội Thế giới tại Porto Alegre Brazil, 9 năm sau sự kiện ở Rio. Đó là hội nghị đầu tiên của XHCD toàn cầu trong thiên niên kỉ thứ ba và nó phản ánh một bước tiến mới trong sự tự tin của phong trào và ý thức về vai trò lịch sử của nó trước tính chính đáng không đầy đủ và nhận thức ngày càng tăng của cộng đồng về những thất bại của các thể chế đế chế. Điểm nhấn mạnh tập trung vào việc giới tinh hoa khai thác quá mức cho phép con người và môi trường. Thậm chí cả các quốc gia hùng mạnh và giàu có cũng phải trải qua hậu quả của sự bất ổn định kinh tế và suy thoái xã hội và môi trường – gồm cả chủ nghĩa khủng bố. Khi sai lầm của đế chế tăng lên, tính chính đáng của các thể chế của đế chế phải đứng trước những vấn đề nghiêm trọng – tạo không gian cho các lực lượng cộng đồng trong XHCD toàn cầu.

Hội thảo Quốc tế NGO tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất Rio năm 1992 thu hút 18000 công dân thuộc nhiều quốc tịch, tầng lớp, tôn giáo và chủng tộc khác nhau dự thảo hiệp ước công dân kết hợp các nghị trình với các hành động tự nguyện hợp tác để tạo ra một thế giới hành động vì lợi ích của tất cả. Đó là bước khởi đầu trong việc hình thành một mạng lưới phức tạp các liên minh cam kết tạo ra một thế giới bình đẳng, bền vững.

Những phong trào đó nổi lên liên tiếp nhanh chóng như lời đáp lại sự thức tỉnh lương tâm về trách nhiệm tạo ra những cộng đồng dân chủ thực sự. Mỗi người tìm kiếm sự thay đổi thông qua những phương tiện phi bạo lực theo con đường của Gandhi hay Martin Luther King. Họ tìm kiếm cuộc sống trong một hiện thực mới thông qua các cá nhân và các hành động hợp tác.

Khi vận mệnh của thế giới không còn bị quyết định bởi cuộc đấu tranh quyền lực hai cực giữa các tập đoàn xuyên quốc gia và các nhà nước hùng mạnh,

các học giả và báo giới đều coi XHCD toàn cầu là quyền lực toàn cầu thứ ba, là một siêu quyền lực. Quyền lực toàn cầu thứ ba này đã xuất hiện với sức sống mãnh liệt để đấu tranh với sự độc quyền của các nhà lãnh đạo kinh tế và chính trị thế giới đối với vận mệnh của trái đất.

XHCD toàn cầu không chỉ tham gia vào cuộc chiến chống lại các nhóm quyền lực toàn cầu mà cam kết bảo vệ các giá trị nhân văn. XHCD có vai trò quan trọng trong việc cải tạo nền dân chủ và thiết lập lại trách nhiệm giải trình đối với người dân trong cả lĩnh vực kinh tế và chính trị.

Nicanor Perlas³⁴ cho rằng các nhà lãnh đạo kinh tế và chính trị của các quốc gia và các thể chế chỉ có hai lựa chọn: Hoặc tham gia một cách thành thật vào XHCD và đề cao tiến trình ba phần có thể đưa đến sự phát triển bền vững, hoặc họ có thể bỏ qua XHCD toàn cầu nhưng sẽ phải đối mặt với nguy cơ mất đi quyền lực của chính mình. XHCD toàn cầu có thể coi như đã định hình cả về lý luận và thực tiễn, đủ mạnh để thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu có tên tuổi và đủ mạnh để đang có một chỗ đứng không ai có thể phủ nhận trong thực tế.

³⁴ Chủ tịch trung tâm Phát triển Lựa chọn, Philipines, tác giả cuốn: *Shaping Globalization: Civil Society, Culture Power and threefolding*”.

CHƯƠNG 2

QUAN NIỆM CỦA CÁC MÁC VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN

2.1. Quan niệm của C. Mác về sự ra đời, bản chất, chức năng của XHCD

2.1.1. Sự ra đời của XHCD

C. Mác được coi là một người có nhiều ý tưởng về XHCD. Ông là một trong những người đã kế thừa có chọn lọc quan niệm về XHCD của các nhà tư tưởng chính trị phương Tây, trực tiếp nhất là Hegel, để tạo nên những nghiên cứu của riêng mình.

Trước Mác, Hegel phải đối mặt với một vấn đề lớn mang tính khái niệm: làm cách nào để hiểu được lĩnh vực quan hệ “xã hội” - tự do chính trị - xã hội, hoạt động kỹ nghệ và đấu tranh - vốn không được hiểu như “gia đình” hay “nhà nước”, và hơn thế, triết học chính trị truyền thống cũng như lý thuyết pháp quyền tự nhiên đều không lý giải được nó một cách đầy đủ. Khi phân tích các vấn đề làm thế nào để hiện thực hóa “tự do” bằng con đường chính trị, thoát khỏi các thể chế chính trị hiện hành; và tại sao hoạt động kinh tế lại tạo ra sự phân cực giàu nghèo, và cả một giai cấp công nhân chỉ dựa vào việc bán sức lao động của chính mình này, ông đã kết luận rằng XHCD cần được xem xét như một lĩnh vực tách biệt với nhà nước. Đó là sự tập hợp của các cá nhân trong các tổ chức mà quan hệ, mâu thuẫn, căng thẳng... giữa họ không mang tính chính trị (nhà nước). Như vậy, lĩnh vực này *không thuộc lĩnh vực nhà nước và cũng không thuộc lĩnh vực gia đình*.

Hegel đi đến khái niệm “Bürgerliche Gesellschaft” - vừa có nghĩa là xã hội *tư sản* vừa có nghĩa là XHCD. Đó là không gian xã hội mà vị trí của nó ở “trên” gia đình nhưng “dưới” nhà nước”, là không gian xã hội của các cá nhân tìm kiếm sự thỏa mãn các nhu cầu của mình, tách biệt với nhà nước. Chính xã hội *tư sản*

(khác với phong kiến trước đó) đã làm nổi rõ sự khác biệt của đời sống *cá nhân* với đời sống *cộng dân*, theo nghĩa đó, làm cho con người bị tách rời, xa lạ với đời sống chính trị (tha hóa chính trị - vì đáng ra đó là công việc chung, của mọi người, nay lại biến thành công việc của ai đó, không phụ thuộc vào từng cá nhân). Và do đó có sự tách biệt tương đối các hoạt động dân sự với các hoạt động chính trị (nhà nước), hay nói cách khác, tách biệt *XHCD* với *xã hội chính trị* ³⁵.

Bằng cách sử dụng thuật ngữ “*bürgerliche Gesellschaft*” trong tiếng Đức vừa có nghĩa là *XHCD*, vừa có nghĩa là xã hội tư sản, *Hegel đã nắm bắt được hai đặc trưng* của lĩnh vực này: thứ nhất, *đó là lĩnh vực mang tính kinh tế*³⁶ - xã hội *ngược với chính trị*, đó là thời điểm chính trị được tách ra thành lĩnh vực khác, và thứ hai, *lĩnh vực mới này mang tính tư sản*, đó là lĩnh vực các cá nhân phân tán tìm kiếm lợi ích. Đây là sự phân biệt hết sức quan trọng về mặt khái niệm, đánh dấu một đời sống mới trong các nghiên cứu về *XHCD*. Với “*Triết học Pháp quyền*”, Hegel đã phân biệt giữa nhà nước và *XHCD* và theo đó, các quan hệ chính trị và quan hệ xã hội được nghiên cứu tách biệt nhau.

Đối với Hegel, *XHCD* có thể được nhìn nhận từ góc độ *hệ thống các nhu cầu riêng* (cá nhân) - là thành tố quan trọng, bên cạnh cảnh sát, luật lệ, và *hành chính* (tức các *yếu tố chính trị* ngay bên trong *XHCD*). Ông cũng làm rõ quan hệ giữa nhà nước với *XHCD*: nhà nước không chỉ đơn thuần thụ động điều chỉnh *XHCD* mà còn *chủ động tạo ra nó theo nhu cầu của mình*. Đây là quan điểm quan trọng của Hegel: nhà nước là yếu tố căn bản, chi phối và quyết định *XHCD*, mà ta thấy sau này Mác không đồng ý và lật ngược lại mối quan hệ đó.

³⁵ Hegel, và cả Mác đều nhất trí rằng trong xã hội phong kiến, do đặc tính chuyên chế và phạm vi của vương quyền, mọi vấn đề cá nhân cũng đều đã được qui định. Tức không có lĩnh vực cá nhân như được hiểu như trong xã hội tư sản (nền cộng hòa, tự do, bình đẳng, v.v trước hết về quyền tư hữu).

³⁶ Trong quan niệm của Hegel, các công dân là những đối tượng sở hữu. Giai cấp vô sản không có tài sản, vì vậy giai cấp vô sản không thuộc *XHCD*. Đây là một hạn chế trong cách nhìn nhận vai trò của giai cấp công nhân trong lịch sử mà về sau Mác đã có những bổ sung thích đáng.

Tiếp sau Hegel, *Mác phủ nhận nguồn gốc tự nhiên của XHCD, coi XHCD là một hiện tượng lịch sử. XHCD xuất hiện trong xã hội hậu phong kiến với sự phân tách lĩnh vực nhà nước (đời sống công cộng) với lĩnh vực tư nhân và XHCD chỉ xuất hiện cùng với giai cấp tư sản. XHCD được coi là một trong những hình thức liên hiệp con người, một trong những hình thức tổ chức cộng đồng và mang các hình thức lịch sử của nó. Trong lịch sử, các hình thức tồn tại này có từ xa xưa, thậm chí còn có cả trước khi xuất hiện nhà nước. Nhưng phải đến thời đại tư bản chủ nghĩa, khi mối quan hệ giữa các cộng đồng với nhà nước được xác lập trên những cơ sở chính trị- pháp lý nhất định, XHCD mới thực sự ra đời đem lại cho mọi thành viên trong xã hội một qui chế chính trị bình đẳng như nhau.*

XHCD không chỉ đơn thuần là tập hợp các cá nhân mà trước hết và chủ yếu là một hệ thống hoàn chỉnh các mối liên hệ của cá nhân thông qua các quan hệ kinh tế, pháp lý và các quan hệ khác. Sự thay đổi và phát triển của các quan hệ kinh tế, pháp lý và các quan hệ khác diễn ra cùng lúc với sự thay đổi các hình thức sở hữu và các phương thức phân công lao động của xã hội. Theo đó, sự phân công lao động thô sơ đẻ ra chế độ đẳng cấp trong nhà nước. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện và kèm theo đó là trật tự xã hội tư sản, có một phần của cải được dành cho sở hữu tư nhân. Những hạn chế về nghề nghiệp do nguồn gốc gia đình đem đến trở thành trở ngại không thể chấp nhận được đối với sự sáng tạo và tích lũy của cải. Trong “Hệ tư tưởng Đức”, Mác và Ăngghen cho rằng “Thuật ngữ “XHCD”... xuất hiện vào thế kỉ XVIII, khi những mối quan hệ đã vượt ra khỏi cộng đồng xã hội thời cổ đại và trung cổ³⁷”. XHCD chỉ có thể xuất hiện khi “nhà nước chính trị” đã tách ra khỏi “nhà nước phi chính trị”, điều chỉ có thể có trong một chế độ chính trị dân chủ, nghĩa là sau khi đã thủ tiêu chế độ chuyên chế trung cổ. “Trong nhà nước thời cổ, nhà nước chính trị là nội

³⁷ Mác – Ăngghen, Tuyển tập, tập 1, ST, H. 1980, tr.362.

dung của nhà nước, loại trừ những lĩnh vực khác; còn nhà nước hiện đại là sự thích ứng lẫn nhau giữa nhà nước chính trị và nhà nước phi chính trị”³⁸. Trong các chế độ chuyên chế, nhà nước chính trị không phải là cái gì khác ngoài sự chuyên quyền độc đoán của riêng một cá nhân, ở đó nhà nước chính trị bao trùm tất cả mọi mặt đời sống xã hội, do vậy không thể có XHCD, tức không có các mặt “phi chính trị” của xã hội, không thể có cá nhân với tất cả bản chất con người tự nhiên và con người xã hội của nó. Ông khẳng định XHCD là một lĩnh vực tồn tại độc lập với nhà nước (lĩnh vực phi chính trị), mặc dù hoạt động của XHCD mang những hình thức chính trị nhất định.

Với thế giới quan duy vật biện chứng về lịch sử, *Mác đặc biệt nhấn mạnh tính chất khách quan và cơ sở kinh tế của XHCD*. Trong “Lời tựa” năm 1859, ông chuyển mối quan tâm về XHCD sang cách thức giải phẫu nó, gọi là kinh tế - chính trị. Ở đó, ông cho rằng các *quan hệ kinh tế là cốt lõi* của XHCD, thuộc vào hạ tầng cơ sở, quyết định các thuộc tính của thượng tầng kiến trúc – tư tưởng, pháp luật, v.v. do vậy, *chìa khoá để giải phẫu XHCD nằm trong kinh tế - chính trị*. Mác đã làm rõ các ý tưởng đó thông qua các phân tích kinh tế, chính trị của mình (đặc biệt là học thuyết về hình thái xã hội, mô hình hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc, tha hóa lao động, v.v. Thông qua việc từ bỏ những phân tích về XHCD nói chung, và phát triển phân tích về kinh tế chính trị, trên cơ sở phân tích cơ sở kinh tế của XHCD, trình độ phát triển của thương nghiệp và công nghiệp, Mác đã đi đến kết luận quan trọng rằng bất cứ phân tích nào về cấu trúc xã hội cũng đều bị ảnh hưởng bởi phương thức sản xuất. Mác coi XHCD trong xã hội tư bản là lĩnh vực của áp bức giai cấp do giai cấp và quyền lực nhà nước tạo ra. Tuy nhiên, Mác nói rằng với sự xuất hiện của các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và kèm theo đó là trật tự xã hội tư sản, xuất hiện khái niệm sở hữu với nghĩa là tự do tư hữu về tài sản. Về mặt định tính, Mác cho rằng XHCD chỉ có

³⁸Mác - Ăngghen toàn tập, tập 1, CTQG, H, 1995, tr.352.

thể xuất hiện khi đã có chế độ chính trị, với tính cách là chế độ chính trị, chỉ phát triển ở những nơi nào lĩnh vực tư nhân đã tồn tại độc lập. Đây là điều kiện cần thiết để những cá nhân trong xã hội tự xác định tư cách, địa vị và quan hệ của mình với nhau và với nhà nước. Nói cách khác là kết nối tự do của bản thân mình thành XHCD và uỷ một phần tự do của mình tạo thành nhà nước, và nhà nước xuất hiện « đúng chân tướng của nó, - tức là xuất hiện với tính cách là sản phẩm tự do của con người »³⁹.

Như vậy, có *hai điểm* quan trọng *trong cách xác định vị trí của XHCD* trong quan niệm của Mác: Một mặt XHCD được coi là *xuất hiện có điều kiện*; không phải lúc nào nó cũng tồn tại. Mặt khác, ông cũng tuyên bố rằng XHCD là *vô số những quan hệ* thay thế và vượt qua những giao dịch trực tiếp ổn định tương đối và trong phạm vi một cộng đồng nhỏ. Khi quan niệm như vậy, Mác đồng ý với các nhà tư tưởng trước đó về cơ sở kinh tế của XHCD - sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cơ sở xã hội của nó - sự phát triển nhận thức của con người.

Tuy nhiên, Mác *thêm vào XHCD yếu tố giai cấp*, coi đó là một trong những cơ sở xã hội của XHCD. Ông viết: “Yếu tố đẳng cấp là đại biểu của XHCD đối với nhà nước là cái đối diện với XHCD với tư cách nhiều người”⁴⁰. “Giống như XHCD tách ra khỏi xã hội chính trị, bản thân XHCD cũng phân chia nội bộ nó thành đẳng cấp và địa vị xã hội, mặc dù đẳng cấp và địa vị xã hội này có những quan hệ nhất định với nhau”⁴¹. Ông cũng đồng ý với Hegel rằng “Ý nghĩa thật sự của các đẳng cấp là ở chỗ, nhờ có đẳng cấp, nhà nước đi vào ý thức chủ quan của nhân dân và, nhân dân bắt đầu tham gia vào các công việc của nhà nước”⁴². “Đẳng cấp là mâu thuẫn được xác lập giữa nhà nước và XHCD trong

³⁹ Mác – Ăngghen toàn tập tập 1. Nxb. CTQG. H.1995, tr.349.

⁴⁰ C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, HN, tr.398

⁴¹ C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, HN, tr.398

⁴² C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, HN, tr.409

nội bộ nhà nước. Đồng thời đẳng cấp cũng là sự đòi hỏi giải quyết mâu thuẫn đó”⁴³ vì “những khác biệt của đẳng cấp trong XHCD trở thành những khác biệt chính trị”⁴⁴.

Như vậy, trong quan niệm của Mác, *XHCD chỉ có thể ra đời trong một điều kiện lịch sử nhất định*:

- i) Về kinh tế, đã xuất hiện các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- ii) Về xã hội, đã xuất hiện giai cấp tư sản.
- iii) Về chính trị, đã có một chế độ chính trị thực sự, nghĩa là đã có sự phân biệt đời sống nhân dân nói chung và đời sống nhà nước.

Những điều kiện này đã tất yếu xuất hiện nhu cầu giao tiếp xã hội giữa các cá nhân các cộng đồng, và quan trọng hơn đã đảm bảo cho các cá nhân và các cộng đồng quyền tự do quyết định vận mệnh của mình (dân chủ) và tự do liên hiệp lại vì những mục đích chung.

Như vậy, việc ra đời XHCD, việc “giải phóng chính trị hay là quy con người, một mặt thành thành viên của XHCD, thành cá nhân vị kỷ, độc lập, và một mặt khác, thành công dân của nhà nước, thành pháp nhân.”⁴⁵ là một tiến bộ lịch sử to lớn so với thời trung cổ, thời kỳ mà đời sống xã hội là đồng nhất với đời sống chính trị, là thời kỳ mà con người không có tự do.

Mác đi đến những nhận định như vậy khi sự hình thành thị trường trên qui mô thế giới đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế xã hội của nhiều quốc gia, dẫn đến phong trào cách mạng tư sản ở châu Âu. Những chuyển biến sâu sắc đã diễn ra ở Anh và Pháp, tạo nên một sự chuyển biến mạnh mẽ và căn bản ở nhiều nước châu Âu. Các quốc gia tư bản chủ nghĩa chạy đua giành giật thị trường thế giới đã thúc đẩy sản xuất tăng nhanh cả về năng suất và chất lượng.

⁴³C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, NxbCTQG, HN, tr.409.

⁴⁴C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, NxbCTQG, HN, tr.416.

⁴⁵Mác – Ăngghen toàn tập, tập I, CTQG, H, 1995, tr.557.

Thắng lợi của cách mạng tư sản và sự phát triển của công thương đã tạo tiền đề cơ sở vật chất cũng như môi trường chính trị cho bước chuyển sang một thời kì mới trong lịch sử sản xuất, bước sang một nền văn minh mới của nhân loại.

2.1.2. Các hình thức lịch sử và chức năng và của XHCD

Hình thức lịch sử của XHCD.

Quan niệm duy vật về lịch sử coi sự phát triển của xã hội là quá trình hiện thực của sản xuất vật chất kể cả sản xuất ra đời sống trực tiếp và là quá trình phát triển các hình thức giao tiếp của con người, nói theo cách giải thích của Mác đó là XHCD ở những giai đoạn khác nhau của nó, là cơ sở của toàn bộ lịch sử.

“XHCD, đó là trung tâm thực sự, vũ đài thực sự của toàn bộ lịch sử”⁴⁶ và “Cuộc cách mạng chính trị là cách mạng của XHCD”⁴⁷ – Mác đã nói như vậy. Và khi tuyên bố rằng lịch sử của tất cả các xã hội cho đến nay là lịch sử đấu tranh giai cấp, ông muốn nói rằng các cuộc đấu tranh đó chính là các cuộc đấu tranh trong XHCD. Các cuộc đấu tranh đó mang những hình thức khác nhau trong những thời kì lịch sử khác nhau, thu được những kết quả khác nhau, nhưng mục tiêu của chúng là bảo vệ và mang lại nhiều tự do hơn cho con người.

Khi nói về XHCD Mác khẳng định nó là thành quả của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng ông vẫn thường nói “ở bất kỳ thời đại nào” khi còn nhà nước thì XHCD cũng là cơ sở của nhà nước. Nghĩa là các hình thức tồn tại và hoạt động của XHCD trong mỗi loại hình nhà nước có thể khác nhau, nhưng XHCD bắt đầu ra đời từ khi nhà nước hình thành và sống cuộc sống riêng với đầy đủ những hình thức và nội dung của nó khi chủ nghĩa tư bản phát triển đầy đủ.

Tranh luận về XHCD, Mác và Ăng ghen cho rằng: XHCD là sự biểu hiện đích thực những thực tế của lịch sử. XHCD được đưa ra như một nền tảng căn bản của bất kì xã hội nào và nội dung của XHCD khi đã được phát triển đầy đủ

⁴⁶ C. Mác - Ph. Ăng ghen, *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 299. (Hệ tư tưởng Đức).

⁴⁷ C. Mác và Ăng ghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, HN., tr. 554.

và tỏ ra phù hợp với hình thức thì *XHCD được xác định bởi những yếu tố phù hợp với lực lượng sản xuất*. Trong quan niệm của Mác, XHCD không phải là lĩnh vực chính trị, nhưng mọi hoạt động của XHCD đều có ảnh hưởng đến nhà nước. Vì vậy, các thể chế của XHCD mang những hình thức chính trị nhất định.

Cũng như một số phạm trù khác xuất hiện dưới chủ nghĩa tư bản, như "pháp quyền", "dân chủ", "XHCD" dưới chủ nghĩa tư bản không phải là hình thức lịch sử cuối cùng. Dưới chế độ XHCN, "XHCD" có hình thức lịch sử của nó. Thậm chí lúc đó XHCD còn có thể đóng vai trò quan trọng hơn hẳn và khác hẳn so với các hình thức lịch sử khác. Mác đưa ra mối quan hệ rất mạnh giữa liên hiệp các tổ chức xã hội với việc cai trị quản lý một cách dân chủ mà chúng ta đã thấy trong “Khế ước xã hội” của Rousseau. Khả năng ra quyết định thuộc về các công dân. Nhà nước tàn lụi đi vì các chức năng của nó được chuyển cho các cấu trúc xã hội. Quan điểm này cho rằng một xã hội hoà hợp và được tổ chức bởi các chuẩn mực xuất phát từ quá trình ra quyết định một cách dân chủ. Chính vì thế, C.Mác cho rằng cùng với sự phát triển của xã hội đến một giai đoạn nào đó, khi nhà nước tiêu vong – tức nhà nước chính trị mất tính chất chính trị, khi đó “XHCD” sẽ đảm nhiệm chức năng quản lý xã hội trước đó của nhà nước.

Bởi theo Mác, khi đó “các cá nhân riêng rẽ mới được giải thoát ra khỏi những khuôn khổ dân tộc và địa phương khác nhau của mình, mới có được những liên hệ thực tiễn với nền sản xuất của toàn thể giới và mới có được khả năng hưởng thụ nền sản xuất của toàn thể giới về mọi lĩnh vực. Sự phụ thuộc phổ biến, hình thức tự nhiên đầu tiên ấy của sự hợp tác có tính lịch sử thế giới của các cá nhân, sẽ được cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa biến thành sự kiểm soát và sự thống trị có ý thức đối với những lực lượng nảy sinh ra từ tác động lẫn nhau giữa những con người với tư cách là những lực lượng hoàn toàn xa lạ với con người”⁴⁸.

⁴⁸ Mác Ăngghen tuyển tập, tập1. ST. H 1980, tr.303 (Hệ tư tưởng Đức, L Feuerbach)

“Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau, thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị... Lúc đó xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁴⁹.

Chức năng của XHCD

Nhà nước tồn tại bên cạnh và bên ngoài XHCD, nói cách khác, nhà nước chỉ là một hình thức tổ chức của các giai cấp trong xã hội tổ chức ra để bảo vệ các lợi ích của mình. “Vì nhà nước là hình thức mà các cá nhân thuộc một giai cấp thống trị dùng để thực hiện lợi ích chung của họ và là hình thức dưới đó, toàn bộ XHCD của một thời đại được biểu hiện một cách tập trung nên mọi thiết chế công cộng đều thông qua nhà nước và mang một hình thức chính trị”⁵⁰

Mác viết: “Giải phóng chính trị đồng thời cũng là giải phóng XHCD khỏi chính trị, thậm chí khỏi cái bề ngoài của một nội dung phổ biến nào đó”⁵¹. Khi đó, “con người với tư cách là một thành viên XHCD, con người *phi chính trị* nhất định phải xuất hiện như một con người *tự nhiên*.”⁵².

Phê phán Cương lĩnh Gotha, Mác viết: “Quyền không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế và cao hơn trình độ văn minh của xã hội do chế độ kinh tế ấy quyết định”.⁵³ Hơn nữa, “bất cứ quyền nào cũng đều có nghĩa là áp dụng một tiêu chuẩn duy nhất cho những người khác nhau, cho những người thật ra thì không giống nhau và cũng không ngang nhau”⁵⁴.

Cái mà chúng ta thường gọi là “quyền” nhiều khi chỉ là những lý tưởng, hoặc có thể là ý chí của nhà nước, cũng có nghĩa là ý chí của giai cấp thống trị.

⁴⁹ C.Mác - Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, tập IV, Nxb ST, H4, 1984, tr. 569

⁵⁰ Hệ tư tưởng Đức. I. Feuerbach. Mác Ăngghen tuyển tập, tập 1. ST. H 1980, tr.305

⁵¹ Đã dẫn, tr. 556

⁵² Đã dẫn, tr. 556

⁵³ C.Mác: Phê phán Cương lĩnh Gotha.

Trong thực tiễn cũng có những “quyền” đã trở thành hiện thực, thành chuẩn mực của đời sống. Nhưng bản chất của vấn đề là ở chỗ việc hiện thực hoá các quyền lại không phụ thuộc hoàn toàn vào vai trò của nhà nước mà là của XHCD. Chỉ có XHCD là nhân tố quyết định cuối cùng và là phương tiện cơ bản để hiện thực hoá các quyền, vì đó là hiện thực đời sống là trình độ văn hoá và kinh tế của một xã hội quy định.

Như vậy, XHCD đồng thời thực hiện chức năng với các cá nhân (chức năng của XHCD là hiện thực hoá và xã hội hoá các cá nhân tự do), chức năng với xã hội (củng cố và bảo vệ lợi ích cộng đồng) và chức năng với nhà nước (là cơ sở của nhà nước).

2.1.3. Bản chất của XHCD

Khi bàn về bản chất của XHCD, một mặt, Mác cho rằng bản chất của con người là ích kỉ, tư lợi. Nhưng mặt khác, ông khẳng định rằng con người cũng mang bản chất cộng đồng và chính bản chất cộng đồng này mới là cái cấu thành nên bản chất thật sự của XHCD.

Mác quan tâm đến một điểm trong “Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân” 1793, về quyền bình đẳng, tự do và an ninh về tài sản, ông viết: “Nhu vậy, tự do là quyền được làm tất cả những gì, được thi hành tất cả những gì không phương hại đến người... Nhưng quyền con người được hưởng tự do được xây dựng không phải trên cơ sở kết hợp con người với con người, mà ngược lại, trên cơ sở tách con người khỏi con người...”⁵⁵. Ông không ngừng nhấn mạnh rằng “cái gọi là nhân quyền, the droits de l’homme, khác với the droits du citoyen chẳng qua chỉ là những quyền của *thành viên XHCD*, nghĩa là của con người vị kỉ tách khỏi bản chất con người và tính cộng đồng của con người”.⁵⁶ Ông ghi nhận rằng tự do cá nhân cũng như việc sử dụng tự do này, tạo

⁵⁵C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 550-551.

⁵⁶C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 549.

ra cơ sở của XHCD. Và khi con người được tự do thực sự, ông nói, họ sẽ coi mình là các công dân của cả cộng đồng chính trị, không tách ra thành những vai trò khác nhau không phổ biến như thương gia, nhà khoa học... Mỗi người sẽ là con người chung liên kết với các công dân khác, và nhà nước không còn được coi là một công cụ để bảo vệ các quyền nữa; do đó các cá nhân có thể đạt được mục tiêu ích kỷ của mình nhưng với tư cách một thực thể, thông qua XHCD.

Trong “Bàn về vấn đề Do Thái”, Mác dành một đoạn dài để phân tích cái riêng và những lợi ích riêng biệt (dựa trên quyền sở hữu – không phải với tư cách phương tiện sản xuất) quyết định đời sống của XHCD. Nhà nước không giải quyết được cũng không vượt qua được những lợi ích mâu thuẫn đó. Hơn thế, nhà nước hiện đại lại hợp pháp hoá chúng thông qua sự bất khả xâm phạm về sở hữu và các quan hệ của nó. Vì vậy, ông viết “*Nhu cầu thực tiễn, chủ nghĩa vị kỷ* - đó là nguyên tắc của XHCD, và nguyên tắc này xuất hiện dưới dạng thuần túy một khi XHCD dứt khoát để ra nhà nước chính trị từ trong lòng bản thân nó”.⁵⁷ Mác chỉ ra rằng các cá nhân trở nên xa lạ với nhau vì họ ích kỷ và tham lam. Sự ích kỷ và tham lam này không phải là bản chất con người, mà chính do *các quan hệ xã hội tư sản*, đặc biệt là nhà nước tư sản, *chủ động* tạo ra và nuôi dưỡng nó. Chính vì vậy, Mác viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: XHCD như vậy *chỉ có thể* phát triển cùng với giai cấp tư sản.

Sự phân biệt tồn tại của con người thành hai lĩnh vực riêng biệt là XHCD và đời sống chính trị xác định đặc tính của xã hội hiện đại với tư cách là một nền văn minh. Việc xoá bỏ chế độ phong kiến đã xoá bỏ đặc tính chính trị của XHCD và cùng lúc đó chia tách XHCD thành các yếu tố cá nhân – và bên kia là lĩnh vực của cộng đồng chính trị. Kết quả là hành động riêng biệt của mỗi cá nhân trong những hoàn cảnh riêng của đời sống chỉ quan trọng đối với người đó. Chúng không còn tạo ra quan hệ chung của cá nhân đối với nhà nước nói chung. Tồn tại

⁵⁷ C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN. tr. 564.

trong XHCD do đó trở thành vấn đề xung đột các lợi ích cá nhân không có sự phụ thuộc vào cộng đồng.

Mác khẳng định: “Rốt cuộc, con người với tư cách là thành viên của XHCD, có ý nghĩa là con người *theo đúng nghĩa của nó*, đó là *homme* khác biệt với *citoyen*, bởi vì nó là con người trong sự tồn tại cảm tính, cá nhân, *trực tiếp* của nó, còn con người *chính trị* thì chỉ là con người trừu tượng, nhân tạo, con người với tư cách là nhân vật *ẩn dụ*, nhân vật *pháp lý*.”⁵⁸ Và “Kỳ thực, chỉ với tư cách là pháp nhân, tức hội, gia đình v.v. thì con người trừu tượng mới nâng con người của mình lên tới trình độ sự tồn tại chân chính”.⁵⁹ Một khi các vấn đề công cộng trở thành vấn đề chung của mỗi cá nhân, và chức năng chính trị trở thành chức năng chung của các cá nhân, XHCD được giải phóng khỏi chính trị - cùng lúc đó tính ích kỉ ràng buộc, cản trở XHCD được xoá bỏ.

Mặc dù theo đuổi lợi ích cá nhân và tìm cách để thỏa mãn những nhu cầu cá nhân, nhưng con người tồn tại và phát triển không phải trong một môi trường tách biệt mà trong mối liên hệ với những cá nhân khác. Mác viết: “Nhưng bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”.⁶⁰ Sự tương tác về lợi ích và nhu cầu, sự phụ thuộc lẫn nhau của các cá nhân trong cuộc sống cộng đồng nhằm đạt được những mục đích của các cá nhân trong cuộc sống chung đã quy định bản chất cộng đồng của XHCD.

XHCD ra đời chính là do sự “giao tiếp” trong quá trình sản xuất và do phân công lao động xã hội. Bản thân sự sản xuất ấy cũng là sự giao tiếp giữa các cá nhân với nhau. Hình thức của sự giao tiếp ấy, đến lượt nó, lại do sản xuất quy định. Phương thức tồn tại của XHCD chính là sự giao tiếp và đó là điều kiện để sản xuất tạo ra của cải cho xã hội và hình thành nên các chuẩn mực xã hội hay

⁵⁸ Đã dẫn, tr.557.

⁵⁹ Mác – Ăngghen toàn tập tập 1, CTQG, H, 1995, tr.363.

⁶⁰ Luận cương về Feuerbach. Mác Ăngghen tuyển tập, tập1. ST. H 1980, tr.257.

còn gọi là văn hoá. Trong lúc đó, XHCD chính là nơi lưu giữ các kỹ năng sản xuất và tổ chức đời sống xã hội dưới các hình thức văn hoá. Mác viết: “Vì lao động riêng lẻ (giả sử những điều kiện vật chất của nó là có đủ) cũng có thể tạo ra những giá trị sử dụng nhưng lại không thể tạo ra của cải, cũng không thể tạo ra văn hoá được”⁶¹.

Khi bàn về bản chất của XHCD, Mác cho rằng XHCD là một hình ảnh sống động mà thông qua việc nghiên cứu nó, người ta hiểu được tại sao thế giới này lại mang bản chất xã hội. Ông coi khám phá XHCD giúp làm rõ hơn cơ chế bí ẩn và khó hiểu của cơ cấu xã hội, hiểu được tại sao con người lại sống thành xã hội và hiểu được những mối quan hệ mong manh giữa đòi hỏi của quyền lực bên ngoài và lợi ích riêng của mỗi cá nhân, giải thích các mâu thuẫn giữa cái chúng ta muốn làm với tư cách cá nhân và cái chúng ta phải làm hoặc không được làm với tư cách một thành viên của xã hội.

Với Mác, tính cộng đồng được tìm thấy chỉ trong lĩnh vực chính trị của quyền công dân chứ không phải trong XHCD, nơi các cá nhân tồn tại như những chủ thể ích kỉ và độc lập tìm kiếm lợi ích của mình. Trong số những quyền được gọi là của con người, không có quyền nào vượt ra ngoài giới hạn con người vị kỉ, con người với thành viên của XHCD với những lợi ích và sự tùy tiện riêng tách khỏi cộng đồng. Vấn đề là cá nhân và thành viên của xã hội thực ra là một. Nơi nhà nước chính trị đã đạt được độ phát triển thực sự, con người – không chỉ trong tư tưởng, trong lý trí mà trong hiện thực, trong đời sống - sống một cuộc sống gồm hai phần, một trên thiên đường và một dưới mặt đất: cuộc sống trong cộng đồng chính trị, trong đó anh ta coi mình là một con người công cộng, và cuộc sống trong XHCD, nơi anh ta hành động như một cá nhân riêng biệt⁶².

⁶¹ C.Mác: Phê phán Cương lĩnh Gotha. Mác Ăngghen tuyển tập, tập 4. ST. H 1983, tr.473.

⁶² “Nơi nào mà nhà nước chính trị đã đạt tới hình thức thật sự phát triển của nó, thì không những trong tư tưởng, trong ý thức, mà cả trong hiện thực, trong đời sống, con người cũng sống một cuộc sống kép, cuộc sống thiên giới và cuộc sống hạ giới, cuộc sống trong cộng đồng chính trị, trong đó con người thừa nhận mình là một sinh vật xã

Xã hội hiện đại được Mác xác định bằng những xung đột vĩnh viễn giữa con người công dân trừu tượng (con người cộng đồng, tham gia vào đời sống cộng đồng thông qua quyền công dân) và con người với tư cách một cá nhân cụ thể, một thành viên của XHCD. Tuy nhiên, lĩnh vực công cộng tồn tại không chỉ trong sự trừu tượng và đối lập với XHCD, mà đối với Mác, phụ thuộc vào nó, giúp ích cho nó. Khi phân tích về XHCD, Mác chỉ ra ý nghĩa của những thuật ngữ như công và tư không hề là tự thân, hiển nhiên mà tự chúng đã nói lên tính có vấn đề. Phát hiện này đặc biệt quan trọng. Trong hầu hết các nghiên cứu về XHCD, người ta có xu hướng sử dụng các từ công và tư, hay nói đến lĩnh vực công đối lập với lĩnh vực tư. Nhưng Mác chỉ ra rằng những sự đối lập tự nó là một phần và là sản phẩm của XHCD. Hình ảnh XHCD không chỉ gồm công và tư, nó tạo ra chúng như một sự phân biệt không liên quan đến hoàn cảnh. Hình ảnh của lĩnh vực tư nhân chỉ có nghĩa khi có hình ảnh đồng thời và liên tục của lĩnh vực công cộng, cũng như hình ảnh của lĩnh vực công cộng chỉ có nghĩa khi có hình ảnh đồng thời và liên tục của lĩnh vực tư.

Thế kỉ XVII –XVIII, thuật ngữ “XHCD” đã trở nên thịnh hành trong ngôn ngữ chính trị- pháp lý, tuy nhiên, các nhà tư tưởng trước Mác đều chưa hiểu rõ sự lệ thuộc của XHCD vào sự phát triển của phương thức sản xuất, và vì vậy, chỉ giải thích sự hình thành của XHCD bằng những đặc tính tự nhiên của con người, bằng những nhiệm vụ chính trị, bằng những hình thức cai trị và lập pháp. Trong các phẩm của Mác, xã hội rõ ràng mang tính cơ bản. Nó là cơ bản không chỉ vì ông kế thừa từ Hegel khái niệm XHCD mà vì ông sử dụng khái niệm xã hội (con người là động vật xã hội) để tạo ra những giai đoạn cơ bản mà nhờ đó ông nổi tiếng. Ông cho rằng: “Bản chất của con người là tồn tại với tư cách con người xã hội; vì chỉ có ở đây con người mới tồn tại vì anh ta và trong mối ràng buộc với

hội, và cuộc sống trong XHCD, trong đó con người hoạt động với tư cách tư nhân, xem những người khác là phương tiện, tự hạ mình xuống vai trò phương tiện trở thành đồ chơi của những lực lượng xa lạ. (C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, NxbCTQG, HN, tr. 536-537).

những người khác... Xã hội do đó là một thực thể hoàn chỉnh trong bản chất con người.

2.2. XHCD, Nhà nước và vấn đề giải phóng con người

2.2.1. Quan hệ giữa XHCD và Nhà nước

Xem xét lại những luận điểm biện chứng duy tâm của Hegel về quan hệ giữa XHCD và nhà nước, Mác đi đến kết luận rằng: chỉ có thể phát hiện ra bí ẩn của chế độ nhà nước khi phân tích cơ cấu của XHCD, khi quan tâm đến những hiện tượng xã hội.

Mác phê phán quan điểm của Hegel đối lập XHCD với nhà nước, nhà nước không phải ở trong XHCD mà ở ngoài XHCD, nhà nước chỉ tiếp xúc với XHCD thông qua những “đại biểu toàn quyền” của mình (tức quan chức nhà nước). Mác viết: bất cứ ở đâu ông (Hegel) cũng mô tả sự xung đột giữa XHCD và nhà nước nhưng mặt khác, lại không muốn tách rời đời sống công dân với đời sống chính trị.

Trong các nghiên cứu của mình, ông cho rằng XHCD không phải do nhà nước tạo lập và qui định mà ngược lại, XHCD sinh ra nhà nước. Mác bác bỏ quan niệm của Hegel, coi nhà nước là cơ sở tinh thần và động lực của xã hội. Biện chứng thực sự của quan hệ giữa xã hội và nhà nước là ở chỗ vai trò hàng đầu thuộc về xã hội chứ không thuộc về nhà nước. Nhà nước dường như là cái quyết định nhưng thực chất là cái bị quyết định. Nhà nước phá vỡ ý chí của gia đình và của xã hội nhưng nó làm việc đó chỉ để đem lại tồn tại cho ý chí của sở hữu tư nhân không phụ thuộc vào gia đình và xã hội. Không phải nhà nước sinh ra XHCD mà ngược lại “trên thực tế gia đình và XHCD là những tiền đề của nhà nước, chính chúng mới là những yếu tố thực sự tích cực⁶³”. “Gia đình và XHCD là những bộ phận hiện thực của nhà nước, là những tồn tại tinh thần hiện thực

⁶³. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 313

của ý chí, là những phương thức tồn tại của nhà nước. Gia đình và XHCD tự chúng cấu thành nhà nước.”⁶⁴ “Con người – thành viên của XHCD - là cơ sở, là tiền đề của nhà nước chính trị.”⁶⁵ Nhà nước, nói chung, không thể tồn tại nếu thiếu tiền đề tự nhiên là gia đình và cơ sở nhân tạo là XHCD. “Do đó, con người này, thành viên của XHCD, là cơ sở, là tiền đề của nhà nước chính trị. Nhà nước cũng thừa nhận nó như vậy trong các nhân quyền”.⁶⁶ Chính việc phân tích mối quan hệ hiện thực giữa nhà nước và xã hội và biện chứng của nó đã cho phép Mác thực hiện một cuộc cách mạng đích thực trong học thuyết về nhà nước.

Đối với Mác cũng như Hegel, sự phân biệt nhà nước và XHCD là dấu hiệu đặc trưng của xã hội hiện đại. Trước Hegel, sự phân biệt phổ biến không phải là giữa nhà nước và XHCD mà giữa một bên là nhà nước và XHCD và bên kia là trạng thái tự nhiên. Sự phân biệt hai khái niệm này chỉ bắt đầu vào khoảng năm 1750 với những tác phẩm của Adam Ferguson “Luận về Lịch sử của XHCD” (1967). Đối với Hegel, một số những phát triển lịch sử đã làm cho sự phân biệt giữa nhà nước và XHCD là cần thiết. Thứ nhất, Cách mạng Pháp, là sự kiện mà Hegel cho rằng đã nêu lên vấn đề của thời đại: hiện thực hoá về chính trị quyền tự do, cụ thể là chống lại các thể chế cai trị cũ. Thứ hai, phương thức sản xuất hiện đại – công nghiệp hoá – rõ ràng đã phân cực giàu nghèo và một tầng lớp bản cùng do chỉ dựa vào lao động của mình Thứ ba, sự liên hiệp của các cá nhân trong một lĩnh vực không phải nhà nước, không phải gia đình, liên quan đến những bất đồng về ý muốn, sự đối kháng và căng thẳng không mang tính chính trị. Các quan hệ trong lĩnh vực này được cho là mang tính xung đột và cần có sự điều chỉnh bởi quyền lực công.

⁶⁴ Mác – Ăngghen toàn tập tập 1, CTQG, H, 1995, tr. 314-315.

⁶⁵ C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, HN. tr. 556.

⁶⁶ Mác – Ăngghen toàn tập, tập 1 Nxb CTQG, H. 1995, tr. 556.

Mặc dù trong xã hội có giai cấp, nhà nước bao giờ cũng bị chi phối bởi giai cấp của kẻ mạnh, XHCD vẫn là cơ sở của nhà nước, nếu phá vỡ XHCD thì đồng thời cũng phá huỷ luôn cả lý do tồn tại của nhà nước. Tuy nhiên, chính nhà nước duy trì sự tồn tại của mình bằng cách *chia rẽ* các lợi ích trong XHCD, khiến mọi người đều phải *cần nhà nước* để quản lý sự chia rẽ đó, và do vậy, triệt tiêu *sức mạnh* của XHCD. “Hiến pháp của nhà nước chính trị và sự tan rã của XHCD thành các cá nhân độc lập... được hiện thực hóa trong cùng một hành động”. *Nói cách khác, khi nhà nước tổ chức XHCD và giai cấp công nhân, thì cũng chính là lúc nhà nước phá hoại tổ chức của họ, bằng cách chuyển các lực lượng xã hội và đấu tranh xã hội vào trong hình thức quản lý hành chính.*

Cả Mác và Hegel coi sự tách biệt nhà nước và XHCD như cái gì đó cần phải thay thế, vượt qua bằng một trật tự cao hơn vì ngay trong XHCD, con người cũng trở nên cô độc và phân tán, cuối cùng, lĩnh vực này tạo nên phân cực giàu nghèo đe dọa sẽ phá huỷ nó. Nhưng hai ông lại không thống nhất ở phương thức bỏ qua nó. Một trong những nguồn gốc của sự không thống nhất này là mâu thuẫn trong quan niệm về quyền lực nhà nước⁶⁷. Đối với Mác, cần có quyền lực nhà nước vì thực tế là XHCD gần như bị xé nhỏ bởi đối kháng giai cấp. Còn đối với Hegel, XHCD bao gồm những cực đối lập giữa sự phung phí và nghèo khó không có cách nào vượt qua. Đây chính là điểm mà Mác phê phán, vì nhà nước tư sản, chỉ có thể cùng lắm là *hòa giải tạm thời* (mediating) chứ nó không thể *loại bỏ* các mâu thuẫn thực tế (tức giải quyết triệt để vấn đề). Với cách nhìn nhận

⁶⁷ Ăng-ghen đã viết: Sự khác biệt căn bản nhất giữa họ chính là sự khác biệt trong nhìn nhận về nhà nước và cơ sở của nó, điều này dẫn tới sự khác biệt căn bản trong cách giải quyết, cách khắc phục tình trạng tách biệt. Đối với Hegel, sự khắc phục *nằm chính trong nhà nước* (vì nhà nước là yếu tố quyết định): XHCD sẽ có các đại biểu của mình tham gia nhà nước (đây là các *yếu tố công dân* trong *xã hội chính trị* tức nhà nước). Và như vậy nhà nước không những sẽ hòa giải được sự tách biệt XHCD với nhà nước, mà còn giải quyết được các mâu thuẫn ngay trong XHCD. Tóm lại điểm mấu chốt của sự khác biệt giữa Mác và Hegel là trong khi Hegel coi nhà nước là yếu tố chi phối, thì Mác coi XHCD, với các hoạt động kinh tế là cốt lõi, mới là yếu tố chi phối nhà nước.

như vậy, Mác kết luận rằng nhà nước tư sản, vì phải chứng tỏ được tư cách là đại diện cho “lợi ích chung” (đứng lên trên các lợi ích giai cấp), và do vậy, nhà nước này, về mặt pháp lý, phải có hình thức dân chủ, để che dấu nội dung phi dân chủ (bất bình đẳng trong chiếm hữu TLSX). Đây chính là cốt lõi của nhận định của Mác khi phân tích chế độ chuyên chính Bonaparte và ghi nhận rằng thể chế bầu cử phổ thông là “cỗ máy tốt nhất để xác lập một chế độ chuyên chế”.

Khi nghiên cứu Hegel, có vẻ như có ba hướng vận động trong quan niệm của Mác. Trước hết, Mác chỉ ra rằng nhiều thể chế đóng vai trò “trung gian” thực ra là những thể chế nhà nước chứ không phải của XHCD. Thứ hai, Mác đặt XHCD là động lực thực sự của lịch sử, hay lĩnh vực đấu tranh thực sự của lịch sử diễn ra. Thứ ba, trong khi phản đối giải pháp của Hegel đối với những vấn đề đó, Mác thể hiện mối quan tâm đến việc làm cách nào vượt qua được sự phân biệt giữa nhà nước và XHCD.

Đối với Mác, lá phiếu thể hiện mối quan hệ giữa XHCD đối với nhà nước; việc mở rộng quyền bỏ phiếu do đó thể hiện sự mở rộng tham gia chính trị của XHCD. “Lá phiếu không đơn thuần là một sự đại diện trung gian, trực tiếp mà là quan hệ thực sự tồn tại của XHCD với nhà nước chính trị. Đó chính là một bằng chứng rằng lá phiếu phải tạo nên lợi ích chính trị cơ bản cho XHCD thực sự. Chỉ khi XHCD đã đạt được quyền bỏ phiếu chủ động và bị động không hạn chế, nó mới tự nâng mình lên tầm trừu tượng, lên đến tồn tại chính trị, điều tạo ra sự tồn tại thực sự, phổ biến và cần thiết của nó. Bằng cách tạo ra thực sự tồn tại chính trị của mình như sự tồn tại đích thực, XHCD đảm bảo rằng sự tồn tại dân sự của nó, ở mức độ nó phân biệt với tồn tại chính trị, là không cần thiết.”⁶⁸.

Nói cách khác, cải cách bầu cử và phổ thông đầu phiếu là quan trọng không đơn giản như một bộ phận của cuộc đấu tranh hiện thực nhằm chinh phục

⁶⁸C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 496

quyền lực chính trị. Không phải sự đối lập giữa XHCD và nhà nước sẽ bị vượt qua bởi việc đưa ra phổ thông đầu phiếu mà chính động lực tiến đến phổ thông đầu phiếu đầy đủ và cải cách bầu cử là một biểu hiện tiến đến sự vượt qua sự phân biệt nhà nước và XHCD.

Trong “Lịch sử liên minh của những người cộng sản”, Ăng ghen ghi nhận: “Mác (...), trong “Biên niên sử Đức – Pháp” (1844) đã khái quát hoá “XHCD” nói chung. Không phải là Nhà nước với những điều kiện qui định XHCD mà chính XHCD đưa ra các điều kiện và qui định nhà nước, và mặc nhiên, dẫn đến chính sách và lịch sử của chính sách sẽ được làm rõ từ các mối quan hệ kinh tế và quá trình phát triển của các mối quan hệ đó, và không thể đảo ngược lại”. Mác cũng đã ghi nhận lại điều này: “...Nhà nước buộc phải thừa nhận XHCD, hồi phục nó và chịu sự thống trị của nó⁶⁹”.

2.2.2. XHCD và vấn đề giải phóng con người

Trong các tác phẩm của Mác, ông sử dụng khái niệm xã hội (con người là động vật xã hội) và cho rằng bản chất của con người là tồn tại với tư cách con người xã hội; vì chỉ có ở đây con người mới tồn tại vì anh ta và trong mối ràng buộc với những người khác... Xã hội do đó là một thực thể hoàn chỉnh trong bản chất con người.

Sự phân biệt tồn tại của con người thành hai lĩnh vực riêng biệt là XHCD và đời sống chính trị, theo Mác, xác định đặc tính của xã hội hiện đại với tư cách là một nền văn minh và kết thúc những nỗ lực đặt sự đối lập tự trị cá nhân thành bản chất tự nhiên của con người.

Tuy nhiên, trong quan niệm của Mác, những cá nhân và thành viên của XHCD trên thực tế là, và ở một mức độ nào đó, sẽ là, là một. Vì vậy, sử dụng hình ảnh và tư tưởng về XHCD chính là một cách để bước vào những vấn đề lớn

⁶⁹C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 534

hơn về bản chất của thế giới xã hội. Với tư cách là một tư tưởng, một cách để ý thức về thế giới, tư tưởng về XHCD đưa ra những lý giải khác nhau cho việc tại sao các cá nhân riêng lẻ lại tham gia vào các tổ chức tự nguyện và chấp nhận tính hợp pháp của quyền lực bên ngoài đối với bản thân mình. Nó xuất phát từ hiện thực để xem xét liệu sự ràng buộc giữa các cá nhân, các hiệp hội và các quyền lực có bền vững và chấp nhận được hay không. Nó xem các nguồn quyền lực và các tổ chức khác nhau có như vậy hay không. Bằng cách đó, nó khám phá ý nghĩa của những từ như tư hữu và công cộng, tự do, trật tự và trách nhiệm, cá nhân và xã hội. Nó có thể chỉ ra những con đường mới cho tự do. Chính vì vậy, *Mác sử dụng XHCD để cố gắng tìm kiếm xem động lực nào là phù hợp cho một xã hội mới của tương lai.* Sự tách biệt XHCD với nhà nước (tức sự tha hóa của XHCD thành XHCD) này cần phải khắc phục ở mức độ cao hơn (phủ định của phủ định). Sự tái đồng nhất XHCD với nhà nước sẽ tái thiết lập (hay quay trở lại với) XHCD (mà trong đó nhà nước mất tính chính trị chỉ còn các chức năng quản lý xã hội đơn thuần).

Có thể thấy từ trong các tác phẩm của Mác, XHCD chỉ có thể là vấn đề của tương lai, là một bí ẩn. Vì hiện tại, con người cá nhân bị chi phối bởi tư hữu và đến lượt họ lại coi những người khác như phương tiện cho sự tiến bộ của mình. Chỉ có nhà nước là quan tâm đến sự tồn tại chung, Nhưng vì nó nắm toàn bộ quyền quản lý nên nó trở nên ngày càng có khoảng cách với người dân và những mối quan tâm của họ. Do đó, Mác dự báo sự kết thúc của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong sự chuyển đổi thành một cộng đồng xã hội lý tưởng - một chế độ xã hội mới sẽ nảy sinh trong đó nhà nước tiêu vong thành sức mạnh công cộng và sẽ được thay thế bởi các tổ chức kinh tế xã hội; dịch vụ kinh tế công cộng sẽ trở thành cái chủ yếu; quốc phòng, cảnh sát sẽ chỉ còn một vai trò thứ yếu; nhà nước sẽ biểu hiện ra như là một liên hợp về dịch vụ công cộng, một sự hợp tác

nhằm thoả mãn các nhu cầu tập thể. Xã hội ngày càng ít bị cai trị mà được quản lý hành chính.

Khi bàn về sự giải phóng con người, Mác chỉ ra: dân chủ hoá là một tính qui luật trong lịch sử, rằng quá trình ấy chỉ kết thúc khi dân chủ đạt tới trạng thái hoàn bị của nó, tức là trở thành sự tự qui định của nhân dân một cách trực tiếp mà không cần bất cứ hình thức nhà nước nào. Ở đây, chế độ nhà nước – không chỉ tự nó, xét theo bản chất của nó - ngày càng hướng tới cơ sở hiện thực của nó, tới con người hiện thực, nhân dân hiện thực và được xác định là sự nghiệp của bản thân nhân dân. Chế độ nhà nước ở đây xuất hiện với tính cách là sản phẩm tự do của con người. Sự độc lập hiển nhiên của XHCD nghĩa là nhà nước có thể tự giải phóng mình khỏi những giới hạn mà không cần con người thực sự giải phóng mình khỏi sự hạn chế đó, rằng nhà nước có thể là nhà nước tự do mà không có những con người tự do.

Sự giải phóng giành được bởi từng nhóm nhỏ thông qua nhà nước là sự giải phóng chính trị; giải phóng chính trị không phải là giải phóng con người; sự giải phóng hoàn toàn con người chỉ có thể đạt được thông qua nhà nước, những đòi hỏi sự siêu việt trong sự tách biệt giữa cá nhân trong XHCD với đời sống chính trị trong một tổng thể xã hội mới. “Chỉ khi con người nhận ra hay tổ chức được sức mạnh của mình thành các lực lượng xã hội, nhờ đó sức mạnh xã hội không tách khỏi anh ta dưới dạng sức mạnh chính trị, khi đó, sự giải phóng con người mới hoàn thành”. Vì vậy, giải phóng chính trị là chưa đủ.

Giới hạn của sự giải phóng chính trị ngay từ đầu đã thể hiện ra ở chỗ là, nhà nước có thể tự giải phóng mình khỏi một sự hạn chế nào đó, nhưng con người vẫn không được thực sự thoát khỏi sự hạn chế đó, ở chỗ nhà nước có thể là một nước cộng hoà nhưng con người vẫn không phải là con người tự do”.⁷⁰ “Con người không được giải phóng khỏi tôn giáo, nó được tự do tôn giáo. Con người

⁷⁰C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN., tr 534

không được giải phóng khỏi sở hữu, nó được tự do sở hữu. Con người không được giải phóng khỏi chủ nghĩa vị kỉ nghề nghiệp, nó được tự do nghề nghiệp”⁷¹. Và ông đi đến kết luận rằng Cách mạng xã hội không phải là cách mạng con người, nó chưa đầy đủ

Trong quan hệ giữa nhà nước và XHCD, Mác cho rằng: “tự do là ở chỗ biến nhà nước, cơ quan tối cao của xã hội, thành một cơ quan phụ thuộc vào xã hội, và ngay cả ngày nay nữa, các hình thức nhà nước tự do hay không tự do là tùy ở chỗ trong những hình thức ấy, sự tự do của nhà nước bị hạn chế ít hay nhiều”. Như vậy, mục tiêu cuối cùng không phải là nhà nước mà là xã hội⁷². Từ đó, ông cho rằng phải giải phóng XHCD vì giải phóng XHCD cũng chính là giải phóng con người.

Tuy nhiên, ông cũng lưu ý rằng “không một giai cấp nào của XHCD có thể đóng được vai trò đó (giải phóng xã hội) mà lại không khơi lên trong khoảng khắc cái nhiệt tình trong bản thân nó và trong quần chúng. Đó là lúc mà giai cấp đó kết nghĩa với toàn thể xã hội và hoà vào toàn thể xã hội thành một khối, lúc mà người ta lẫn lộn giai cấp ấy với xã hội ... Chỉ nhân danh quyền lợi chung của xã hội thì một giai cấp cá biệt mới có thể đòi hỏi sự thống trị phổ biến”⁷³.

Điều đó cho thấy rằng, bất kỳ một đảng chính trị hiện đại nào một lực lượng xã hội hiện đại nào muốn giành thắng lợi, thì phải giành thắng lợi cuối cùng ở XHCD. Chúng ta có thể khẳng định rằng, nếu vấn đề nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, thì vấn đề XHCD là mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc cách mạng, giải phóng con người khỏi mọi áp bức chính trị trả con người về trạng thái xã hội tự nhiên của nó.

⁷¹C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 556.

⁷² Ở đây có một điểm thú vị là nếu chúng ta vượt qua sự tách biệt giữa nhà nước và XHCD trong một tổng thể xã hội mới, ở mức độ nhà nước phải tiêu vong thì XHCD cũng như vậy, và cái còn lại chỉ là xã hội.

⁷³C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 585.

Các bài viết của Hegel và Mác là sự chứng thực sự tiếp nối của mô hình XHCD thế kỉ XIX. Trong tác phẩm của các ông, khả năng tồn tại của tư tưởng XHCD thế kỉ XIX với tư cách một khái niệm và một mô hình đại diện xã hội đã biến mất. Trong tác phẩm của Hegel, nó biến mất trong nhà nước phổ biến và trong tác phẩm của Mác là trong sự hợp nhất trong tương lai của XHCD và xã hội chính trị. Và “Chỉ khi”, Mác nhấn mạnh cuối “Về vấn đề Do Thái”: “Con người cá nhân hiện thực tái hấp thu con người công dân trừu tượng của nhà nước vào bản thân nó, và với tư cách là con người cá nhân trong cuộc sống kinh nghiệm chủ nghĩa của mình, trong lao động cá nhân của mình, trong những quan hệ cá nhân của mình, trở thành một sinh vật loài; chỉ khi nào con người nhận thức được và tổ chức được “những lực lượng của bản thân” thành những lực lượng xã hội, và vì vậy sẽ không còn tách quyền lực xã hội dưới dạng quyền lực chính trị ra khỏi bản thân mình, chỉ khi ấy, giải phóng con người mới hoàn thiện”.⁷⁴

Mác, như chúng ta thấy, quan tâm đến cùng hệ vấn đề đã dẫn dắt những bậc tiền bối của mình hàng trăm năm trước, đến với tư tưởng về XHCD. Mặc dù còn nhiều tranh cãi xung quanh tư tưởng về XHCD của Mác, nhưng từ những nghiên cứu của Mác, có thể thấy được điều kiện ra đời, bản chất của XHCD cũng như những điều kiện, yếu tố tác động đến XHCD. Chúng ta có thể thấy trong tư tưởng về XHCD của Mác cả sự kế thừa và cả những phát triển mới dựa trên thực tiễn đời sống xã hội thời bấy giờ cũng như dựa trên những nghiên cứu logic về lịch sử xã hội loài người. Sử dụng hình ảnh và tư tưởng về XHCD có thể coi là một điểm xuất phát để bước vào những vấn đề lớn hơn về bản chất của thế giới xã hội. XHCD lúc nào cũng có những điều quan trọng cần phải bàn và khám phá làm cho chúng ta luôn tự hỏi về những xã hội mà chúng ta đang sống. Nó trở thành một trong những điểm chuẩn để tham khảo trong các cuộc tranh luận chính trị

⁷⁴C. Mác và Ăngghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 558.

chấp nhận XHCD theo cách này hay cách khác và quan trọng hơn là xem xét xem cái XHCD mà chúng ta chấp nhận thực sự liên quan đến những gì.

2.3. A. Gramsci bổ sung và phát triển quan niệm của Mác về XHCD

Như các phần trên đã chỉ ra, XHCD được Mác và Heghel phân tích như là khái niệm có tính *quan hệ*, tức là nó chỉ có ý nghĩa (rõ ràng) khi được xem xét trong quan hệ với *nhà nước*. Gramsci cũng vậy, mối quan tâm chính của ông là sự tương tác giữa XHCD với nhà nước vì để hiểu sự biến đổi chính trị, sự thất bại hay thành công của CNTB cũng như của CNXH sau này, phải hiểu được XHCD, và đặc biệt, phải hiểu nó từ góc độ của sự tương tác của nó với quyền lực chính trị.

Đối với Gramsci, cũng như với nhiều nhà Mác xít khác vào đầu thế kỷ XX, vấn đề mà lý thuyết của Mác không giải quyết thỏa đáng là “tại sao quần chúng lại không làm cách mạng, khi mà đời sống và các mâu thuẫn kinh tế gay gắt như vậy?”. Theo Gramsci, nhà nước tư sản *không chỉ thuần túy sử dụng vũ lực và cưỡng ép thô bạo*, (hoặc bằng chuyên chính tư sản thông qua bạo lực nhà nước, hoặc bằng sự ép buộc kinh tế thông qua chiếm giữ, duy trì sở hữu tư liệu sản xuất), mà còn thông qua việc *chế tạo ra sự đồng thuận* (manufacture of consent). Để làm được việc đó, giai cấp cầm quyền sử dụng vị trí tiên phong của mình (tạm dịch từ thuật ngữ “hegemony”). Vị trí tiên phong này được tạo ra bằng cách quảng bá *hệ tư tưởng* của giai cấp cầm quyền, làm cho nó ăn sâu vào quần chúng.

Ông viết (1971) “Điều mà chúng ta cần là làm rõ hai « lớp » chủ yếu của kiến trúc thượng tầng: lớp thứ nhất, mà chúng ta gọi là “XHCD”, tức là tập hợp các tổ chức thường được coi là “khu vực tư”, và lớp thứ hai, “xã hội chính trị”, tức “nhà nước”. Hai lớp này tương ứng, một mặt, với các chức năng của sự “tiên phong” mà nhóm chiếm ưu thế đang thi hành trong toàn xã hội, mặt khác,

với “*sự thống trị trực tiếp*”, tức là sự ra lệnh thông qua nhà nước và chính phủ “*có thẩm quyền pháp lý*” (*juridical government*)”⁷⁵.

Quyền uy do vị trí tiên phong này được tạo ra như vậy không đơn giản dựa trên sự cưỡng bức, mà còn *dựa trên sự đồng thuận* tự nguyện được tạo ra. Nói cách khác, đây chính là điểm mấu chốt mà Gramsci phát triển khác với các nhà Mác xít khác: thay vào sự nhấn mạnh quá mức các quan hệ kinh tế vật chất, ông nhấn mạnh cả vào khía cạnh văn hóa, hệ tư tưởng, hệ giá trị đang chiếm ưu thế rộng rãi, đến mức trở thành “*mặc định*”, được mọi người chấp nhận mặc nhiên, không có gì phải nghi vấn.

Khác với các tiền bối và nhiều người đương thời, đối với ông, gia đình cũng thuộc vào XHCD! Lý do chính là vì với cách nhìn nhận về tính tiên phong, thì gia đình là một thiết chế có *vai trò trung tâm* trong việc hình thành *quan điểm* chính trị cá nhân. Gia đình cũng còn là *công cụ quan trọng* trong việc *truyền tải và nuôi dưỡng văn hóa, truyền thống*. Nói cách khác, gia đình là công cụ quan trọng trong việc tạo lập tính *tiên phong [văn hóa]* vì nó ảnh hưởng đến quan điểm, hệ giá trị mặc định của quần chúng nhân dân, của một đa số trong xã hội, và từ đó, ảnh hưởng đến sự đồng thuận tự nguyện, thường trực vốn rất cần thiết cho sự ổn định và tồn tại của hệ thống.

Tương tự vậy, các thể chế khác như nhà thờ, trường đại học, các câu lạc bộ, phong trào, v.v. vốn đã được coi là các thành phần của XHCD trong các nghiên cứu trước đó, nay đã có các ý nghĩa *mới*. Chúng cũng được Gramsci coi là thuộc thành phần XHCD, nhưng không phải vì *tính tự nguyện* của chúng như các nhà nghiên cứu khác thường nhấn mạnh, mà trước hết và chủ yếu là vì chúng là nơi sản xuất, nuôi dưỡng, truyền bá ... tư tưởng và văn hóa, tức là từ *vai trò* của

⁷⁵ "What we can do, for the moment, is to fix two major superstructural 'levels': the one that can be called 'civil society', that is, the ensemble of organisms commonly called 'private', and that of 'political society' or 'the state'. These two levels correspond on the one hand to the functions of 'hegemony' which the dominant group exercises throughout society and on the other hand to that of 'direct domination' or command exercised through the state and 'juridical' government."

chúng trong việc tái tạo các yếu tố cần thiết bảo đảm sự *tiền phong, hegemony*, của giai cấp cầm quyền (dù là tư sản hay vô sản), và từ đó, cần thiết cho sự tồn tại và ổn định của cả hệ thống.

Như vậy quan điểm của Gramsci khác với Mác ở mấy điểm quan trọng sau:

i – XHCD không chỉ là hệ thống các lợi ích với lợi ích kinh tế là chủ yếu và quyết định. XHCD cần được phân tích và nhìn nhận như hệ thống các tư tưởng, các giá trị văn hóa, và các lợi ích xã hội khác. Nếu nhìn nhận như vậy, thì XHCD như vậy sẽ thuộc vào thượng tầng kiến trúc, khác với Mác như đã nói ở trên.

ii – Do vai trò trung tâm của hệ tư tưởng (ideology) đối với vị trí tiền phong (hegemony), và từ đó, đối với sự thống trị, nên hệ tư tưởng, giá trị văn hóa có *sự độc lập nhất định* đối với lĩnh vực kinh tế. Tức mối quan hệ giữa thượng tầng và hạ tầng *phức tạp* hơn Mác quan niệm.

Từ cách nhìn nhận này, XHCD có thể được coi là nơi hình thành nhân cách của con người, nơi tái tạo các tư tưởng, các giá trị văn hóa, sự liên kết xã hội. Trong các tương tác đó, hiển nhiên, khu vực kinh tế và khu vực chính trị (doanh nghiệp và nhà nước) có vai trò quan trọng nhưng có thể chỉ mang tính *hỗ trợ* chứ không mang tính quyết định như thường được quan niệm.

Do các quan niệm khác biệt về vai trò của XHCD, từ phân tích vai trò của tính tiền phong và hệ tư tưởng như trên, ông cho rằng Mác, Ăng-ghe-nơ, và đặc biệt Lênin sau này đã *không đúng* (về tổng quát) khi thu hẹp phương diện chính trị bằng cách *tập trung hết vào nhà nước, nghị viện*. Theo ông, cách thức và chiến lược từ quan điểm như vậy không bao quát và dự tính được hết các điều kiện xã hội của các nước công nghiệp phát triển lúc đó. Ông đã dùng quan hệ nhà nước – XHCD để lập luận và giải thích các hiện tượng “ngoài dự tính” và từ đó đưa ra quan điểm của mình về chiến lược cải biến xã hội thích hợp.

Ông viết: *Một nhóm xã hội thực ra là bắt buộc phải đã nắm được vị trí “tiền phong” trước khi chiếm được chính quyền (đây thực sự là một trong những điều kiện cốt lõi để nắm được quyền lực như vậy); Nhóm đó sau đó sẽ trở thành nhóm thống trị khi thực thi quyền lực, nhưng ngay cả khi nắm vững quyền lực trong tay, nhóm này vẫn bắt buộc phải tiếp tục vai trò tiền phong của mình.*⁷⁶

Ông cho rằng, nếu thực sự đại bộ phận sức kháng cự (chính trị) của giai cấp cầm quyền là *tập trung* ở một thể chế - tức là nhà nước - thì chỉ cần **một** “cuộc cách mạng lật đổ” thể chế đó. Ngược lại, nếu sức kháng cự lại được *dàn trải* trên bình diện rộng và bắt rễ sâu (do tính tiền phong mặc định của hệ tư tưởng và sự đồng thuận tự nguyện) của một XHCD tự chủ, đảng cộng sản phải làm cách mạng như tiến hành một cuộc “*chiến tranh đường hầm*” (Gramsci), tức là phải kiên trì chinh phục *dần dần* từng vị trí (Gramsci dùng từ “war of position”, để đối lập với “war of manoeuvre” – chiến tranh trực diện) của giai cấp tư sản, trong đó nhà nước chỉ là một trong nhiều khâu, *đầu tiên hay cuối cùng*, của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ góc độ chính trị học, có thể nói, Gramsci đã có một cách nhìn khác về cách thức quyền lực trong xã hội được vận hành. Theo cách nhìn của ông, chính các thiết chế XHCD với các chức năng về văn hóa và tư tưởng (chứ không phải quyền lợi kinh tế) như đã phân tích – là chức năng quan trọng của XHCD - không phải mang tính mâu thuẫn, đối kháng với nhà nước, mà chính là các thiết chế *bảo vệ nhà nước* từ trong chiều sâu, vì nó đảm bảo tính chính đáng của quyền lực qua sự *thừa nhận* (mặc định) của quần chúng (dù là được tạo ra bởi nhà nước) về hệ giá trị và các tư tưởng của giai cấp cầm quyền.

Thực ra, quan điểm này có khác Mác hay không thì còn phải tranh luận vì có nhiều cách diễn giải những điều Mác nói. Tuy nhiên, cách tiếp cận của

⁷⁶ A social group can, indeed must, already exercise 'leadership' before winning governmental power (this is indeed one of the principal conditions for the winning of such power); it subsequently becomes dominant when it exercises power, but even if it holds it firmly in its grasp, it must continue to 'lead' as well.

Gramsci rõ ràng bổ sung một phần quan trọng cho lý thuyết của Mác, và có thể đã làm giảm bớt sự diễn giải cứng nhắc về mối quan hệ kinh tế - chính trị trong các nhà nghiên cứu Mácxit.

Nếu Mác chỉ dừng lại phân tích vai trò của “hệ tư tưởng” như là *biểu hiện thứ cấp* của các quan hệ kinh tế thì Gramsci đã phát triển vai trò “tiền phong” của hệ tư tưởng – tức sự chủ động của yếu tố vốn bị coi là bị động, thứ cấp. Theo đó, một hệ thống các giá trị khi chiếm vị trí “tiền phong” sẽ khiến các cá nhân chấp nhận các giá trị *chung đó* như là giá trị của riêng cá nhân mình một cách tự nhiên, tự nguyện. Từ đây, ông cũng đã có những nhìn nhận sâu sắc về quá trình biến đổi xã hội, trong đó các tư tưởng cũ đã bị thay đổi như thế nào bởi các tư tưởng tiền phong mới. Quá trình biến đổi đó cũng là quá trình những giá trị, tư tưởng trước đó bị coi là “*thứ yếu và phụ thuộc, thậm chí là đơn lẻ, thì bây giờ trở thành chủ yếu – trở thành hạt nhân của một phức hợp tư tưởng và lý luận mới. Ý chí tập thể cũ sẽ tan rã thành các yếu tố riêng rẽ, mâu thuẫn, khi các tư tưởng thứ yếu phát triển rộng dần*”, và trở nên “*tiền phong*”⁷⁷.

Tổng kết lại, có thể thấy Gramsci coi sự thống trị (của giai cấp tư sản) dựa vào hai nền tảng có tính độc lập tương đối và quan trọng như nhau:

1 – Sự chiếm ưu thế về kinh tế.

2 – Sự chiếm ưu thế về tri thức và hệ giá trị đạo đức, thông qua thiết lập tính tiền phong về hệ tư tưởng và các giá trị văn hóa trong xã hội.

Ông tập trung vào cơ sở thứ hai, vì theo ông, nó sẽ bổ sung và tăng sức mạnh cho lý thuyết của Mác khi giải thích phát triển xã hội, và cho cả các chương trình hành động trong thực tiễn của các đảng cộng sản tại Tây Âu. Trong phân tích cơ sở thứ hai này, khái niệm “XHCD”(civil society) và “tiền phong” (hegemony) tư tưởng là hai phạm trù quan trọng để hiểu mạch lập luận của ông.

⁷⁷“What was previously secondary and subordinate, or even incidental, is now taken to be primary – becomes the nucleus of a new ideological and theoretical complex. The old collective will dissolves into its contradictory elements, since the subordinate ones develop socially, etc”

Sự khác biệt với Mác, có lẽ là trong mức độ nhấn mạnh, chứ không phải là sự khác biệt nền tảng. Trong khi đó, sự khác biệt của ông với Lê Nin có tính nền tảng. Sự thống trị về kinh tế, và cả chính trị cũng có thể là *chưa đủ*, giai cấp và các nhóm thống trị (không nhất thiết là cầm quyền) luôn còn phải quan tâm đến việc bảo đảm cho hệ tư tưởng và các giá trị văn hóa của mình được chấp nhận rộng rãi, được sự “đồng thuận xã hội” – tức là tạo ra cả một không gian văn hóa (rộng hơn pháp luật thành văn rất nhiều), mà trong đó, ưu thế của nhóm này, phẩm chất tiên phong, năng lực dẫn dắt, lãnh đạo được coi như là tự nhiên (mặc nhiên).

Theo Paul Ransome (1992), Gramsci đã bỏ khuyết cho Mác hai điểm yếu quan trọng :

i - Mác đã quá nhấn mạnh rằng các phát triển xã hội luôn khởi nguồn từ kinh tế, từ cấu trúc của các hoạt động kinh tế.

ii - Mác đã quá tin tưởng vào khả năng cách mạng do sự bùng tỉnh, tự giác ngộ về ý thức giai cấp của công nhân.

Rõ ràng, diễn giải và đánh giá Gramsci như thế nào sẽ phụ thuộc vào việc hiểu và diễn giải chủ nghĩa Mác như thế nào. Dù thế nào đi chăng nữa, các nghiên cứu của ông cũng là nguồn gợi mở tư duy cho nhiều nhà nghiên cứu cánh tả nói chung và các nhà Mác xít nói riêng trên thế giới, đặc biệt vào những thập niên gần đây. Thậm chí, ông còn được coi là người khởi nguồn của trường phái xã hội học phê phán trong văn hóa (critical sociology of culture) và khía cạnh chính trị của văn hóa (politicisation of culture).

Quan niệm của Gramsci về vai trò của XHCD, và cùng với nó, cách nhìn nhận về quá trình chiếm lĩnh vị trí ưu thế trong xã hội thông qua chiếm lĩnh vị trí tiên phong (tiên tiến) về các giá trị đạo đức, văn hóa và tư tưởng (khác với sự nhấn mạnh thái quá vào kinh tế) như vậy có ảnh hưởng to lớn trong các nhà nghiên cứu cả cánh tả và cánh hữu, và dẫn đến các phát triển quan trọng trong

ngiên cứu xã hội ngày nay, đặc biệt là sự phát triển của trường phái phê phán (critical school) ở các nước phát triển phương Tây với các tên tuổi như Jurgen Habermas, Louis Althusser, Foucault.

Sự nhìn nhận về tính phức tạp của quan hệ thượng tầng – hạ tầng, tính độc lập của tư tưởng, văn hóa là nền tảng cho các khuynh hướng nghiên cứu xã hội của trường phái này. Habermas tập trung vào nghiên cứu sự giao tiếp xã hội (communication), trong khi đó, Althusser, Foucault tập trung vào nghiên cứu vai trò của hệ tư tưởng. Từ đó, các nghiên cứu này soi sáng các khía cạnh khác nhau của các thể chế XHCD.

Lý luận của Gramsci có nghĩa rằng giai cấp công nhân khi nắm quyền cũng cần thiết phải phát triển vị trí “tiên phong” trong lý luận và hệ giá trị (tức sự ưu thế về hệ tư tưởng của mình). Cách thức đảm bảo sự chiếm ưu thế đó không thể chỉ bằng cưỡng ép mang tính quyền lực, mà quan trọng hơn, và về lâu dài như Gramsci phân tích, là phải tính đến quyền lợi, hệ giá trị của các nhóm khác, các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội và kết hợp dần vào hệ giá trị và hệ tư tưởng của mình, một cách nhất quán và thuyết phục (a cohesive system).

Ông cho rằng, sự chiếm ưu thế (tiên phong tư tưởng) như vậy không là sự kiện đơn lẻ, một lần, mà là *quá trình liên tục của các cuộc tái thương thảo* của nhóm nắm ưu thế (đang cầm quyền) với các nhóm khác trong xã hội. Giai cấp công nhân, hay bất kỳ giai cấp nào cầm quyền, cũng phải từng bước xây dựng XHCD như vậy, thông qua đó, củng cố liên minh với các nhóm khác, thúc đẩy hệ giá trị và tư tưởng của mình, và chiếm được sự thừa nhận rộng rãi. Đó chính là các tường thành kiên cố bảo vệ hệ thống.

Từ đó, có thể thấy có 2 cách kiểm soát sự ổn định của hệ thống:

1 – Cách thức sử dụng cưỡng bức, tức quyền lực: cách thức này có tác dụng nhất khi nhà nước chưa có được mức độ công nhận về tính tiên phong tư

tưởng cao, hoặc sự tiền phong đó còn mong manh và phân tán. Đây cũng là sự lãnh đạo thông qua nắm quyền lực.

2 – Cách thức sử dụng sự đồng thuận: có hiệu quả cao khi đã tạo lập được XHCD, hệ giá trị của mình được chấp nhận rộng rãi, khi các cá nhân đã chấp nhận một cách tự nguyện quan điểm và hệ giá trị của giai cấp cầm quyền. Đây là sự lãnh đạo thông qua sự chiếm ưu thế.

Cả hai cách thức như vậy đều liên quan mật thiết với cách phân tích về tính chính đáng của quyền lực trong nghiên cứu chính trị học. Xã hội sẽ có các biến chuyển (hay cách mạng) không phải *chủ yếu* do giai cấp đột nhiên tỉnh ngộ, ý thức được “giai cấp vì nó”, mà chính là kết quả của quá trình liên minh lâu dài và âm thầm trước đó⁷⁸. Trong quá trình này, các liên minh giữa các nhóm có cùng lợi ích, đã phát triển dần vị trí bá quyền tư tưởng của mình một cách vững chắc và rộng rãi. Một khi vị trí bá quyền tư tưởng bị thay đổi thì đó cũng chính là lúc các biến chuyển xã hội sẽ diễn ra không thể ngăn cản. Nói cách khác, phải chinh phục XHCD mới chinh phục được nhà nước một cách vững bền.

Như vậy, Gramsci đặc biệt coi trọng *tầng lớp trí thức*, vì giai cấp công nhân, cũng như mọi giai cấp khi nắm quyền, phải tạo ra cho mình được tầng lớp trí thức của mình – là tầng lớp sẽ nuôi dưỡng và phát triển sự bá quyền tư tưởng (đảm bảo sự kiểm soát thông qua tự nguyện). Ông cũng cho rằng, tầng lớp trí thức này phải được phát triển từ trong giai cấp công nhân, tức tầng lớp trí thức hữu cơ (organic intellectual) chứ không phải lấy từ bên ngoài vào hay ép buộc từ trên xuống.

Một ý nghĩa thực tiễn hiển nhiên khác của các tư tưởng Gramsci là về vai trò của *hệ thống thông tin đại chúng và công tác tư tưởng lý luận* nói chung, trong đó vai trò truyền bá và củng cố tính tiền phong về tư tưởng được nhấn

⁷⁸Câu hỏi này đã được tác giả đặt ra trước đây, và vẫn còn là một nghi vấn quan trọng về diễn giải quan điểm của Mác : làm thế nào để giai cấp công nhân chuyển từ ‘trong nó’ thành ‘vì nó’ (Đức, 2003)

mạnh, vì đây chính là công cụ giao tiếp xã hội mạnh nhất. Công tác tư tưởng, nếu hiểu như vậy, chắc chắn sẽ phải đặt nền tảng căn bản trên sự thuyết phục bằng lý luận, sự tiên phong phải được củng cố bằng sự thuyết phục của lý luận, sự thiết lập *luong tri* – tức các chuẩn mực được xã hội rộng rãi thừa nhận. là điều mà xã hội, với trình độ dân trí và bằng chứng hiện có, chấp nhận rộng rãi.

Mặc dù các bài viết của Gramsci mãi đến những năm 1950 mới được đọc với tư cách là các tác phẩm lý luận nhưng các luận điểm có tính gợi mở của ông, đặc biệt là lý luận xoay quanh các phạm trù “hegemony” (tiên phong), “trí thức hữu cơ” (organic intellectual), “dân túy” (national popular), “khối liên kết lịch sử” (historical bloc), và sau này là “XHCD” (civil society), đã được nhìn nhận và có một ý nghĩa lý thuyết mới, và được chú ý rộng rãi không chỉ ở trong các nhà nghiên cứu cánh tả và các nước đang phát triển.

Trong những thập kỷ gần đây, sự sụp đổ của các chính quyền tại các nước Đông Âu, Nga cũng như hiện tượng toàn cầu hóa đã càng làm tăng lên sự quan tâm đến lý thuyết của Gramsci, về cách nhìn nhận XHDS của ông từ góc độ văn hóa, cũng như quan hệ của nó đối với nhà nước. Trong đó, các sự kiện nổi bật cho thấy tính độc lập tương đối của XHDS đối với nhà nước. Sự tập trung quyền lực, và ngay cả sự phát triển kinh tế, nhưng không đi đôi với sự chinh phục XHDS một cách thích đáng, khiến XHDS càng ngày càng xa lạ với nhà nước vì dường như “đứng ngoài”, “không tham gia” vào các quyết định xã hội. Đó có thể đã là các nguyên nhân chính gây ra các bất ổn, và thậm chí sụp đổ xã hội.

Với những giá trị đã được thử thách qua thời gian, cần coi các tác phẩm của Gramsci như là các cố gắng phát triển chủ nghĩa Mác, đặc biệt là cung cấp thêm một cách hiểu *phong phú và linh hoạt hơn* về mô hình hạ tầng cơ sở - thượng tầng kiến trúc của lý thuyết hình thái kinh tế xã hội của Mác. Ở nước ta, tên tuổi của Gramsci hầu như không được biết đến nhưng trong thực tiễn nước ta, có rất nhiều quá trình có thể được giải thích và nhìn nhận sáng tỏ hơn với cách tiếp cận của ông.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ

XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

3.1. Mối quan hệ giữa xã hội công dân với nhà nước pháp quyền ở Việt Nam

XHCD, NNPQ và KTTT được coi là bộ ba của sự phát triển. Khi xem xét XHCD, cần phải đặt sự vận động của XHCD trong mối quan hệ với NNPQ và KTTT. Chính trong mối quan hệ này, XHCD hiện thực hoá dân chủ, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. Và cũng chính NNPQ và KTTT tạo những điều kiện cần thiết cho XHCD phát triển và hoàn thiện.

Khi xem xét sự hình thành, phát triển, các hình thức tồn tại và biểu hiện của XHCD hay cụ thể hơn là các tổ chức *tự nguyện, tự chủ, tự quản* được các công dân tổ chức nên nhằm thoả mãn những nhu cầu thiết yếu của cộng đồng các công dân, chúng ta phải xem xét chúng dưới một chế độ chính trị nhất định. Biểu hiện của chế độ chính trị cụ thể đó chính là hệ thống các thiết chế chính trị, là nhà nước với hệ thống pháp luật thống nhất trong một quốc gia. Chính vì vậy, khi nghiên cứu về XHCD, chúng ta phải đặt nó trong mối quan hệ với nhà nước và cơ sở tồn tại của nó chính là yếu tố kinh tế. Mối quan hệ đó ở nước ta chính là quan hệ giữa XHCD với NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân và nền KTTT định hướng XHCN. Ở đây, chúng tôi tách riêng mối quan hệ giữa XHCD và NNPQ XHCN để xem xét sự tương tác giữa lĩnh vực chính trị và phi chính trị trong mối quan hệ này, tất nhiên không thoát khỏi hoàn toàn tác động của yếu tố kinh tế.

Trong các chương trước chúng ta đã chỉ ra rằng “XHCD” có nguồn gốc từ cộng đồng của các công dân La Mã. Trong tác phẩm của mình Aristotle nhận ra sự cần thiết phải có sự hạn chế, sự can thiệp của nhà nước vào một số lĩnh vực

thuộc đời sống riêng tư của các công dân như: Gia đình hoặc đời sống tinh thần riêng của con người như tôn giáo, tín ngưỡng.

Phong trào Phục Hưng từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XVI đã từng bước giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc vào thần linh, tôn giáo, vào thần quyền và vương quyền phong kiến về mặt ý thức hệ. Trên lĩnh vực tư tưởng xuất hiện hàng loạt các triết gia, kế thừa các ý niệm về xã hội, về con người với tư cách là những công dân. XHCD khác với nhà nước, là một hình thái cộng đồng luôn luôn tồn tại, nhưng XHCD chỉ xuất hiện trong quá trình và từ kết quả của việc tách nhà nước ra khỏi các cấu trúc khác của xã hội.

Ngày nay XHCD đã thực sự trở thành một giá trị cao cả, là một hiện thực sống động trong các xã hội dân chủ. Con người, để tồn tại, phải thực hiện hoạt động mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân diễn ra ở khắp mọi nơi, một cách liên tục trên lĩnh vực kinh tế, gia đình, tôn giáo, tín ngưỡng cũng như các lĩnh vực khác có tính chất dân sự. Tổng hòa các quan hệ đó được xem là một thứ quan hệ phi nhà nước, phi chính trị. Từ đó hình thành các thiết chế tự quản phi nhà nước tập hợp những cá nhân theo nhu cầu, sở thích, lợi ích, của các công dân tự do nằm ngoài sự can thiệp của nhà nước.

Trước thực tế và triển vọng phát triển mạnh mẽ của các XHCD nhiều người cho rằng đã đến lúc không thể tiếp tục xem các XHCD đã định hình suốt thế kỷ và với dáng dấp hiện nay là XHCD tư sản nữa. XHCD đã mang một bản chất mới hứa hẹn tiến đến một quá trình phát triển mới mà ở đó các xã hội đó sẽ tự đảm đương chức năng tổ chức đời sống xã hội theo phương thức tự quản thay cho nhà nước. Hơn thế, phù hợp với xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa, một thị trường quy mô thế giới sẽ được xác lập, khoảng cách giữa nhân dân các dân tộc mất dần đi. Hoạt động của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, các tổ chức khu vực hoặc thế giới ngày càng được đề cao. Các nền dân chủ rộng rãi có thể vượt biên giới quốc gia để trở thành các nền dân chủ khu vực, châu lục rộng hơn. Nói cách khác, nhiều người băn khoăn rằng sự tồn tại của các nhà nước với tất cả chức

năng, vai trò, chức năng hiện hữu có còn thiết yếu hay phải nhường chỗ cho *các thiết chế tự quản đã định hình* và ngày càng tỏ ra thích hợp, thích ứng nhu cầu của các xã hội tương lai, sẽ thế chân các nhà nước sẽ dần dần đi vào lịch sử và đảm đương sứ mệnh tổ chức công cuộc tự quản cuộc sống cộng đồng của các xã hội.

Với những lập luận trên đây, chúng ta có thể khẳng định rằng tồn tại mối quan hệ giữa XHCD với nhà nước nói chung và NNPQ nói riêng. Nói đến XHCD thì phải nói tới cái bảo đảm cho nó về mặt pháp lý – chính trị tức là NNPQ. Ngược lại, NNPQ luôn đề cao chủ thể của xã hội – những công dân, ghi nhận và hiện thực hóa những quyền con người, quyền công dân.

Đương nhiên, phải thấy tính khách quan, tính quy luật của sự ra đời của các XHCD. Không phải lúc nào và ở đâu có nhà nước thì ở đó có XHCD. XHCD ra đời, định hình ở một giai đoạn lịch sử của xã hội loài người, khi trong lòng xã hội với một nhà nước đang tồn tại và đã tạo ra được những tiền đề, những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cho sự ra đời, hình thành, phát triển của XHCD. Nhưng nhân tố chủ quan ở đây vẫn có vai trò quan trọng, không thể thiếu, trực tiếp vì nhân tố khách quan không thể tự thân vận động mà phải thông qua con người, của cơ chế thể hiện ở những quan điểm biến thành chủ trương, chính sách, cơ chế, pháp luật của nhà nước.

Giữa nhà nước và XHCD có mối quan hệ tương hỗ. Nếu pháp luật được nhà nước ban hành thiếu những giải pháp, biện pháp, cơ chế thích đáng thì không thể nói đến sự ra đời chứ chưa nói đến sự hình thành, phát triển của XHCD. Trong trường hợp đó XHCD tồn tại như chỉ là một khả năng hiện thực nhưng không thể biến thành một XHCD hiện thực. Đương nhiên, khi một nhà nước bằng công cụ pháp luật ban hành, đưa vào thực thi một chính sách, thiết lập một cơ chế trực tiếp là nhằm xác lập, tăng cường một loại quan hệ thuộc một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội, đáp ứng một nhu cầu, một đòi hỏi của tình hình đưa lại sự yên bình, ổn định, lạc nghiệp của con người trong xã hội, nhưng xét một cách

khách quan, hệ quả của việc thực thi chính sách, vận hành cơ chế lại tạo ra những điều kiện hiện thực của sự ra đời tăng cường, củng cố sự phát triển, sự bền vững của XHCD. Xét về mặt đó, nhà cầm quyền một nước cũng có khả năng ban hành, đưa vào thực thi những chính sách, chủ trương giải pháp – một cách cố ý hoặc vô ý, đưa lại những hậu quả tiêu cực, giảm thiểu, hạ thấp vị trí, vai trò, hạn chế chức năng của một XHCD.

Công cuộc đổi mới của xã hội Việt Nam được tiến hành đồng bộ trên quy mô cả nước theo đường lối, chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX là một trong những mẫu mực đặc sắc về sự tác động của nhà nước trong việc tạo ra những tiền đề, những cơ sở cho sự hình thành, phát triển của XHCD Việt Nam hay nói chính xác hơn là các yếu tố cơ bản của XHCD ở Việt Nam.

Ở nước ta, sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta luôn chủ trương: Xây dựng nền KTTT có khả năng hội nhập, xây dựng một xã hội dân chủ, nơi đề cao phát huy mạnh mẽ chế độ đại diện để trở thành một thiết chế trung tâm của sinh hoạt dân chủ của đất nước, nơi quyền con người, tuy không hề đơn giản mà có lúc cũng gặp ghềnh nhưng vẫn đang từng bước đi lên, được thể chế hóa, cụ thể hóa thành một hệ thống các quy định pháp luật thể hiện quyền con người của từng cá nhân một cách đầy đủ, hoàn chỉnh cùng một hệ thống các biện pháp, cơ chế có khả năng biến các quyền con người thành hiện thực đời sống của mỗi cá nhân. Và đó chính là những điều kiện xã hội tối cần thiết để xây dựng, phát triển, tăng cường, củng cố vững mạnh một XHCD Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

Qua hiện thực lịch sử các nước trong thời cận hiện đại có thể thấy trong tiến trình phát triển của các quốc gia, XHCD đang ngày càng giữ vị trí, vai trò quan trọng; cũng có thể nói có chức năng và cả sứ mệnh to lớn đối với sự phát triển nói chung của các xã hội, nói riêng và trực tiếp là đối với các NNPQ. Không thể nói đến một NNPQ vững mạnh theo đúng nghĩa của nó mà thiếu một XHCD

vững mạnh làm chỗ dựa. XHCD chính là nhân tố, hay chính xác hơn chính là cơ sở xã hội cho sự tồn tại, phát triển tăng cường của NN PQ, nơi mà nền kinh tế xã hội phát triển theo cơ chế thị trường, dựa trên một hệ thống pháp luật có vị trí tối thượng mà hình thức văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất – hiến pháp và các đạo luật – giữ vị trí cao nhất trong bậc các giá trị của xã hội.

Nội dung cốt lõi thực chất của pháp luật trong một NN PQ phải là loại pháp luật thể hiện quyền lực của nhân dân, cũng đồng thời thể hiện chủ quyền nhà nước của các tầng lớp nhân dân, thể hiện ý chí của nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, đề cao, bảo đảm các quyền con người tạo môi trường pháp lý cho sự tham gia một cách thực sự bình đẳng trước pháp luật của mọi người vào đời sống chính trị, sinh hoạt dân chủ của đất nước; mọi cá nhân được bảo đảm một cách thích đáng của pháp luật. Chính nội dung có tính cốt lõi thực chất này của pháp luật trong NN PQ đã đưa lại cho các thủ tục, các quy trình thể chế trong NN PQ, trước hết là các thủ tục hành chính, thủ tục tư pháp một ý nghĩa thực sự thích đáng, đậm tính nhân văn, dân chủ. NN PQ quản lý xã hội theo pháp luật và bằng pháp luật, nhưng không thuần túy theo pháp luật. Các chính sách xã hội quan tâm đến con người, đến các tầng lớp dân cư bị thiệt thòi trở thành phương diện không thể thiếu được, có tính thường trực thuộc hoạt động của NN PQ để trở thành cơ sở cho một *NN PQ xã hội*. Đây cũng chính là phương diện đặc trưng của NN PQ thuộc thế kỷ XX nhất là ở nửa sau của thế kỷ này và thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, để đến lượt mình, các XHCD, xây dựng mặt bằng, bồi đắp cơ sở cho sự phát triển ngày càng được tăng cường, củng cố của các NN PQ với hiệu năng ngày phục vụ tốt hơn, có hiệu quả hơn xã hội, các tầng lớp dân cư.

Hầu hết các nhà nước trên thế giới đều được tổ chức thành một trung tâm lãnh đạo thống nhất với một hệ thống tổ chức và quan hệ theo chiều dọc dựa trên trật tự đẳng cấp giữa các cơ quan và những con người - viên chức nhà nước, bởi các quan hệ trên dưới chỉ huy và phục tùng theo một chế độ kỷ luật chặt chẽ để thực hiện một cách liên tục chức năng chủ yếu là bảo vệ xã hội và quản lý xã hội.

XHCD lại được cấu thành từ những mối quan hệ theo chiều ngang muôn hình, muôn vẻ của các công dân – các cá nhân tự do, các đoàn thể, liên minh, liên hiệp, tập thể. Các mối quan hệ, liên hệ ở đây được cấu thành theo nguyên tắc bình đẳng và sáng kiến cá nhân bao gồm cả việc tự tìm kiếm công cụ, phương tiện sống, tồn tại. Mục đích của các cá nhân, các hiệp hội của họ rất đa dạng và thay đổi khác nhau theo nhu cầu và lợi ích mà mỗi cá nhân, tập thể theo đuổi. Sự khác nhau về cơ cấu và coi nguyên tắc tổ chức, hoạt động của XHCD và nhà nước cũng in dấu ấn đậm nét lên các phương thức điều chỉnh của pháp luật điều chỉnh chúng. Trong khi các cơ quan nhà nước và viên chức nhà nước có được là do pháp luật tạo nên, sự tồn tại và hoạt động của XHCD không do pháp luật định trước theo những điều kiện nhất định nào đó. Sự tạo lập các tập thể, hiệp hội của XHCD có thể được pháp luật điều chỉnh, nhưng việc thành lập, hoạt động của các chủ thể này lại hoàn toàn phụ thuộc và theo ý chí của các thành viên.

Các công dân có năng lực pháp luật đưa lại cho họ những khả năng rộng rãi thực hiện bất kỳ một thứ giao dịch nào, ngoài những điều pháp luật cấm. Việc sử dụng các quyền đối với họ không phải là một nghĩa vụ công dân trong khi đối với cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước được trao những quyền hạn đầy đủ, nhưng việc một nghĩa vụ phải được thi hành một cách nghiêm túc trong khi các chủ thể này thực thi các chức năng của mình để đạt được nhiệm vụ, trách nhiệm đặt ra trước họ. Quan hệ giữa các công dân, hiệp hội của họ được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, tự do, phối hợp. Mỗi liên hệ, quan hệ của họ dựa trên sự thỏa thuận, các giao dịch còn viên chức nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước được gắn kết lại bởi quan hệ theo ngành dọc, trên dưới, mỗi chủ thể phải phục tùng cấp trên của mình. Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm còn công chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép trở thành nguyên tắc của việc xây dựng NNPD và là cũng là nguyên tắc pháp lý quan trọng của XHCD. Chính vì vậy, hình thành nên hai tư cách, địa vị chính trị - pháp lý hoàn toàn khác nhau, đưa lại những khả năng cụ thể và cả những hạn chế của mỗi

chủ thể để trên thực tế họ hành xử khác nhau, độc lập với nhau. Nhưng thực sự thì họ phải biết dựa vào nhau để thực hiện, hoàn thành chức năng, sứ mệnh của mình một cách độc lập trong sự phối hợp, biết dựa chặt vào nhau. Điều đó cũng quyết định sự ràng buộc giữa NN PQ và XHCD. Mối quan hệ này quyết định chất lượng và khả năng liên kết giữa một bên là những công chức nhà nước – người thừa hành pháp luật phục vụ nhân dân, xã hội và bên kia là những công dân – chủ thể của XHCD và là nền tảng của NN PQ.

Sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc tất yếu sẽ có những giai đoạn khác nhau, phương thức khác nhau, những hướng đột phá khác nhau, tùy theo những điều kiện lịch sử cụ thể. Nhưng sự phát triển nhanh, hài hòa, cân đối, bền vững là mục tiêu của mọi chương trình nghị sự. Để đạt được sự phát triển như vậy, cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa ba lĩnh vực cơ bản là KTTT, NN PQ và XHCD. Nói cách khác, phải tạo điều kiện cho các chủ thể chính trị có đủ năng lực tổ chức, vận hành, giải quyết những xung đột, thiết lập lại trạng thái cân bằng tối ưu cho sự phát triển.

3.2. Vài nét về các tổ chức XHCD ở Việt Nam

XHCD là lĩnh vực hoạt động tập thể tự nguyện nhằm chia sẻ với nhau về mặt lợi ích, giá trị, thông tin... đồng thời, thông qua các tổ chức này nhằm củng cố, bảo vệ và phát triển lợi ích của cộng đồng. Cùng với sự phát triển của NN PQ và nền KTTT, XHCD đang phát triển mạnh mẽ và ngày càng có vai trò, ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội.

3.2.1. Sự hình thành các tổ chức XHCD ở Việt Nam

Ở Việt Nam, *khái niệm XHCD vẫn là một khái niệm mới*, được du nhập vào Việt Nam cùng với các khái niệm tự do, bình đẳng ... đầu thế kỉ 20 và được quan tâm đặc biệt trong vài năm trở lại đây trong quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên tư tưởng về XHCD, về vai trò của người dân trong xây dựng và củng cố nhà nước đã xuất hiện từ rất sớm, thể hiện trong nhiều câu nói

bất hủ của người xưa như “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, “Thả sức cho dân”, “Nước lấy dân làm gốc” hay “Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”, “Vận nước thịnh hay suy, mất hay còn là do sức mạnh của dân quyết định”.

Trong tiếng Việt, XHCD có thể được định nghĩa như lĩnh vực công, đó là những công việc ngoài gia đình và cá nhân vốn được gọi là lĩnh vực tư. Ở Việt Nam, có một mối quan hệ rất đặc biệt giữa nước và làng. Trong mối quan hệ đó, ở một mức độ nhất định, nhà nước không thể thâm nhập vào công việc của làng. Làng ở Việt Nam có một độ tự trị tương đối cao và độc lập với nhà nước và các hoạt động trong phạm vi mỗi làng khá dân chủ. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, làng truyền thống của Việt Nam, xét về tính chất cộng đồng, có thể coi gần như một kiểu tổ chức của XHCD.

Ở thành thị, các phường, hội tồn tại từ năm 1010, các thành viên trong phường cam kết giúp đỡ nhau trong sản xuất hàng hóa, trợ giúp kĩ thuật hay vốn sản xuất... Họ cũng cam kết giữ những bí quyết làm ăn và giữ một mức giá cả chung thoả thuận.

Trong thời kì thực dân Pháp đô hộ, một số yếu tố của một XHCD đã xuất hiện mà biểu hiện của nó là sự ra đời của hàng loạt các tổ chức tự quản, tự trị. Tổ chức tiêu biểu nhất là phong trào Cải cách (Duy Tân) do Phan Bội Châu khởi xướng. Phan Chu Trinh, một nhà cải cách khác cũng thành lập diễn đàn chống lại những phong tục lỗi thời và khuyến khích các hoạt động từ thiện... Thành viên của phong trào cải cách này bao gồm các trí thức hay các nhà hoạt động xã hội và chủ yếu ở khu vực thành thị. Nguồn tài chính chủ yếu là từ sự đóng góp của các thành viên và các gia đình giàu có, những người không muốn chấp nhận chính quyền thực dân. Nhưng đây chỉ là các phong trào tự phát của công dân, bất hợp pháp và hoạt động bí mật. Mặc dù các phong trào này đã phản ánh nguyện vọng của người dân muốn có tiếng nói riêng trong những vấn đề chính trị - xã hội nhưng đó vẫn chưa phải là XHCD.

Sau khi giành độc lập, Việt Nam xây dựng một chế độ chính trị do người dân lao động làm chủ. Độc lập dân tộc có thể coi như tiền đề xuất hiện XHCD ở Việt Nam.

Hồ Chủ tịch cũng đã từng nói: “Nhà nước của ta là Nhà nước của dân”, “Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân”, “Vận mệnh quốc gia trong tay nhân dân”. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật của Nhà nước viết “Đảng lãnh đạo Nhà nước và lãnh đạo xã hội”, “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”... Nhân dân được hiểu ở đây bao gồm tất cả các tổ chức quần chúng và mọi người dân, các tổ chức chính trị-xã hội, kinh tế, nghề nghiệp... nhưng không thể hiện theo cách trực tiếp là những chủ thể “phi nhà nước” mà gắn bó chặt chẽ với Đảng và nhà nước.

Quá trình hình thành Nhà nước cộng hoà XHCN Việt Nam gắn liền với quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân khỏi ách thực dân, phong kiến. Mặt trận Tổ quốc và các ĐTNĐ được ra đời từ sự hiệu triệu, tổ chức của Đảng và chịu sự lãnh đạo của Đảng, được sự hỗ trợ to lớn của Nhà nước; tổ chức và hoạt động của chúng gắn chặt với tổ chức của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình đó, sự hình thành các tổ chức ĐTNĐ mang rõ tính chất tập hợp lực lượng để chống đế quốc và phong kiến, lợi ích của các tầng lớp nhân dân gắn liền với quá trình đấu tranh chính trị và đặc điểm này vẫn còn duy trì cho đến ngày nay. Trong điều kiện mới, tuy vẫn giữ được chức năng chính trị, nhưng chức năng xã hội ngày càng mở rộng và phong phú. Điều đó cho thấy, thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua đã chứng minh rằng, sự tồn tại của XHCD là một hiện thực khách quan.

Tuy nhiên, trước năm 1986, các tổ chức XHCD chủ yếu bao gồm các tổ chức quần chúng, thường được gọi là các tổ chức chính trị – xã hội. Đây là những tổ chức được thành lập ra vào những năm 1930, gắn bó mật thiết với Đảng và hoạt động dưới ngọn cờ Mặt trận Tổ quốc. Đầu những năm 1980, có 3 Hiệp hội

nghe nghiệp đã được thành lập để thúc đẩy sự giao lưu giữa các cá nhân quan tâm tới các lĩnh vực khoa học, văn hoá và đoàn kết, đó là Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA); Liên hiệp Văn học và nghệ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hiệp hội Hoà bình, Hữu nghị và đoàn kết Việt Nam. Đến đầu những năm 1990, việc mở cửa cho các thành phần kinh tế đã tạo điều kiện cho các tổ chức công dân phát triển và khôi phục, mở rộng các tập quán liên quan đến sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh các tổ chức chính trị – xã hội xuất hiện các Hiệp hội nghề nghiệp xã hội ở Trung ương và địa phương, các Hiệp hội nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật, các nhóm không chính thức mà sau này bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Các Hiệp hội nghề nghiệp – xã hội hoạt động trên quy mô quốc gia thường gắn với các Liên hiệp, vào những năm 1995, có khoảng 143 Hiệp hội quốc gia được xác định là chuyên ngành trong các lĩnh vực xã hội, chuyên môn và kỹ thuật. Một trong những tổ chức lâu đời nhất là Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ VAC thuộc VUSTA. Năm 2001, các Hiệp hội hoạt động ở cấp độ quốc gia là 240, năm 2005 con số này đã tăng lên 320 Hiệp hội quốc gia.

Dưới tên gọi các tổ chức Khoa học và Kỹ thuật phi lợi nhuận, nhiều tổ chức kiểu mới đã xuất hiện trong những năm 1990, thường được gọi là các tổ chức xã hội, các tổ chức theo vấn đề, các tổ chức NGO địa phương và gần đây gọi là các tổ chức NGO Việt Nam. Đa số được thành lập giữa năm 1992 đến 2000 và hầu hết các tổ chức này thuộc một nhóm các tổ chức theo khuynh hướng phát triển. Một số Trung tâm có mục đích tương tự đã được thành lập trong cùng một khuôn khổ pháp lý, các tổ chức này thường nhỏ hơn và ít phức tạp hơn các Hiệp hội. Các Trung tâm địa phương có thể được thành lập tại địa phương với sự chấp thuận của chính quyền cấp tỉnh, người đứng ra thành lập Trung tâm thường công tác tại một trường đại học, viện nghiên cứu quốc gia hoặc Hiệp hội địa phương hoặc một số cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu.

Vào giữa thập kỷ 90, các nhóm không chính thức cũng bắt đầu xuất hiện. Các nhóm này được chính quyền địa phương biết đến, chấp nhận và thông thường được một tổ chức chính thức bảo trợ như Hội chữ thập đỏ và bao gồm các nhóm như nhóm người cao tuổi, văn hoá, giáo dục, nhóm giúp đỡ trẻ em đường phố hoặc trẻ em tật nguyền... Tại nông thôn người ta cũng kể đến các nhóm quyền lợi như nhóm tín dụng dựa vào tín dụng không chính thức, nhóm thân hữu... Các nhóm không chính thức cũng hoạt động tự quản, có hội viên và tự bảo đảm tài chính.

Các mối quan hệ quốc tế đã tăng lên đáng kể từ sau 1990. Các tổ chức ĐTND có các mối quan hệ truyền thống và tích cực với các tổ chức quốc tế ở cấp độ toàn cầu. Các NGO Việt Nam, đặc biệt là các tổ chức định hướng phát triển, có các mối liên hệ tốt với các cơ quan tài trợ và các NGO quốc tế từ các nước khác nhau”⁷⁹

Không gian hoạt động dành cho XHCD khá hạn hẹp, nhưng không gian này đã được nới rộng từ những năm 1990, mặc dù hệ thống chính trị nước ta vẫn không có thay đổi nhiều. Chính điều này cho thấy một đặc điểm quan trọng ở Việt Nam là không gian hoạt động dành cho XHCD một phần quan trọng phụ thuộc vào các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các tổ chức này và mặt khác là năng lực của chúng trong việc mở rộng ranh giới hoạt động bên trong cũng như ngoài phạm vi của Nhà nước.

Trong vài năm trở lại đây, tình hình đã có nhiều thay đổi theo hướng tạo một cơ cấu mà trong đó Đảng dần đóng vai trò hoạch định chính sách, và chính quyền có trách nhiệm thực thi chính sách. Không gian hoạt động lớn hơn dành cho các tổ chức XHCD cũng đang phát triển do có chính sách khuyến khích “nhân dân gây quỹ” và “các cơ sở tư nhân” tham gia vào các dịch vụ xã hội cơ bản, dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, khuyến khích tham gia vào các

⁷⁹ Viện những vấn đề phát triển (2006), *Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu Hà Nội, tr 43.

vấn đề xã hội mà Nhà nước còn hạn chế... Điều này cũng đồng nghĩa với việc vai trò của các tổ chức XHCD đã được công nhận là quan trọng hơn trước

Vai trò của các tổ chức XHCD trong đời sống xã hội hiện nay là rất lớn. Vai trò đó không chỉ được thể hiện trong việc bảo đảm quyền dân chủ của người dân, mà còn góp phần củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị, cùng nhà nước giải quyết những nhiệm vụ thường xuyên về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Trong lịch sử cũng như hiện tại và cả tương lai, nhà nước ta cũng như bất kỳ nhà nước nào khác, có những vấn đề mà tự bản thân không giải quyết được, hoặc giải quyết kém hiệu quả và cũng có những vấn đề vượt ra ngoài khuôn khổ mối quan hệ chính trị – pháp lý giữa các công dân và nhà nước mà từng cá nhân cũng không giải quyết được. Để giải quyết những vấn đề như vậy, để xã hội phát triển lành mạnh và hài hoà, nhà nước dựa vào các cộng đồng công dân, tổ chức XHCD mà ở nước ta các ĐTND là một phần quan trọng. Chính thông qua các ĐTND mà các cá nhân hiện thực hoá các mục đích cá nhân và nhân cách, đồng thời, các ĐTND cùng với nhà nước làm cân bằng các quan hệ giữa nhà nước và công dân, tạo nên sự phát triển ổn định và hài hoà của xã hội. Trong quá trình đó, các phương thức, nguyên tắc hoạt động tối ưu của xã hội được hình thành và xác lập, tạo thành những thể chế của nền dân chủ.

Hiện nay, các tổ chức XHCD ở nước ta đang cố gắng hành động vì quyền lợi của cộng đồng, trên cơ sở tuân theo pháp luật, theo quy luật của thị trường, thúc đẩy các khía cạnh đạo đức, tính nhân văn, tính cộng đồng trong các hoạt động vì mục đích chung của mình. Với ý nghĩa như vậy, XHCD tại Việt Nam đang dần định hình một cách rõ nét hơn, cùng Nhà nước và thị trường xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3.2.2. Cấu trúc và một số đặc điểm của XHCD Việt Nam

Về mặt cấu trúc, XHCD Việt Nam hiện bao gồm các tổ chức sau:

- i) MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thuộc hệ thống chính trị;
- ii) Các tổ chức xã hội – nghề nghiệp;
- iii) Các hiệp hội kinh tế;
- iv) Các hợp tác xã;
- v) Các tổ chức của các giới;
- vi) Các nhóm, các tổ chức lợi ích, từ thiện, nhân đạo, hữu nghị;
- vii) Các tổ chức phi chính phủ.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nòng cốt của XHCD Việt Nam. Thành phần quan trọng của XHCD Việt Nam là các tổ chức XHCD như tổ chức quần chúng, hiệp hội nghề nghiệp, hiệp hội trong dân chúng, trong làng xóm, mang tính chất liên kết cộng đồng. Ở Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc là tổ chức XHCD lớn nhất, tham gia vào hệ thống chính trị và có ảnh hưởng to lớn trong đời sống chính trị-xã hội của đất nước, bao gồm các tổ chức thành viên: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt. Bên cạnh đó còn có những hội nghề nghiệp như Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp văn học và nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hiệp hội Hoà bình, hữu nghị và đoàn kết Việt Nam, Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam; Các tổ chức tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các nhóm cộng đồng cùng các tổ chức XHCD khác.

Ở Việt Nam, hầu hết các tổ chức XHCD là thành viên của một liên hiệp hoặc cơ quan bảo trợ nào đó. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc có mạng lưới rộng khắp các thành viên từ trung ương đến địa phương. Các tổ chức này có mối quan hệ chặt chẽ với Đảng và Nhà nước. Các hội nghề nghiệp và các hội đoàn khác có sự quan hệ với Nhà nước ít chặt chẽ hơn và thường không mặc nhiên có sự bảo trợ mà thường là xin bảo trợ hoặc do

các hội viên tự đóng góp. Khi bảo trợ, các cơ quan bảo trợ đều có những mục tiêu đặt ra cho hoạt động của các tổ chức XHCD và đa số đều đạt được những mục tiêu đề ra, điều này đúng với hầu hết các tổ chức XHCD, nhất là các tổ chức quần chúng và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

Việc củng cố và tăng cường Mặt trận Tổ quốc là một phần của sự định hướng lại về chính sách của Chính phủ. Trong quá trình này, một không gian rộng lớn cho các tổ chức XHCD đang phát triển do có chính sách chuyển giao những dịch vụ xã hội cơ bản cho “những cơ sở tư nhân và dân tài trợ”.

Trong số các tổ chức XHCD ở Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội của Việt Nam có địa vị chính trị - pháp lý đặc biệt. Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta được Đảng Cộng sản tổ chức ra trong thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc. Các tổ chức đó gắn bó với Đảng, là cơ sở chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, sau khi hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền, các tổ chức này chịu sự lãnh đạo của Đảng, được sự hỗ trợ to lớn của nhà nước, tổ chức hoạt động của chúng gắn chặt với tổ chức và hoạt động của Đảng và nhà nước.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta không đơn thuần là các phong trào tự nguyện, tập hợp một nhóm dân cư nhất định mà là tổ chức rộng khắp theo các cấp từ hành chính trung ương đến cơ sở. Đội ngũ cán bộ chuyên trách của các tổ chức chính trị - xã hội được hưởng lương ngân sách, được xếp vào ngạch công chức của nhà nước.

Trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội là cơ sở chính trị của đảng phái, của nhà nước, là cầu nối chặt chẽ giữa nhân dân với chính quyền. Khi Đảng chưa giành được chính quyền thì Mặt trận là liên minh chính trị của công nông với các lực lượng dân tộc tiến bộ, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, vận động, đoàn kết nhân dân đấu tranh chống thực dân và phong kiến giành chính quyền về tay nhân dân. Sau khi giành được chính

quyền, Mặt trận cùng với Đảng, Nhà nước đều là công cụ thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Mặt trận Tổ quốc là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh.

Mật độ thành viên của các tổ chức XHCD ở Việt Nam là rất cao, trung bình mỗi người là thành viên của 2,33 tổ chức, cao hơn nhiều so với những nước trong khu vực: Trung Quốc 0,39; Singapore là 0,86. Theo Khảo sát này, tỷ lệ những người thuộc ít nhất một tổ chức là 73,5. Mặc dù mức độ tham gia của người dân vào các tổ chức XHCD ở Việt Nam là khá cao nhưng chất lượng còn nhiều hạn chế (bị động, tính tích cực chưa cao, mang nhiều tính hình thức). Trong khi thành viên của các tổ chức ĐTND thường được kết nạp một cách “tự động”, mà chưa phải tự nguyện, đặc biệt trong khu vực Nhà nước.

Các tổ chức XHCD cũng đã mở rộng nhiều trong những thập kỷ 90 và được đa dạng hóa theo loại hình tổ chức và hoạt động: các tổ chức ĐTND có thành phần thành viên rất rộng thuộc tất cả các loại nhóm xã hội; các hội nghề nghiệp thường ở thành phố trong khi đó hầu hết các trường hợp, lượng thành viên của các NGO địa phương đều rất nhỏ nhưng họ hoạt động có định hướng hơn. Các nhóm không chính thức và các tổ chức cơ sở cộng đồng bao gồm những nhóm xã hội khác nhau là thành viên, tùy theo mục đích riêng biệt, chủ yếu được thành lập ở nông thôn.

Các NGO Việt phát triển còn nhiều khó khăn vì nhiều lý do trong đó có lý do môi trường thể chế chính trị. Hơn nữa, hầu hết các NGO Việt Nam thường được lãnh đạo bởi các viên chức nhà nước đã về hưu và các nhà khoa học, nhà giáo dục. Mạng lưới phát triển chưa mạnh vì thiếu kinh nghiệm và môi trường hoạt động thuận lợi. Có thể thấy các NGO Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển từ các tổ chức dựa trên sự lãnh đạo sang dựa trên thành viên và vẫn còn một số tổ chức không muốn thay đổi. Họ khá phụ thuộc vào sự hỗ trợ

từ các nguồn quốc tế, đặc biệt về các vấn đề phát triển và họ thường làm tư vấn cho các dự án của Chính phủ và các nhà tài trợ. Các cơ chế hỗ trợ vẫn chưa đầy đủ vì XHCD vẫn còn mới mẻ và đang hình thành ở nước ta khi mà nguồn nhân lực và tài lực đang được cải thiện.

Sự phối hợp hoạt động của các tổ chức XHCD chưa tốt. Việc chia sẻ thông tin giữa các tổ chức không thuộc về văn hoá truyền thống ở Việt Nam vì tiếp cận thông tin là chìa khoá của quyền lực. Mặc dù các tổ chức đó bước đầu tìm kiếm các phương thức phối hợp hoạt động và chia sẻ thông tin như thông qua bản tin nội bộ, các buổi giao ban và các hội thảo chuyên đề, Internet, xuất bản tạp chí, báo, nhưng thông tin hàng ngày giữa các tổ chức là không nhiều; các tổ chức khoa học quan tâm nhiều hơn đến các cuộc họp, hội nghị và chia sẻ thông tin qua các mạng của họ. Nhìn chung, thông tin giữa các thành viên XHCD diễn ra phân tán, khiêm tốn và không có tổ chức. Các tổ chức ĐTND có xu hướng hợp tác với nhau trong những chủ đề nhất định thuộc mối quan tâm chung và thường có sự hợp tác với cơ quan Chính phủ.

Các nguồn lực cho hoạt động của các tổ chức XHCD: Các nguồn lực thể hiện mức độ nguồn lực sẵn có để có thể đạt được những mục tiêu của các tổ chức XHCD, bao gồm các nguồn lực về tài chính, nguồn nhân lực và nguồn lực cơ sở vật chất kỹ thuật. Ở Việt Nam, nguồn lực tài chính của các tổ chức XHCD phần lớn từ phía Nhà nước, sau đó là các tổ chức nước ngoài và tư nhân. Các nguồn lực này nhằm thực hiện những mục tiêu mang tính cộng đồng như xoá đói giảm nghèo, một số vấn đề liên quan đến dân sinh như nước sạch, môi trường, phát triển kinh tế nông thôn... Các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức quần chúng nhận hỗ trợ từ Nhà nước cho những công trình công ích cơ bản của cơ quan Trung ương và ở cấp dưới tại tỉnh, huyện, xã. Hầu hết các tổ chức ĐTND ở cấp Trung ương đều có các mối quan hệ với Đảng, và ở các cấp thấp hơn thì có quan hệ ít nhất với một cơ quan chủ quản (thông thường là Bộ, chính quyền địa phương).

Các cơ quan này cung cấp sự hỗ trợ một cách chính thức và chủ yếu về thể chế cho các tổ chức này. Các nhóm không chính thức, NGO, tổ chức cơ sở cộng đồng cơ chế hỗ trợ còn yếu. Nhiều hoạt động dựa trên thu nhập từ lệ phí hội viên, trong đó các câu lạc bộ ở cấp cơ sở hoàn toàn dựa vào lệ phí hội viên hoặc được tài trợ hỗ trợ Nguồn tài trợ nước ngoài cũng rất quan trọng theo nhiều cấp độ. Ví dụ Hội Liên hiệp phụ nữ đã nhận được nhiều nguồn tài trợ từ nước ngoài vì hơn một thập kỷ qua đã có một nhóm đối tác thân thiết cho các dự án ở các vùng nông thôn. Nhưng tổ chức thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ nước ngoài nhất hiện nay lại thuộc về các NGO. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các tổ chức XHCD, ngay cả thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các NGO trong nước, đều nói rằng họ gặp nhiều khó khăn về tài chính để hoạt động. Nhìn chung, cơ chế hỗ trợ bị phân thành nhiều bộ phận và hoạt động một cách biệt lập với nhau, hơn nữa một số cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức quần chúng và các hội nghề nghiệp còn nặng tính hình thức với nhiều cấp độ trong cơ chế tổ chức truyền thống và không khuyến khích được sự tăng cường phối hợp. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nguồn lực tài chính cho các tổ chức XHCD có nhưng chưa đầy đủ và có sự khác nhau lớn giữa các tổ chức.

Nguồn nhân lực của các tổ chức thường rất đa dạng, tùy thuộc vào tính chất của tổ chức đó. Đội ngũ các nhà hoạt động của các tổ chức ngày càng chuyên nghiệp cùng với số lượng dự án ngày càng tăng lên, nhưng vẫn còn nhiều khúc mắc phải vượt qua. Ở những tổ chức quần chúng, hội nghề nghiệp hay các tổ chức thành viên của Mặt trận, trình độ học vấn của các thành viên thường rất cao, phần lớn là trình độ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ. Các tổ chức còn lại thành phần thường ở trình độ học vấn thấp hơn⁸⁰. Nhìn tổng thể, nguồn nhân lực là

⁸⁰ Trong số 322 tổ chức công dân được khảo sát tại Thành phố Hồ Chí Minh về trình độ học vấn của các nhà quản lý các đơn vị dịch vụ ngoài quốc doanh và dịch vụ công ích cho thấy rằng các Hội nghề nghiệp và các Hội nghề nghiệp xã hội ngoài quốc doanh có tỷ lệ cao nhất về các nhà quản lý có trình độ học vấn cao với bằng tiến sỹ là 22% hoặc thạc sỹ là 24%. “Trong khi đó các cơ quan Nhà nước và các tổ chức ĐTNĐ chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ hơn

chưa đầy đủ để các tổ chức XHCD đạt được các mục tiêu đề ra, nhất là các tổ chức ĐTND.

Đánh giá chung về XHCD ở Việt Nam, chúng ta nhận thấy rằng, XHCD Việt Nam có cấu trúc xã hội rộng nhưng không sâu, môi trường pháp lý để XHCD phát triển đã được xác lập nhưng những yếu tố kích lệ, phát huy sự tham gia của XHCD đến xã hội còn yếu, tuy nhiên những giá trị mà XHCD mang lại là rất lớn, như vận động chính sách cho người nghèo, tham gia vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế cho người dân, bảo vệ môi trường, giám sát xã hội, ...

Có thể khẳng định rằng ở Việt Nam, XHCD không hề đối lập với Nhà nước mà nhà nước và XHCD có quan hệ rất chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau và sự phân biệt ranh giới giữa chúng không hề đơn giản. Điều này hoàn phù hợp với qui luật, bởi lẽ mỗi quốc gia khác nhau có đặc điểm và hoàn cảnh lịch sử cụ thể không giống nhau. Cũng chính vì vậy có đối lập với nhà nước hay không không phải là tiêu chí quan trọng để xác định XHCD ở nước ta. Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, để nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước, XHCD sẽ đóng vai trò cùng nhà nước giải quyết những vấn đề chung của xã hội, tham gia vào hoạch định và thực hiện chính sách phát triển đất nước, giám sát việc thực hiện và thực hiện phản biện xã hội.

3.3. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay

Ngày nay XHCD trở thành một giá trị của văn minh chính trị nhân loại. XHCD trở thành chuẩn mực để đánh giá tính chất, trình độ dân chủ của các quốc gia dân tộc. XHCD cũng là tiêu chí để đánh giá sự hoàn thiện của chế độ chính trị, phương thức tổ chức và thực thi quyền lực của các quốc gia dân tộc. Hơn nữa

hiều: tiến sỹ là 3%, thạc sỹ là 1%. Tuy nhiên các tổ chức Nhà nước có tỷ trọng lớn đội ngũ nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng là 71%; các ĐTND là 29% và các dạng khác là 52%”

nó cũng là phương thức rất quan trọng để cho người dân tham gia vào quá trình giám sát công việc của nhà nước và xã hội, công cụ để người dân thỏa mãn những nhu cầu và lợi ích thiết thực của mình.

Yêu cầu phát triển XHCD ở nước ta rất lớn. Yêu cầu đó thể hiện ở sự tăng lên nhanh chóng các hiệp hội được đăng kí và không đăng ký, các viện nghiên cứu độc lập, thể hiện ở sự xuất hiện ngày càng nhiều công trình khoa học nghiên cứu về XHCD, thể hiện ở sự ghi nhận và bước đầu đã hình thành một chủ trương lớn của Đảng⁸¹.

Theo chúng tôi, tính tất yếu khách quan của việc xây dựng XHCD ở nước ta dựa trên các căn cứ chính yếu sau:

Thứ nhất, xuất phát từ đòi hỏi của quá trình phát triển đất nước. XHCD được xem như động lực cho sự phát triển đất nước. Phát triển tạo ra tri thức và cả nguồn lực kinh tế cho XHCD phát triển. Biểu hiện đầu tiên của phát triển bền vững là trình độ học vấn của người dân được nâng lên. Trong một xã hội học tập với những người dân có trình độ học vấn cao chắc chắn người dân sẽ có hiểu biết đầy đủ về các quá trình chính trị, nhận thức đầy đủ các quyền, lợi ích cũng như cách thức để đạt được những mục tiêu chính trị của mình. Khi công dân có *ý thức chính trị cao, trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm xã hội* thì chắc chắn sẽ có XHCD và cũng chính là cơ sở để dân chủ và phát triển được hiện thực hóa. Quá trình đổi mới của đất nước ta đã mang đến cơ hội và khơi dậy tiềm năng phát triển của mọi tầng lớp trong xã hội. Người dân được đặt vào vị trí trung tâm và là chủ thể của sự phát triển. Chính vì XHCD có một khả năng to lớn là huy động mọi tầng lớp, mọi cá nhân công dân thông qua vô vàn các hoạt động, hình thức phong phú góp phần vào sự phát triển đất nước cho nên đòi hỏi của sự phát triển

⁸¹ “Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia vào các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện- nhân đạo... sớm ban hành luật về hội (Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 130-131).

đất nước đang đặt ra yêu cầu chúng ta phải nhận thức cho đúng vai trò, ý nghĩa của XHCD để chủ động xây dựng, duy trì và phát triển đúng hướng XHCD.

Thứ hai, tính tất yếu khách quan của việc xây dựng XHCD ở nước ta còn xuất phát từ tiến trình dân chủ hóa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. XHCD là xã hội dân chủ. Trong XHCD, con người - công dân là trung tâm. Mọi định chế, thể chế xã hội, nhà nước đều tôn trọng, bảo vệ và đều hướng đến phục vụ con người - công dân đó. XHCD là *phương thức tổ chức xã hội* có ảnh hưởng quyết định đến quá trình thực hiện dân chủ, thể chế hóa những giá trị của dân chủ. XHCD chính là một thước đo quan trọng quyền làm chủ của người dân trong xã hội văn minh. Ngược lại, trình độ dân chủ hoá trong một xã hội lại chính là tiền đề quyết định của sự phát triển bền vững xã hội. XHCD, dân chủ và phát triển bền vững vì thế, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, là tiền đề và điều kiện cho nhau tồn tại và ngày càng được củng cố.

Trong mọi thời kì phát triển, nhu cầu về quyền tự do dân chủ vẫn là những nhu cầu thường trực và bức thiết mà quần chúng nhân dân hướng tới. Sự tham gia của người dân vào các hoạt động chính trị, xã hội được coi như một giá trị dân chủ và như một cơ hội cho sự phát triển tự thân và đầy đủ của mỗi cá nhân. Quá trình tham gia vào XHCD có thể giúp tạo ra và nâng cao ý thức cộng đồng. Với ý thức cộng đồng, các cá nhân tin rằng mình tham gia một cách có ý nghĩa vào các quyết định có ảnh hưởng đến bản thân mình và cảm thấy trách nhiệm của mình đối với những người xung quanh.

Trong XHCD, những giá trị chung và mối quan tâm chung là cơ sở để đạt được những thoả thuận xã hội khác nhau, bất chấp những khác biệt và khó khăn. Người công dân không chỉ hành động như những cá nhân tự trị theo đuổi lợi ích riêng của mình, mà thông qua một tiến trình quyết định, tranh luận và thỏa hiệp, cuối cùng họ sẽ gắn những mối quan tâm của mình với các nhu cầu của cộng đồng. Những thành viên của XHCD cuối cùng sẽ hướng tới sự đồng thuận xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng nền dân chủ XHCN dựa trên nền tảng của KTTT XHCN. Nền dân chủ đó khác về chất so với nền dân chủ tư sản. Người dân thực sự trở thành người chủ của xã hội – XHCD. Từ yêu cầu dân chủ hóa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đặt ra yêu cầu xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay. NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân tạo ra hành lang pháp lý để hiện thực hóa dân chủ, đề cao các giá trị dân chủ, quyền con người, quyền công dân. Hệ thống chính trị là công cụ để hiện thực hóa dân chủ. XHCD góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa vì mục đích của XHCD cũng là hướng đến các giá trị dân chủ.

Thứ ba, xuất phát từ quá trình xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Nền kinh tế ở nước ta là nền KTTT định hướng XHCN. Bên cạnh sự hoạt động tuân theo các quy luật của thị trường, nền kinh tế đó còn hướng đến việc thỏa mãn những yêu cầu về bảo đảm công bằng xã hội. Mục đích của nền KTTT XHCN ở nước ta là phát huy tiềm năng và năng lực tối đa của các thành phần kinh tế phục vụ cho sự phát triển đất nước. Để làm được điều đó đạt hiệu quả cao nhất thì bản thân nhà nước làm là chưa đủ, cần sự hỗ trợ rất hữu hiệu của các hiệp hội, các nhóm, tập hợp các ngành nghề. Thị trường và XHCD chia sẻ gánh nặng với nhà nước. Nhà nước đóng vai trò người quản lý, tạo lập hành lang pháp lý, thể chế, luật chơi còn để thị trường và XHCD tự do hoạt động. Các thành viên xã hội được tự do kinh doanh, thu lợi nhuận, thỏa mãn các nhu cầu cần thiết mà không cần sự can thiệp quá sâu của nhà nước. Nhà nước hiện đại đóng vai trò người cung ứng dịch vụ công – nhà nước phục vụ.

Nền KTTT cũng có những giới hạn và thất bại nhất định và đặt ra những vấn đề đòi hỏi xã hội phải giải quyết. Trong khi đó giải quyết tốt những vấn đề này trong đời sống xã hội sẽ là lý do tồn tại của XHCD. Sự thành công trong hoạt động của XHCD sẽ làm giảm bớt những căng thẳng của xã hội, điều hòa những xung đột lợi ích mà nhiều khi do thất bại của nhà nước và thị trường gây ra⁸².

⁸² Chính trị học – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, trang 281, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007.

Nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta thừa nhận sự tồn tại của nhiều loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế được bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh và được nhà nước bảo vệ. Thông qua các thành tố của XHCD là các hiệp hội, liên hiệp, hội và các đoàn thể nhân dân, các doanh nghiệp phát huy tiềm năng làm ăn đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Mối quan hệ giữa KTTT và XHCD là mối quan hệ hữu cơ với nhau, bổ sung cho nhau. KTTT cung cấp tiền đề vật chất cho sự tồn tại của các công dân – chủ thể của XHCD. Ngược lại, XHCD lại tạo ra khả năng rất lớn đoàn kết tập hợp các cá nhân một cách tự giác trong việc phát triển kinh tế, tạo lập thị trường. Chính vì vậy, để xây dựng và phát triển nền KTTT một cách minh bạch ở nước ta thì rất cần tạo ra môi trường kinh tế lành mạnh đó chính là XHCD.

Thứ tư, xuất phát từ quá trình xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay. NNPQ, XHCD và dân chủ có mối quan hệ biện chứng với nhau. NNPQ, XHCD là những yếu tố quyết định nền dân chủ, thước đo sự phát của nền dân chủ. Mục đích của NNPQ và XHCD chính là khẳng định vị thế chủ thể của người dân. NNPQ, XHCD là cách thức để hiện thực hóa dân chủ. Dân chủ lại quy định lại bản chất của NNPQ và XHCD. Ý nghĩa to lớn của tư tưởng NNPQ là ở việc tạo ra một hệ thống các quan hệ nhà nước - pháp luật bảo đảm sự thống trị của pháp luật trong tất cả các lĩnh vực quan hệ xã hội, bảo đảm sự bình đẳng của cá nhân và nhà nước, bảo đảm sự kiểm tra thường xuyên của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, bảo đảm thực hiện các cơ chế trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với xã hội.

Lịch sử phát triển nhà nước và thực tiễn đã cho thấy NNPQ xuất hiện với hai điều kiện:

Một là, nhu cầu dân chủ. NNPQ xuất hiện trước hết ở nơi nào, lúc nào nhân dân được xác định là *chủ thể quyền lực nhà nước*. Nhu cầu phát triển dân

chủ đòi hỏi Nhà nước phải có phương thức quản lý hiệu quả nhằm đảm bảo quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

Hai là, phương thức quản lý xã hội của Nhà nước có hiệu quả chỉ có thể bằng pháp luật. Pháp luật là đại lượng mang tính phổ biến, là tiêu chuẩn pháp lý để điều chỉnh hành vi của con người và phương tiện xác định sự ràng buộc giữa quyền và trách nhiệm từ hai phía nhà nước với công dân và công dân với nhà nước.

NNPQ là phương thức tổ chức quyền lực với cơ chế phân công quyền lực trong các thiết chế cấu thành nhà nước. Đó là một nước dân chủ, đảm bảo *tính tối cao của luật và sự phục tùng pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.* Nhà nước có nghĩa vụ thừa nhận và bảo đảm quyền tự do của con người, lợi ích, danh dự và nhân phẩm cá nhân. Nhà nước xác định rõ trách nhiệm giữa nhà nước và công dân trên cơ sở hiến pháp và pháp luật, đồng thời cũng chỉ rõ nghĩa vụ, bổn phận của công dân đối với nhà nước.

Trong NNPQ, dân chủ và pháp luật gắn bó hữu cơ với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau và tạo nên đặc trưng của NNPQ trong lịch sử nhân loại. NNPQ là tổ chức chính trị của xã hội mà với sự trợ giúp của pháp luật, nhà nước sẽ tạo ra các điều kiện cho sự tồn tại và hoạt động của XHCD - một xã hội bao gồm hệ thống các thiết chế xã hội và các mối liên hệ xã hội của XHCD.

Theo C.Mác, mối quan hệ giữa nhà nước và XHCD còn là mối quan hệ *giữa quyền lực công cộng và tự do cá nhân.* Phép biện chứng giữa nhà nước và XHCD được hiểu là: không phải XHCD do nhà nước tạo lập và quy định, mà trái lại, *nhà nước do XHCD tạo lập và quy định.* Nếu nhà nước có những hình thức cai trị khác nhau của các giai cấp thống trị như dân chủ, chuyên chế, quân chủ thì đối với XHCD, xét ở cấp độ chính trị, hình thức dân chủ là hình thức tồn tại đặc trưng. XHCD càng phát triển thì càng có nhiều cơ sở cho hình thức dân chủ nhà nước. Và ngược lại, XHCD càng phát triển yếu ớt bao nhiêu thì sự tồn tại của các

chế độ chuyên quyền và độc đoán của quyền lực nhà nước càng dễ xảy ra bấy nhiêu.

Các nhà triết học và kinh tế học còn nhấn mạnh nguyên tắc của XHCD là *mỗi người tự do thực hiện những lợi ích kinh tế - xã hội của mình*. Nhà nước đã phát sinh từ XHCD và đã tự đặt mình lên trên xã hội đó. Do vậy, thiết lập NNPQ XHCN tức là *khắc phục sự nhà nước hóa toàn xã hội*, đưa nhà nước trở về với XHCD, chấm dứt tình trạng nhà nước đứng trên XHCD, "không phải nhân dân vì nhà nước, mà nhà nước vì nhân dân". Theo quan điểm của C. Mác, không phải nhà nước sinh ra XHCD, mà ngược lại, XHCD sinh ra nhà nước XHCD không phải là lĩnh vực chính trị nhưng mọi hoạt động của XHCD đều có ảnh hưởng đến nhà nước. Như vậy, khi xây dựng XHCD, một mặt phải thừa nhận vai trò độc lập khách quan của nó đối với nhà nước, mặt khác không phủ nhận những hình thức chính trị của nó⁸³.

XHCD là cơ sở xã hội của NNPQ và nó cũng tạo ra cơ sở để kiểm soát quyền lực nhà nước, là công cụ để nhân dân có thể tham gia công việc của nhà nước và xã hội. Thông qua XHCD, nhân dân có thể biết được những người được mình uỷ quyền có làm đúng với những gì mình mong muốn, tin tưởng giao phó hay không?

Quá trình xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay là đòi hỏi khách quan cho sự ra đời và phát triển bền vững của XHCD ở nước ta hiện nay. Nó sẽ tạo ra sự hoàn thiện trong phát triển đất nước. Bởi vì, KTTT, NNPQ, XHCD được xem như ba yếu tố của sự phát triển.

Thứ năm, xây dựng và vận hành XHCD ở nước ta hiện nay còn là đòi hỏi từ quá trình tham gia toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. XHCD là một xu hướng chính trị cơ bản trong xã hội hiện đại. Nó là giá trị văn minh nhân loại mà các

⁸³ Chính trị học – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, trang 277, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007

quốc gia đang hướng đến, tiếng nói chung để các quốc gia dân tộc tìm thấy sự đồng thuận. Hơn bao giờ hết, tự do dân chủ, NN PQ, XHCD ở trình độ ngày nay là những thành quả vô cùng quý báu của văn minh nhân loại, là xu thế tiến bộ đang nảy nở trong nhiều quốc gia trên thế giới⁸⁴.

Việt Nam chúng ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng và có hiệu quả vào cộng đồng nhân loại, vị thế Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Chúng ta chủ động hội nhập quốc tế trên tinh thần sẵn sàng tiếp thu những thành quả mà văn minh nhân loại mang lại. Chính điều đó đặt ra yêu cầu xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay. Nó sẽ tạo ra những khả năng rất lớn để chúng ta phát huy được nội lực và hội nhập thành công với quốc tế.

Thứ sáu, lý do cũng hết sức quan trọng quyết định đến yêu cầu phải xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay nằm ngay ở thực trạng tồn tại và hoạt động của các thành tố của XHCD ở nước ta hiện nay. Câu hỏi đã có XHCD ở nước ta hay chưa thì còn cần phải nghiên cứu để có câu trả lời thực sự xác đáng. Nhưng có thể khẳng định ngay rằng những tiền đề, thành tố cơ bản của XHCD thì đã có ở Việt Nam và nó đã khẳng định được vị trí, vai trò, chức năng trong quá trình phát triển đất nước. Nói đến XHCD ở nước ta phải nói đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hệ thống các tổ chức chính trị – xã hội có sức mạnh và sự đóng góp rất lớn trong tiến trình phát triển đất nước. Trong quá trình đổi mới đất nước, phát triển nền KTTT định hướng XHCN, xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta đã ghi nhận sự ra đời của hàng loạt các hiệp hội, hội, các hình thức hoạt động và biểu hiện rất phong phú của XHCD. Chính các hiệp hội, hội, tập hợp tự giác trong nhân dân đã chia sẻ gánh nặng với nhà nước, kịp thời đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thẳng thắn thừa nhận một thực tế rằng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội vẫn còn hoạt động theo một phương thức và cách thức chưa phải của XHCD. Sự độc lập chưa cao, nhiều

⁸⁴Nguyễn Trung, Thời cơ vàng, Bài 7: Nhanh lên! Đi với cả thế giới để giàu mạnh! www.vnn.vn ngày 30 tháng 5 năm 2006

lúc, nhiều nơi bị hành chính hóa, làm sai chức năng, hiệu quả còn thấp. Chính vì vậy, chưa trở thành kênh giám sát và phản biện xã hội đối với chính sách của nhà nước, quyền lực nhà nước. Đó là lý do rất căn cốt để dẫn tới cần phải xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay.

Nói tóm lại, có rất nhiều lý do và cơ sở thực tiễn cũng như lý luận giải thích cho sự ra đời của XHCD ở nước ta hiện nay. Theo chúng tôi, sự ra đời của XHCD ở Việt Nam hiện nay xuất phát từ đòi hỏi của nhu cầu hiện thực hóa dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, yêu cầu của công cuộc xây dựng nền KTTT định hướng XHCN, xây dựng NNPQ XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, xuất phát từ quá trình hội nhập quốc tế và từ chính thực trạng tổ chức và hoạt động của các yếu tố của XHCD ở nước ta hiện nay.

3.4. Một số giải pháp xây dựng xã hội công dân ở Việt Nam

Những bài học lịch sử cho thấy, muốn xây dựng một NNPQ phải bắt đầu từ XHCD, đó là con đường tuần tự mà lịch sử đã đi. Nhưng do tính đặc thù vốn có của mình, ở Việt Nam việc hình thành NNPQ diễn ra song hành với việc tạo lập XHCD.

Để thúc đẩy quá trình xây dựng và phát triển XHCD, chúng ta cần tiến hành một số biện pháp đồng bộ, có tính khả thi nhưng phải thận trọng, đặc biệt phải dựa trên những cơ sở khoa học, tránh tình trạng chủ quan duy ý chí.

3.4.1. Nâng cao nhận thức về XHCD

Con người trong xã hội không tồn tại một cách đơn lẻ mà tập hợp thành cộng đồng nhằm hiện thực hoá nhân cách, xã hội hoá cá nhân thông qua cộng đồng. Chính bản thân luật pháp, mục tiêu, kế hoạch của Nhà nước cũng được thực hiện và điều chỉnh thông qua các cộng đồng và chính các cộng đồng công dân làm cho quan hệ giữa Nhà nước và công dân được hài hoà, cân bằng. Vì vậy, một số học giả cho rằng ngay cả khi sự tan rã của nhà nước, sự sụp đổ của các nền kinh tế thì các cộng đồng XHCD vẫn tồn tại, là chỗ dựa của con người, nơi gìn

giữ những giá trị văn hoá, đạo đức, lối sống và cả tri thức, kỹ năng sản xuất và tổ chức đời sống. Và từ đó các thể chế chính trị, kinh tế lại hồi sinh.

Ngày nay, quan hệ giữa các cộng đồng công dân và nhà nước được xác lập dựa trên những cơ sở chính trị – pháp lý nhất định, trong đó các quyền và ý chí công dân cũng như các thể chế của nó được thừa nhận vào bảo đảm. Các tổ chức, cộng đồng công dân có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội, vị trí đó không chỉ là vấn đề nhận thức mà là vấn đề chính trị – pháp lý, ở nước ta một mảng lớn của XHCD đã được ghi nhận trong Hiến pháp. Mặc dù vậy, vấn đề XHCD ở nước ta chưa được nhận thức đầy đủ và thỏa đáng. Chúng ta chưa có một cách tiếp cận đầy đủ và toàn diện về các tổ chức, cộng đồng, thể chế công dân, vì thế chưa có được một chiến lược đủ tầm về XHCD, sự thực chúng ta mới chỉ vươn tới các tổ chức chính trị – xã hội, nhưng cũng chưa đầy đủ. Bởi vì, mặc dù là các tổ chức chính trị – xã hội được Đảng và Nhà nước thành lập, lãnh đạo nhưng trên thực tế rất nhiều chức năng, hoạt động của chúng là thuộc lĩnh vực của XHCD. Điều này không trái với qui luật bởi vì mỗi quốc gia, mỗi thời kỳ có hoàn cảnh lịch sử cụ thể không giống nhau. Vì vậy, chúng rất cần được tiếp cận dưới góc độ XHCD thì mới có được những nghiên cứu toàn diện và đầy đủ về chức năng và những tác động, ảnh hưởng của chúng.

Sự hiện diện của XHCD ở nước ta là một tất yếu. Do vậy, vấn đề là làm sao để phát huy tối đa những giá trị tích cực và đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực mà nó gây ra. Chính vì vậy, rất cần thiết phải có thay đổi có tính đột phá trong nhận thức của Đảng, Nhà nước và mỗi người dân về XHCD nói chung và các ĐTND nói riêng. Để có thể thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của XHCD ở nước ta hiện nay, trước hết cần nhận thức đúng về vai trò, vị trí của của các ĐTND, các hội, tổ chức phi chính phủ, các cộng đồng công dân... trong điều kiện phát triển nền KTTT định hướng XHCN, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng NN PQ XHCN. Đảng ta cần có cách nhìn nhận khách quan, toàn diện XHCD hiện đại để đưa ra đường lối lãnh đạo đúng đắn định hướng cho việc xây

dựng và phát triển XHCD phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta. Điều này suy đến cùng là yếu tố có ý nghĩa quyết định vì Đảng là người lãnh đạo duy nhất đối với Nhà nước và toàn xã hội. Tuy nhiên, ở đây cũng cần lưu ý là trong quan hệ giữa Nhà nước và XHCD thì Nhà nước cần nhận thức một cách toàn diện và khoa học rằng: quản lý như thế nào để vừa phát huy tối đa những giá trị của XHCD trong bối cảnh hiện nay, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo quản lý được XHCD theo đúng đường lối chung của Đảng đã đề ra. Mỗi người dân, các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội... cũng cần nhận thức rằng đó là những môi trường, điều kiện thuận lợi để phát huy khả năng, nguồn lực, sáng kiến, ý tưởng của mình nhằm đạt được mục tiêu ở mức cao nhất. Đồng thời, cũng không vì thế mà lợi dụng các tổ chức, cộng đồng XHCD để mưu lợi cho riêng mình, gây tổn hại cho cộng đồng và xã hội.

Nhà nước phải thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò, chức năng chủ yếu của mình là định hướng và tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho người dân được phát huy mọi khả năng và nguồn lực phát triển sản xuất, làm giàu cho bản thân và đất nước, đồng thời ngăn chặn, hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Điều đó đặt ra đòi hỏi cấp bách là phải mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân, cộng đồng dân cư, các hội trong việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy dân chủ XHCN, tham gia các hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, hội viên. Mục tiêu cơ bản của các ĐTND, cộng đồng công dân, các hội... là đáp ứng nhu cầu chính đáng và hợp pháp của thành viên, hội viên, đồng thời phải lấy hiệu quả xã hội làm thước đo sự phát triển và đóng góp của mình cho đất nước.

3.4.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Nền KTTT lành mạnh hoạt động dựa trên các qui luật kinh tế khách quan thể hiện tự do trong kinh tế, vì vậy thúc đẩy và hoàn thiện các thể chế, quan hệ thị

trường chính là để xác lập cơ sở kinh tế cho XHCD. Đây là điều rất quan trọng vì KTTT tạo ra các mối quan hệ làm cơ sở cho XHCD tồn tại và là điều kiện cơ bản để XHCD hoạt động có hiệu quả. Nhà nước cần tạo ra các cơ chế nhằm bảo đảm tự do kinh tế, tự do lao động... Để làm tốt điều này, cần khẳng định phương thức hàng đầu trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội của Nhà nước là bằng pháp luật; xác lập các khuôn khổ pháp lý thích hợp. Hơn nữa, một mặt cần phát huy quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, tính năng động của các thành phần kinh tế, tháo gỡ các ràng buộc, giải phóng các nguồn lực, phát huy các động lực, khơi dậy các tiềm năng; mặt khác cần hạn chế tác động tiêu cực, ngăn chặn và khắc phục những mặt trái của KTTT. Đồng thời, Nhà nước cũng cần giảm việc can thiệp quá sâu vào quyền điều hành sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh và các quan hệ dân sự để tập trung hướng mạnh vào việc xây dựng thể chế, sử dụng các công cụ điều hành vĩ mô, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương và sự phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ sở, xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc, xác định đúng khâu then chốt để tập trung giải quyết trong từng thời điểm.

Nhà nước cần tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của nền KTTT đa thành phần và tự do trao đổi thông tin, tri thức nhằm thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực kinh tế tri thức. XHCD chỉ ra đời khi đã tồn tại cơ sở hiện thực xã hội của nó là mối liên hệ phổ biến giữa người với người. Tác nhân rất quan trọng sản sinh ra mối liên hệ phổ biến chính là KTTT và toàn cầu hoá về thông tin, tri thức. Bởi vậy kích hoạt những tác nhân ấy chính là phương thức trực tiếp tạo ra các mối liên hệ phổ biến và do đó gián tiếp tạo ra và thúc đẩy sự phát triển của XHCD.

Nhiều nhà kinh tế học còn cho rằng nguyên tắc của XHCD là mỗi người tự do thực hiện những lợi ích kinh tế – xã hội của mình (ở mức độ mà hoạt động của người đó không gây trở ngại đến tự do của những thành viên khác của xã hội và đương nhiên không vi phạm pháp luật). XHCD là một hình thức tổ chức đời sống

kinh tế – xã hội, có tác dụng to lớn đến sự nảy sinh và mở rộng những lợi ích mới, đến sự phát triển phong phú đủ loại các phương pháp sản xuất và những hình thức kinh tế. Để xác lập những cơ sở kinh tế của XHCD cần thực hiện một loạt những biện pháp tổng hợp nhằm mở rộng phạm vi tự do kinh tế của mỗi người. Những phương thức cơ bản của hoạt động này bao gồm: bảo đảm tự do hoạt động kinh tế – lao động, thương mại, tín dụng; tạo ra những điều kiện để thực hiện trong thực tế sự tự do kinh tế và sự tự do kinh tế của các thành viên XHCD cần được bảo đảm bởi pháp luật cũng như sự hỗ trợ từ các tổ chức của chính nó.

Chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT theo định hướng XHCN nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

Đây là một biện pháp vừa cấp bách, vừa mang tính chiến lược bởi vì suy cho cùng thì một XHCD phát triển đầy đủ, toàn diện, lành mạnh và hiệu quả phải trên cơ sở một nền kinh tế có “trình độ” và “tốc độ” phát triển cao, ổn định, hài hoà, cân đối và bền vững. Hay nói một cách cụ thể hơn, nền kinh tế mạnh sẽ tạo ra nhiều nguồn lực tài chính cung cấp cho các tổ chức, cộng đồng công dân hoạt động - đây là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất đảm bảo cho các tổ chức XHCD phát huy hết khả năng của mình.

3.4.3. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN

Đây thực chất là xây dựng cơ sở chính trị – pháp lý cho XHCD. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, nhờ đó một mặt sẽ đảm bảo cho các công dân và các tổ chức công dân cũng như cơ quan nhà nước thực hiện đúng chức năng của mình; mặt khác, định hướng XHCN sẽ giữ cho XHCD nước ta không rơi vào tự phát, làm biến dạng mục đích hợp lý của nó, ngăn chặn các tổ chức, cộng đồng công dân trở thành công cụ của một số người hoặc một nhóm người trong xã hội.

Quan hệ giữa NNPQ XHCN và XHCD nói chung là một vấn đề hiện thực, là thực tiễn sinh động để từ đó đúc rút nên những bài học kinh nghiệm để khái quát lên thành lý luận. Tính chất và trình độ cũng như kết quả giải quyết mối quan hệ này góp phần củng cố, phát triển tổ chức đảng các cấp và đội ngũ đảng viên, làm cho văn hoá lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên qua thực tiễn lãnh đạo Nhà nước được nâng lên. Thực tiễn quan hệ giữa NNPQ và XHCD còn thắt chặt hơn quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và phân định rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý bằng pháp luật của Nhà nước. Quan hệ này đòi hỏi Nhà nước phải không ngừng hoàn thiện sự thống nhất giữa các chức năng chính trị và xã hội mới đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu trên, tạo tiền đề thuận lợi cho việc phát huy dân chủ của nhân dân, công dân. Đồng thời, đó cũng là động lực thúc đẩy sự phát triển của các định chế xã hội, thể chế XHCD trong thực hiện các chức năng đại diện về chính trị của nhân dân và trực tiếp tổ chức cho nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình. Qua đó nâng cao năng lực của các định chế xã hội, thể chế xã hội trong giải quyết các vấn đề dân sự cụ thể thuộc phạm vi của mình mà không cần có sự can thiệp quá sâu của Nhà nước.

NNPQ XHCN quản lý xã hội bằng pháp luật nên nó hoạt động công khai và dân chủ. Với sự ra đời của NNPQ, Nhà nước đã trở về đúng vị trí của mình trong mối quan hệ với XHCD, các tổ chức XHCD cũng dựa trên pháp luật và lợi ích chung để hoạt động, song hành với Nhà nước để thực hiện những mục tiêu chung cho sự phát triển của đất nước. Trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, cộng đồng công dân, pháp luật đòi hỏi các thành viên XHCD phải có trách nhiệm với Nhà nước và xã hội; đồng thời cũng đòi hỏi NNPQ phải có trách nhiệm đối với công dân, tổ chức công dân cả về mặt pháp lý lẫn quyền, lợi ích chính đáng và tự do của các thành viên XHCD trong thực tế.

Vấn đề tổ chức và điều chỉnh hoạt động của các tổ chức XHCD ở nước ta theo hướng khắc phục được tính hình thức và hạn chế những tác động tiêu cực

của chúng trong hệ thống chính trị, phát huy được vai trò tích cực trong thể chế một đảng cầm quyền như nước ta là một vấn đề phức tạp và bức xúc cần phải được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn trong quá trình xây dựng NNQP XHCN. Mặt khác, chúng ta cũng cần xác định mức độ can thiệp của Nhà nước vào các thiết chế, tổ chức XHCD, nhằm tránh sự can thiệp “thô bạo” kìm hãm sự phát triển hợp qui luật của XHCD. Thông qua việc xác lập quan hệ đúng đắn giữa Nhà nước với các thể chế XHCD và các thể chế xã hội khác, Chính phủ thực sự là hành chính công cộng.

Trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, luôn tồn tại những khoảng trống mà nhà nước không thể bao quát hết. Để lấp đầy được những khoảng trống đó, chỉ có thể là các tổ chức, thể chế của XHCD. Hiểu như vậy thì XHCD là cái cần có để lấp đầy xã hội, tạo nên hiệu quả kinh tế – xã hội đầy đủ cho xã hội, chính là những gì độc lập với nhà nước, “ở ngoài, phi nhà nước”. Một xã hội chỉ có hoạt động của nhà nước, tất cả đều qui về nhà nước, nhà nước bao lấy tất cả, nhà nước hoá tất cả, thì sẽ là một xã hội nghèo, nghèo một cách tất yếu, về nguyên tắc đơn điệu và khô cằn. Vì vậy, nhà nước chỉ nên đóng vai trò định hướng, là người “cầm lái” thay vì là người “trực tiếp chèo thuyền”.

3.4.4. Xây dựng hành lang pháp lý cho XHCD

Pháp luật là cơ sở pháp lý định hình của XHCD, thông qua các quy định về quyền và nghĩa vụ, các thành viên của cộng đồng, tổ chức XHCD được bảo vệ về an ninh và được bảo đảm các quyền, tự do cơ bản.

Để XHCD có đủ hành lang an toàn để hoạt động hiệu quả thực sự, cần đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động của khu vực XHCD theo hướng tôn trọng và bảo vệ quyền lập hội của mọi công dân; tạo thuận lợi cho tổ chức và hoạt động của hội, tổ chức phi chính phủ... theo đúng tôn chỉ, mục đích, đảm bảo công khai, minh bạch. Trước hết, chúng ta cần khẩn trương ban hành Luật về hội và các văn bản hướng dẫn việc thi hành Luật để tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, có hiệu lực cao về quản lý nhà

nước đối với các tổ chức, cộng đồng XHCD. Nếu làm được như vậy, các hình thức tập hợp nhân dân cũng đa dạng hơn, phong phú hơn, tạo ra nhiều khả năng và cơ hội để công dân bảo vệ lợi ích cộng đồng, xã hội hóa các ý tưởng và có nhiều hình thức phối hợp với Nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu chung của xã hội. Tóm lại Nhà nước phải tạo hành lang pháp lý để quản lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động, phát triển của các thể chế, tổ chức XHCD hoạt động đúng định hướng và hiệu quả.

Nhà nước cần chú trọng đến việc nâng cao ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật của người dân, rèn luyện thói quen sống và làm việc theo pháp luật, giác ngộ ý thức về chủ quyền của cá nhân nói riêng và ý thức dân chủ nói chung để chủ động tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Nhà nước cần tập trung nhiều hơn nữa vào khâu giáo dục ý thức pháp luật, vào khâu chuyển tải những tri thức pháp luật cập nhật, thiết thực đến với nhân dân. Nếu một xã hội không có trình độ ý thức pháp luật cao thì xã hội ấy khó có khả năng bắt buộc bộ máy Nhà nước phục tùng theo ý chí của mình và do đó, không có khả năng ngăn chặn sự đổi hướng của quyền lực công. Các phương tiện thông tin đại chúng giữ một vai trò to lớn và tích cực trong đời sống chính trị – xã hội. Nhà nước cần điều chỉnh sao cho các kênh truyền thông đưa tin đúng đắn, có định hướng. Chỉ như vậy, dân mới biết, từ biết mới có thể bàn và sau đó mới có thể kiểm tra hoạt động của các cơ quan và công chức Nhà nước. Để tạo lập một XHCD phát triển đầy đủ, cần phải xây dựng ngay trong lòng xã hội đó một ý thức tôn trọng đối với pháp quyền, đồng thời các nguyên tắc hay khái niệm pháp lý phải trở nên phổ biến

Về mặt lịch sử thì đây là vấn đề đã nói tới rất nhiều, nhưng đối với trình độ dân trí ở nước ta hiện nay, cùng với những trở ngại lưu tồn dai dẳng bởi tập quán thì đây vẫn là một công việc hết sức cần thiết và cấp bách. Nhờ có sự nỗ lực chuyển tải ý thức, tri thức pháp luật như vậy từ phía Nhà nước các thành viên XHCD lĩnh hội giá trị tối thiểu của pháp luật, lòng tin, thói quen hành động theo pháp luật, bảo vệ pháp luật, lên án những hành vi vi phạm pháp luật; nhận thức

được quyền và nghĩa vụ để tự do hoạt động sáng tạo, khai mở các tiềm năng cá nhân, tính độc đáo của nhân cách – tức là trở thành những chủ thể tích cực, một khi đã biết ngoài những điều cấm của pháp luật là tự do của mỗi người.

3.4.5. Xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta

Một xã hội chỉ đạt đến trình độ XHCD khi nó tham gia vào quá trình xây dựng, quản lý và giám sát, phản biện quyền lực công. Hình thức dân chủ đại diện hay dân chủ gián tiếp, còn gọi là chế độ dân ủy đã được khẳng định ngay trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta (1946), các Hiến pháp sau này đều ghi nhận hình thức dân chủ này. Điều 6, Hiến pháp năm 1992 qui định: Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Nhằm bảo đảm chất lượng của dân chủ qua đại biểu, cần hoàn thiện chế độ bầu cử. Đảng phải ra sức lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, chính quyền các cấp để làm cho những bộ máy này thực sự là của dân, qua đó dân thực hiện quyền lực của mình. Xuất phát từ đó, cần xây dựng cơ chế bảo đảm cho nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp. Mặt khác, cần qui định người đứng đầu các cơ quan này theo định kỳ phải có trách nhiệm công khai thông báo cho nhân dân về những hoạt động của cơ quan mình.

Nhà nước cần chủ động tạo ra những cơ chế cho việc thúc đẩy dân chủ trực tiếp. Dân chủ trực tiếp đòi hỏi phải tôn trọng tính độc lập, tự chủ, tự quản của các tổ chức quần chúng, các tổ chức XHCD; không áp đặt chủ trương, chính sách, không vi phạm quyền làm chủ của quần chúng. Về phía mình các tổ chức, cộng đồng công dân được phép phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên trên cơ sở gắn lợi ích xã hội, của tập thể, của dân tộc với lợi ích chính đáng của mỗi thành viên. Ngày nay, trong nền dân chủ mà chúng ta đang xây dựng lại càng cần và có thể phải tăng cường thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp. “Không

phải chỉ tuyên truyền về dân chủ, tuyên bố và ra các sắc lệnh về dân chủ là đủ, không phải chỉ giao trách nhiệm thực hiện chế độ dân chủ cho “những người đại diện” nhân dân trong những cơ quan đại biểu là đủ. Cần phải *xây dựng* ngay chế độ dân chủ, bắt đầu từ cơ sở, dựa vào sáng kiến của bản thân quần chúng, với sự tham gia thực sự của quần chúng, vào tất cả đời sống của Nhà nước”⁸⁵

Mở rộng dân chủ ở cơ sở hiện nay đang là xu hướng được Đảng và Nhà nước ta khuyến khích. Dân chủ ở cơ sở hiện nay không phải là hình thức mà là một cấp độ của chế độ dân chủ. Nội dung của dân chủ cơ sở được thể hiện dưới cả dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Do có nhiều loại hình cơ sở với chức năng, nhiệm vụ khác nhau nên dân chủ ở mỗi đơn vị có tính đặc thù riêng với nội dung và yêu cầu khác nhau nhất định. Điều này đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải cụ thể hoá qui chế dân chủ cho phù hợp với từng loại hình đơn vị. Mở rộng dân chủ ở cơ sở cần bảo đảm quyền thông tin về pháp luật, các vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích và cuộc sống hàng ngày của nhân dân tại cơ sở, công khai hoá các hoạt động của cơ quan công quyền, phân phối, thu chi tài chính và các khoản đóng góp của dân. Xây dựng cơ chế đảm bảo cho công dân và các tổ chức, thể chế của họ thực sự có thể kiểm tra, giám sát và phản biện hoạt động của các cơ quan nhà nước. củng cố và mở rộng dân chủ ở cơ sở thực chất là một quá trình nâng cao sức mạnh và hiệu quả hoạt động của Nhà nước mà trước hết từ cấp xã, phường và các đơn vị ban, ngành. Dân chủ ở cơ sở cần được lượng hoá về nội dung, phạm vi, hình thức bằng các qui định pháp luật cụ thể. Bởi vậy, củng cố và mở rộng dân chủ ở cơ sở đồng thời là quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Vấn đề then chốt này đã được Đảng ta khẳng định: Khâu quan trọng và cấp bách hiện nay là phát huy quyền làm chủ của nhân dân nơi cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

⁸⁵ V.I.Lênin (1981): *Toàn tập*, Tập31, Nxb Tiến bộ Matxcơva, tr.336-337

Nâng cao văn hoá dân chủ cho cả người dân và cán bộ, công chức nhà nước. Dân chủ ngày nay không chỉ là quyền công dân mà còn là quyền kinh tế, cuối cùng là nâng cao quyền tự quyết cho người dân. Điều này đồng nghĩa với việc tôn trọng và khẳng định cá nhân với những lợi ích và nhu cầu riêng, không có sự đối xử về chủng tộc, sắc tộc, địa vị chính trị... Đó là xây dựng cả một nền văn hoá làm chủ - đó là văn hoá dân chủ, văn hoá pháp luật, văn hoá chính trị. Làm thế nào để dân chủ phụ thuộc chủ yếu năng lực làm chủ của người dân chứ không phải phụ thuộc vào lòng tốt của người cầm quyền, của nhà quản lý. Dù có Hiến pháp, pháp luật tiến bộ, dân chủ, dù có cơ chế dân chủ nhưng nếu trong thực tế người dân không ý thức được quyền làm chủ của mình, không tự tổ chức để tự phối hợp với các thể chế Nhà nước thực hiện quyền làm chủ thì những quyền, tự do của công dân mặc dù đã ghi nhận bởi pháp luật cũng không có nhiều ý nghĩa. Lúc đó môi trường xã hội có thể lại là mảnh đất cho sự hoành hành của chủ nghĩa quan liêu, độc tài, chuyên chế... Hiện nay về cơ bản từ đường lối của Đảng đến pháp luật của Nhà nước đều ghi nhận và tôn vinh những quyền, tự do, lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các thành viên XHCD và tạo điều kiện để nó được hiện thực trong cuộc sống. Nhưng nếu các công dân, tổ chức công dân không hoàn thiện tri thức, hành vi và kỹ năng làm chủ, không tự mình làm chủ vận mệnh của mình thì không thể khai thác các tiềm năng sáng tạo của mình cũng như có ý nghĩa thúc đẩy quá trình dân chủ hoá ở nước ta.

3.4.6. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức XHCD

XHCD thực chất là các hình thức tổ chức liên kết cộng đồng có tính chất tự nguyện, tự quản của nhân dân, để thực hiện các mục tiêu, quyền lợi và giá trị chung, hoạt động không nhằm mục tiêu lợi nhuận. Và như vậy là ở nước ta, XHCD đã hình thành ngay từ trước những năm đổi mới và hiện nay đang có xu hướng ngày càng phát triển. Điểm giống nhau cơ bản của XHCD ở Việt Nam so với các nước là đều gồm các tổ chức liên kết trong dân, điểm khác nhau là các tổ

chức nhân dân ở nước ta do truyền thống nhiều năm chống ngoại xâm nên mang màu sắc cách mạng, được hỗ trợ một cách đặc biệt từ phía Nhà nước, nên các chức năng tập hợp lực lượng, phản ánh nguyện vọng của quần chúng, tham gia hoạch định chủ trương, chính sách của Nhà nước được chú trọng, trong khi đó chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với Nhà nước còn bị xem nhẹ và việc thực hiện còn nhiều hạn chế.

Việc giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội là bảo đảm chủ quyền Nhà nước thuộc về nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, của các cộng đồng, tổ chức công dân; tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của con người, của công dân; các giá trị phổ quát của dân tộc và nhân loại như công bằng, bình đẳng, nhân đạo, dân chủ...; bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật phản ánh đúng và đầy đủ ý chí, nguyện vọng chính đáng của công dân. Chức năng giám sát của Mặt trận và các tổ chức thành viên trong kinh tế là bảo đảm cho sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình xây dựng NN PQ XHCN của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Mặt trận và các tổ chức thành viên nhằm bảo đảm giải quyết tốt mối quan hệ giữa NN PQ và XHCD. Qua đó, xác lập mối quan hệ hài hoà, bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của hai bên, nhằm loại trừ xu hướng “vô quyền và vô chính phủ” từ phía công dân và các thể chế của họ cũng như nguy cơ tùy tiện, độc đoán, quan liêu, chuyên quyền... từ phía công chức và cơ quan quyền lực nhà nước. Đảm bảo cho sự phân công rành mạch, phối hợp hoạt động chặt chẽ của các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ngoài ra chức năng giám sát này còn hỗ trợ cho công tác giám sát, thanh tra của Nhà nước, kiểm tra của Đảng. Để đảm bảo thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của mình cần có những điều kiện nhất định.

Trước hết phải xác định tư cách độc lập của các tổ chức chính trị – xã hội trong quan hệ với Đảng và Nhà nước. Phải đổi mới phương thức lãnh đạo của

Đảng, quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức này. Sự lãnh đạo của Đảng phải được thể chế hoá bằng pháp luật của Nhà nước nhằm tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức này hoạt động. Chừng nào các tổ chức này chưa có được tư cách độc lập được ghi nhận trong pháp luật thì chưa thể thực hiện được đầy đủ chức năng của mình nói chung, chức năng giám sát, phản biện nói riêng. Khi những tổ chức này không là một thực thể độc lập, mà là một bộ phận biến tướng của Nhà nước thì dân chủ cũng như việc thực hiện chức năng phản biện, giám sát của nó chỉ là hình thức.

Thứ hai, đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta là một đảng duy nhất cầm quyền. Trong bối cảnh đó, cơ chế phản biện sẽ có vai trò rất quan trọng, nhưng cũng đòi hỏi Đảng phải không ngừng mở rộng dân chủ, tăng tính công khai, minh bạch trong quá trình hoạch định chính sách, tăng tính trách nhiệm của chính quyền, nhất là mở rộng và công khai thông tin... trên cơ sở đó thì vai trò phản biện, giám sát mới có thể thực hiện được với bộ máy Nhà nước.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chức năng phản biện, giám sát các cơ quan nhà nước, cán bộ dân cử và công chức nhà nước càng cần được nhấn mạnh. Đảng và Nhà nước có nhu cầu thực sự về phản biện và tư vấn xã hội. Các tổ chức chính trị- xã hội cần có đủ năng lực để làm tròn nhiệm vụ phản biện tư vấn ấy.

Để các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện được chức năng phản biện xã hội và có đủ nguồn lực, năng lực hợp tác, phối hợp hoạt động với Nhà nước, cần phải bảo đảm tư cách độc lập và vị trí của các tổ chức chính trị - xã hội trong quan hệ với Đảng và Nhà nước, đảm bảo cho các tổ chức này có một không gian hoạt động tương đối độc lập và tự chủ.

Tạo nguồn tài chính độc lập cho các tổ chức XHCD: Rất nhiều hoạt động của XHCD không thực hiện được do hạn chế về nguồn lực, thiếu cơ sở tài chính

vững chắc. Các tổ chức chính trị- xã hội, các tổ chức xã hội ... chỉ có thể hoạt động cầm chừng và rất hạn chế do thiếu tài chính để hoạt động.

Để đảm bảo sự độc lập của các tổ chức chính trị - xã hội, cần chuẩn bị đưa bộ máy Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ra khỏi hệ thống công chức và bộ máy hành chính, tiến tới xoá bỏ bao cấp kinh phí cho các tổ chức này mà thay vào đó là tạo kinh phí bằng cách đặt hàng thực hiện những chương trình, dự án cụ thể.

Đào tạo đội ngũ các nhà hoạt động chuyên nghiệp cho các tổ chức XHCD. Các tổ chức XHCD ở Việt Nam phát triển tương đối chậm một phần do thiếu đội ngũ nhân sự có năng lực để biến mục tiêu thành hành động cụ thể. Không có nhiều người sẵn lòng tham gia vào việc tìm kiếm tự do và trên thực tế, ở các quốc gia này thiếu đội ngũ vận động hành lang có kinh nghiệm, chuyên nghiệp.

Một vấn đề quan trọng nữa là các tổ chức chính trị - xã hội cần thu hút và đào tạo được đội ngũ các nhà hoạt động chuyên nghiệp năng động, cập nhật, nhiệt tình, trung thành với lợi ích dân tộc và lợi ích thành viên, có khả năng thực hiện được những nhiệm vụ, mục tiêu mà các tổ chức này đặt ra một cách chuyên nghiệp và hợp pháp. Các tổ chức chính trị - xã hội cần không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với nhau, với các tổ chức trong và ngoài nước để tạo ra sức mạnh tổng hợp, tăng cường ảnh hưởng của mình đối với xã hội và đối với nhà nước để tiếng nói của mình thực sự có trọng lượng, thực sự được lắng nghe.

KẾT LUẬN

XHCD từ lâu đã được coi là một giá trị của văn minh nhân loại. Tư tưởng XHCD được coi là có nguồn gốc từ thuyết pháp quyền tự nhiên, tôn trọng quyền tự do của con người và được đặt trên cơ sở khế ước xã hội, đánh dấu bước chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái văn minh mà điều kiện tối thiểu của nó là sự phát triển nhận thức của cá nhân trong xã hội hay quá trình tìm kiếm điểm chung trong sự khác biệt.

Khái niệm XHCD - “civil society” - ở phương Tây đã có một lịch sử riêng rất dài và đã có những ý nghĩa khác nhau trong các thời kỳ khác nhau, và ngay cả hiện nay, mặc dù có gốc từ các nghiên cứu kinh viện, thuật ngữ này được dùng trong thực tế với các ý nghĩa rất khác nhau, và đặc biệt, luôn mang các hàm ý chính trị khác nhau. Điều đó là đương nhiên, vì XHCD hay XHDS, gây được quan tâm rộng rãi, và trở thành một phạm trù học thuật, khi nó được xem xét trong mối quan hệ với nhà nước, tức là một phạm trù chính trị., trước khi, nó trở nên một phạm trù xã hội và pháp lý.

Quá trình nghiên cứu cho thấy tư tưởng về XHCD đã xuất hiện từ rất sớm từ thời kì cổ đại, trung đại và đến cuối thời kì trung đại, các yếu tố cần thiết cho sự ra đời của XHCD hiện đại đã xuất hiện. XHCD thời kì cận-hiện đại phát triển mạnh mẽ, nhất là từ thế kỉ XVIII trở đi. Cùng với những thay đổi về kinh tế và chính trị của các thời kì lịch sử, quan niệm về XHCD, về bản chất, vai trò, ý nghĩa của XHCD cũng có những thay đổi.

XHCD có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội và đời sống chính trị, có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội và đời sống cá nhân cũng như hoạt động của nhà nước thông qua quá trình xã hội hoá các cá nhân và củng cố, bảo vệ lợi ích cộng đồng và hỗ trợ, phối hợp với nhà nước, phản biện, giám sát các hoạt động của nhà nước...

Quá trình toàn cầu hóa đã kéo theo hàng loạt những thay đổi về kinh tế, chính trị, cũng như tư tưởng của con người. Giới tinh hoa quyền lực ngày càng nhận thức rõ hơn thế mạnh và cơ hội của mình trong việc định đoạt vận mệnh của thế giới. Mặc dù được coi là chưa đủ sức mạnh để đấu tranh với sức mạnh chính trị khổng lồ đó, nhưng một hình thức mới của XHCD đã xuất hiện như một nhu cầu tự phát, như một lời đáp lại quá trình toàn cầu hóa tinh hoa – XHCD toàn cầu - với mục tiêu tối thượng là bảo vệ các giá trị nhân văn và bảo vệ sự phát triển bền vững của nhân loại.

Quan điểm hiện đại của các học giả tư sản đương đại nhấn mạnh mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa NNPQ và XHCD, gắn XHCD vào bộ ba phát triển XHCD, NNPQ và KTTT và cho rằng bộ ba này là tất yếu cho mọi quốc gia muốn phát triển. Các học giả cho rằng XHCD có thể khắc phục được cả những thất bại của thị trường và nhà nước, do đó có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Ở Việt Nam trong hai mươi năm vừa qua, việc chấp nhận các tư tưởng về nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước pháp quyền, v.v. là một quá trình phong phú và rất cần có những tìm hiểu sâu sắc. Với câu hỏi lớn như hiện nay các nhà nghiên cứu đang quan tâm là: Đã có chưa và có cần xây dựng một XHCD ở Việt Nam không? Từ các phân tích ở các phần trên, câu trả lời là khẳng định và thậm chí là “bắt buộc” nếu hệ thống chính trị muốn có “các tường thành và pháo đài bảo vệ vững chắc đặc biệt là trong bối cảnh khi chúng ta đã có quá nhiều bằng chứng của sự thái quá của tập trung quyền lực trong những lĩnh vực không cần thiết.

Xây dựng xã hội công dân là yêu cầu tất yếu của quá trình phát triển đất nước, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nó cũng xuất phát từ yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng nền dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của

nhân dân dân ở nước ta hiện nay. Xây dựng XHCD đòi hỏi hệ thống giải pháp đồng bộ. Từ hoàn thiện thể chế đến cơ sở chính trị - pháp lý, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở hoạt động của các tổ chức XHCD.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Adam Ferguson (1966), *Nghiên cứu về lịch sử XHCD*, D.Forbes.
2. Alexander, Jeffrey C. (2001), “Bài thuyết trình gồm hai phần về xã hội dân sự”, *Lý luận xã hội mới*, London và New York, Routledge.
3. Anheier, Helmut K (2004), *Xã hội dân sự: Đo lường, Đánh giá, Chính sách*, London, Earthscan.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (1998): *Chỉ thị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*, số 30/CT-TW, ngày 18/2/1998
5. Ban Nội chính Trung ương (2004), “Đổi mới kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ và xã hội (với trọng tâm là đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống hành chính và các hiệp hội và tổ chức phi chính phủ”, *Báo cáo tổng kết đánh giá 20 năm*, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Bích (7/2006), “Vốn xã hội và phát triển”, *Tia sáng* (13), tr.19.
7. Nguyễn Thanh Bình (2004), “Vai trò của hội, tổ chức phi chính phủ trong đổi mới và phát triển đất nước”, *Lý luận chính trị* (4), tr. 33-36.
8. Nguyễn Thanh Bình (9/2004), “Xây dựng NNPQ từ sự hình thành XHCD”, *Cộng sản* (17), tr. 33-36.
9. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, *Tờ trình Quốc hội Dự án Luật về Hội*, Số 38/TTr-CP, Hà Nội, ngày 17/4/2006.
10. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (1992), *Nghị định 35/HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng bộ trưởng về việc thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ phi lợi nhuận*.

11. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (2003), *Nghị định 88/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý các Hiệp hội*.
12. Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Minh Hợp (2002), *Triết học pháp quyền của Hêghen*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Cohen, Jean L. và Andrew Arato.(2001), “Điều không tưởng của xã hội dân sự”, *Lý luận xã hội mới*, London và New York: Routledge.
14. Dalton, Russell J, Phạm Minh Hạc, Phạm Thanh Nghị và Ông Thị Như Ngọc (2002), “Quan hệ xã hội và Vốn xã hội tại Việt Nam”, *Xã hội học so sánh*.
15. Phan Đình Diệu (7/2006), “Phát huy dân chủ để làm giàu nguồn vốn xã hội”, *Tia sáng* (13), tr.24.
16. Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng, Bạch Tân Sinh, Nguyễn Thanh Tùng (2003), “Xã hội dân sự tại Việt Nam”, *Trung tâm nghiên cứu phát triển xã hội*.
17. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Lê Đạt (7/2006), “Dân chủ và vốn xã hội”, *Tia sáng* (13), tr.23.
20. Hoàn Hân (12/2002): “Suy nghĩ về cải cách cơ cấu trong quan hệ giữa chính quyền – công dân”, *Cải cách hành chính ở Việt Nam và Trung Quốc – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt–Trung, Hà Nội
21. Heinrich Boll Foundation (2005), *Hướng tới một xã hội tốt đẹp. Các nhân tố của xã hội dân sự, Chính phủ và giới doanh nhân tại Đông Nam Á*

- khuyến khích hay trở ngại tới một xã hội công bằng, dân chủ và mạnh mẽ, Berlin.*
22. Đỗ Trung Hiếu (2002), *Một số vấn đề về XHCD*, *Triết học*(10), Tr.41-47.
 23. Đỗ Trung Hiếu (2004), “*Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 24. Heng, Russell Hiang-khung (2004), “*Hiệu quả của xã hội dân sự và Chính phủ Việt Nam – Không do hay do thiếu tự chủ*”, *Xã hội dân sự tại Đông Nam á*, Singapore: Học viện nghiên cứu Đông Nam á và Copenhagen NIAS.
 25. Bùi Việt Hương (2005), *XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây*, Luận văn thạc sỹ khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 26. Bùi Việt Hương (2006), “*Quan niệm về “XHCD” trong tư tưởng chính trị phương Tây*”, *Lý luận Chính trị* (4), tr. 62-66.
 27. Bùi Việt Hương – Tống Đức Thảo (2006), *Quan hệ giữa xã hội công dân, dân chủ và phát triển*, Thông tin Chính trị học số 3(30).
 28. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Chính trị (2004), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cử nhân)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 29. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Chính trị (2004), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 30. G.Hunt: *Sự phát triển khái niệm XHCD trong tư tưởng của Marx*, Lê Thị Hồng Phúc dịch từ “Karl Marx’s Society and Political Rights”- Edited by Bob Jessop with Charlie Malcolm – Brown.
 31. Tương Lai (8/2006), “*Phản biện xã hội*”, *Tia sáng*, (15), tr.17.
 32. V.I.Lênin (1981): *Toàn tập*, Tập31, Nxb Tiến bộ Matxcơva.

33. Nguyễn Thu Linh (2004), “Phát triển bền vững và sự tham gia của xã hội dân sự”, *Kỷ yếu hội thảo “Phát triển bền vững dựa trên tri thức”*, Viện những vấn đề phát triển, Hà Nội.
34. C.Mác – Ph.Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, Tập 1, Nxb Sự thật, Hà nội.
35. C.Mác – Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.
36. C.Mác – Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.
37. Montesquieu, S.L (2004), *Tinh thần pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
38. Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (2002), *Hiến pháp Việt Nam, (sửa đổi)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Đỗ Mười (2004), *Phát huy dân chủ XHCN xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.
40. Nguyên Ngọc (7/2006), “Hộp vuông và khối tròn, Chiều thẳng đứng và chiều ngang”, *Tia sáng*, (14), tr.27.
41. Nguyễn Văn Niên (1996), *Xây dựng NNPQ Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Vũ Dương Ninh (2004), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà nội.
43. Nguyễn Như Phát (6/2006), “Tìm hiểu khái niệm xã hội dân sự”, *Nhà nước và Pháp luật*, tr.3-8.
44. Vũ Đình Phòng, Lê Huy Hòa (1999), *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
45. Thang Văn Phúc (2002), *Vai trò của các Hội trong đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

46. Nguyễn Minh Phương (2/2006): “Vai trò của xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay”, *Triết học* (2), tr.10-15.
47. Prelot, Marcel, “*Lịch sử các tư tưởng chính trị*”, Bản dịch của Viện Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
48. Hoàng Thị Kim Quế (2004), “Nhận diện NNPQ”, *Nghiên cứu lập pháp* (5), tr.16-23.
49. Leslie Lipson (1965), *Những tranh luận lớn về chính trị*, Nxb Prentice – Hall, INC. (Bản dịch của Viện khoa học Chính trị – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).
50. Lê Văn Quang, Văn Đức Thanh (2004), *Quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự Việt Nam lịch sử và hiện đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Lê Văn Quang (2004), “Quan hệ giữa nhà nước XHCN và đời sống xã hội dân sự”, *Triết học* (3), tr.4-9.
52. Rousseau, J.J (2004), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
53. Sabharwal, Gita và Trần Thị Thiên Hương (13/7/2005), “Xã hội dân sự tại Việt Nam: chuyển từ bên lề sang xu thế chủ đạo”, *Cơ quan phát triển quốc tế Anh (DFID)*, Hà Nội,
54. Sidel, Mark (1995), “Sự nổi lên của khu vực phi lợi nhuận và tổ chức từ thiện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam”, *Xã hội dân sự mới nổi tại cộng đồng châu Á – Thái Bình Dương*, Singapore/ Tokyo.
55. Bạch Tân Sinh (2001), *Xã hội dân sự và các Tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam: một số suy nghĩ ban đầu về phát triển và những trở ngại*, Viện chiến lược và chính sách khoa học công nghệ NISTPASS, Hà Nội.
56. Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và vai trò của nó trong sự phát triển xã hội”, *Thông tin Chính trị học* (11) – Viện Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr.10-13.

57. Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và một số vấn đề về XHCD ở nước ta”, *Sinh hoạt lý luận*, Đà Nẵng, tr.10-14.
58. Phan Xuân Sơn (chủ biên) (2002), *Các đoàn thể nhân dân với việc đảm bảo dân chủ ở cơ sở hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
59. Phan Xuân Sơn (2005), *Các tổ chức chính trị – xã hội một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Chuyên đề bài giảng cho cao học Chính trị học, Hà Nội.
60. Đặng Kim Sơn (2001), *Ba cơ chế thị trường, nhà nước và cộng đồng ứng dụng cho Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
61. Lưu Kiếm Thanh, Phạm Hồng Thái (2001), *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
62. Phạm Hồng Thái (2004), “Bàn về XHCD”, *Dân chủ và Pháp luật* (11), tr.6-11.
63. Trần Hậu Thành (2005), “Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong NNPQ”, *Triết học*(6), tr.16-22.
64. Cao Huy Thuần (11/2004), “Xã hội dân sự?”, *Thời đại mới (Tập chí nghiên cứu và thảo luận)*,(3), tr.1-12.
65. Đào Trí Úc (2004), “Mối liên hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và vấn đề cải cách hành chính”, *Nhà nước và Pháp luật* (4), tr. 3-10.
66. Đào Trí Úc (2005), *Bước đầu tìm hiểu XHCD*, Đề tài nghiên cứu cấp viện của Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật.
67. Viện những vấn đề phát triển (2006), *Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu Hà Nội.
68. Võ Khánh Vinh (2003), “Mối quan hệ giữa xã hội – cá nhân – nhà nước trong NNPQ XHCN ở Việt Nam”, *Nhà nước và Pháp luật*, (2), tr.6-13.
69. Vũ Quang Việt, New York University, *KTTT và XHCD như một hệ thống*.
70. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên) (2005), *Góp phần đẩy lùi nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

1. Baker, Gideon (2002), *Civil society and Democratic Theory*, Routledge, London.
2. Delue, Steven (1997), *Political Thinking, Political Theory and Civil Society*, Allyn and Bacon. MA, USA.
3. Francis Fukuyama, (1999), *Social Capital and Civil Society*, IMF 1/10/1999.
4. Rowley, Charles K., *On the Nature of civil society*.
5. Neocleous, Mark (1996), *Administering Civil Society*, Macmillan Press Ltd
6. Kean J. (1998), *Civil society and the State*, Verso, London.
7. Neocleous, Mark (1996), *Administering Civil Society*, Macmillan Press Ltd.
8. Larry Diamond and Marc F. Plattner (1996), *"The Global Resurgence of Democracy"*, Second Edition (The John Hopkins University Press.
9. Charles R. Beitz (3/1999), *Social and cosmopolitan liberalism*, International Affairs, (75).
10. Perez-Diaz, Victor M (1993), *The Return of Civil Society*, Harvard University.
11. Seligman, Adam B. (1995), *The idea of civil society*, Princeton University Press.
12. Samuel Huntington (1984), *Will More Countries Become Democratic?*, Political Science Quarterly (99), P.204.
13. Hall, John A. (1995), *Civil society – Theory, History, Comparison*, Polity Press.
14. Tester, Keith (1992), *Civil Society*, Routledge, London.

- 15.[http:// www.mihancivilsociety.org](http://www.mihancivilsociety.org).
- 16.[http:// www.democ.uci.edu/democ/archive/vietnam.htm](http://www.democ.uci.edu/democ/archive/vietnam.htm).
- 17.[http:// www.lse.ac.uk/Depts/global/Publications/Yearbooks/2004](http://www.lse.ac.uk/Depts/global/Publications/Yearbooks/2004).
- 18.http://en.wikipedia.org/wiki/Civil_society
- 19.<http://www.civilsoc.org/>
- 20.<http://www.civilsocietyinstitute.org/>
- 21.<http://www.civil-society.oas.org/>
- 22.<http://www.worldcivilsociety.org/>

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

MÃ SỐ B07-39

LÝ LUẬN VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN -MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

Cơ quan chủ trì: VIỆN CHÍNH TRỊ HỌC

Chủ nhiệm đề tài: TS. NGÔ HUY ĐỨC

Thư ký đề tài: THS. BÙI VIỆT HƯƠNG

HÀ NỘI - 2008

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2007

“LÝ LUẬN VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM”

PHÂN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong vài thập kỉ gần đây, các tổ chức mang tính tự nguyện, phi chính phủ phát triển mạnh ở mọi quốc gia, có sự lớn mạnh cả về qui mô, số lượng và chất lượng hoạt động. Các tổ chức này tham gia vào mọi vấn đề của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị quốc gia và quốc tế với vai trò và ảnh hưởng ngày càng tăng.

Người ta gọi chung lĩnh vực của các tổ chức độc lập này là các tổ chức của XHCD (viết tắt là CSO) tạo nên “xã hội công dân” (XHCD) hay “xã hội dân sự” và gắn nó trong bộ ba phát triển: kinh tế thị trường (KTTT), nhà nước pháp quyền (NNPQ) và XHCD.

Hiện có khoảng trên 3 triệu CSOs trên thế giới. Mạng lưới XHCD toàn cầu đã mở rộng về qui mô và ranh giới địa lý chưa từng có. Các tổ chức XHCD có khả năng huy động các nguồn lực hết sức quan trọng. Người ta ước tính rằng XHCD huy động tới trên 1 nghìn tỉ đôla cho các hoạt động của mình. Các NGOs cung cấp các khoản viện trợ phát triển chính thức nhiều hơn cả hệ thống của Liên Hiệp quốc.

Vai trò và sự xác đáng của các hiệp hội phi chính phủ từ lâu đã được đặt thành vấn đề từ góc độ chính trị, thậm chí trước khi nhận mạnh vai trò kinh tế của nó. Người ta không cần bình luận thêm về những ảnh hưởng chính trị của các tổ chức như Tổ chức Ân xá Quốc tế và Hoà bình xanh, cũng không phải nghi ngờ vai trò của các cơ quan như Câu lạc bộ Roma trong việc giúp điều chỉnh những thách thức của việc quản lý ở mọi cấp độ trong xã hội.

Ở Việt Nam, các tổ chức độc lập cũng xuất hiện ngày càng nhiều và đang từng bước khẳng định địa vị, ảnh hưởng của mình trong xã hội. Đến nay, nước ta có trên 300 tổ chức hội hoạt động trên phạm vi quốc gia, trên 2000 hội có phạm vi hoạt động trên các địa bàn quận, huyện, thị xã, phường và hàng nghìn các tổ chức phi chính phủ như các viện, các trung tâm, các quỹ hoạt động với qui mô khác nhau¹.

¹Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và một số vấn đề về XHCD ở nước ta”, *Sinh hoạt lý luận*, Đà Nẵng, tr.10-14.

Khái niệm XHCD du nhập vào Việt Nam cùng với các khái niệm khác như tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái ...đầu thế kỉ XX có nguồn gốc từ phương Tây. Quan niệm của các học giả trong nước còn rất khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu chưa tiếp cận sự thay đổi về nội hàm khái niệm XHCD qua các thời kì cũng như chưa thống nhất được các giá trị phổ biến, xuyên suốt trong tư tưởng về XHCD ở phương Tây.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời xây dựng NN PQ XHCN, xây dựng nền KTTT định hướng XHCN, thực hiện dân chủ hoá xã hội, nghiên cứu XHCD và tác động của nó đối với đời sống chính trị - xã hội cũng là một việc cần thiết để một mặt thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức tự nguyện của người dân phối hợp hoạt động với nhau và với nhà nước hướng tới những mục tiêu chung tích cực, một mặt hiểu thêm và có cách thức hạn chế những tác động tiêu cực từ mặt trái của các hoạt động có tổ chức, đề phòng những hoạt động gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Việc nghiên cứu XHCD trong đời sống chính trị - xã hội cần có một phác hoạ khái quát về XHCD từ góc độ lí luận và thực tiễn để góp phần giải quyết những vấn đề đang đặt ra. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển, các giá trị phổ biến và đặc thù của tư tưởng chính trị nói chung và lí luận về XHCD, nói riêng, trên cơ sở đó vận dụng để góp phần làm sáng tỏ những vấn đề của chính trị đương đại, cũng là một nhiệm vụ quan trọng của khoa học chính trị.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

XHCD đã được nghiên cứu từ rất lâu trên thế giới. Các nghiên cứu tập trung vào hai mảng lớn: Lí luận về XHCD và các mô hình XHCD trong thực tiễn.

Các nghiên cứu Lý luận về XHCD trên thế giới theo hai dòng chính:

Tư tưởng cổ điển coi về quyền công dân như một thuộc tính được quyết định bởi cộng đồng chung hơn là từng cá nhân, coi phẩm hạnh là sự phục tùng của ý chí cá nhân trước ý chí chung của cộng đồng.

Trào lưu tự do định nghĩa quyền công dân như một thuộc tính cá nhân. Trong khi quyền công dân vẫn được định nghĩa trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng thì

chính những phán xét và ý chí của cá nhân dẫn dắt hành động của cá nhân đó với tư cách một thực thể xã hội chứ không phải là một ý chí giả định của xã hội nói chung. Cá nhân vẫn được xem xét trong mối quan hệ với xã hội nhưng động lực thúc đẩy hành động vì lợi ích công cộng nằm ngay trong mỗi cá nhân chứ không phải là sự áp đặt của xã hội lên bản thân cá nhân đó.

Các nghiên cứu mô hình XHCD trên thế giới, đã khảo sát các XHCD ở các nước đặc biệt là các nước châu Âu, châu Mỹ và một số nước châu Á, theo dõi và nghiên cứu sự vận động của các mô hình XHCD này.

Các nghiên cứu về mô hình XHCD đến nay, vẫn theo hai hướng. Hướng thứ nhất cho rằng XHCD tồn tại song song với nhà nước, là lực lượng hỗ trợ, phối hợp với nhà nước. Hướng thứ hai đặt XHCD cao hơn nhà nước, XHCD được coi như sự bảo đảm chống lại nhà nước chuyên quyền và lĩnh vực công cộng là lĩnh vực đấu tranh chống lại sự độc tài của nhà nước. Với quan niệm này, XHCD được coi là lực lượng giám sát, phản biện nhà nước.

XHCD là một thuật ngữ chính trị- pháp lý phức tạp. Nó là bộ phận quan trọng không thể tách rời của lý thuyết dân chủ và NNPQ hiện đại. Song ở nước ta, tư tưởng về XHCD còn khá mới mẻ và vẫn còn là một vấn đề đang để ngỏ. Một số công trình về XHCD nói chung, về XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây nói riêng mới chỉ được bắt đầu vào những năm 90 của thế kỷ XX.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam mới bước đầu nghiên cứu sự phát triển XHCD, chỉ ra những mốc phát triển cơ bản của khái niệm này, chỉ ra sự kế thừa và phát triển khái niệm ở các nhà tư tưởng khác nhau, bước đầu thống nhất được một số đặc điểm cơ bản và nguyên tắc hoạt động cơ bản của XHCD. Các học giả tập trung nghiên cứu XHCD trong mối quan hệ với NNPQ, KTTT, liên quan đến những vấn đề thực tiễn của Việt Nam như xây dựng NNPQ XHCD, xây dựng XHCD ở Việt Nam²...

² Phan Xuân Sơn (2001), “XHCD và một số vấn đề về XHCD ở nước ta”, *Sinh hoạt lý luận*, Đà Nẵng;Thang Văn Phúc (2002), “Vai trò của các Hội trong đổi mới và phát triển đất nước”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Lê Văn Quang (2004), “Quan

Các nghiên cứu của các tác giả Việt Nam chỉ xem xét một số khía cạnh trong tư tưởng về XHCD của một số học giả lớn. Các nghiên cứu bước đầu cũng đã chỉ ra cơ sở pháp lí cũng như những cơ sở thực tiễn để xây dựng và phát triển XHCD ở Việt Nam, những khó khăn cũng như thuận lợi của quá trình này, chỉ ra những yếu tố cơ bản của XHCD ở Việt Nam và xu hướng vận động, phát triển của nó.

Song XHCD với tư cách là một lí thuyết tổ chức đời sống xã hội, hoặc dưới góc độ lịch sử tư tưởng ở Việt Nam... chưa được tách ra và nghiên cứu một cách hệ thống.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu:

- Nghiên cứu để làm rõ nội dung một số lý luận cơ bản về XHCD trên thế giới góp phần xây dựng cơ sở lý luận cho việc xây dựng XHCD ở Việt Nam, tạo cơ sở lý luận cho những nghiên cứu sâu hơn về XHCD.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Xác định khái niệm, nội dung, bản chất, cơ cấu, vai trò, chức năng của XHCD.
- Nghiên cứu tác động của các tổ chức XHCD vào đời sống chính trị - xã hội ở Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp xây dựng XHCD ở Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các nghiên cứu sử dụng các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các phương pháp phân tích - tổng hợp, logic - lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp điều tra xã hội học, các phương pháp xã hội học chính trị và các phương pháp chuyên ngành và liên ngành khác.

5. Kết cấu của tổng quan kết quả nghiên cứu

hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự Việt Nam lịch sử và hiện đại”, *Triết học* (3); Đào Trí úc (2004), “Mối liên hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và vấn đề cải cách hành chính”, *Nhà nước và Pháp luật*, (4); Phạm Hồng Thái (2004), “Bàn về XHCD”, *Dân chủ và pháp luật*, 11 (152); Đỗ Trung Hiếu (2004), “Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay”, Nxb CTQG, Hà Nội.

Phần mở đầu

Phần nội dung

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây

Chương 2: Quan niệm của Mác về XHCD

Chương 3: Một số vấn đề về xây dựng XHCD ở Việt Nam hiện nay

Kết luận

Danh mục tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ PHƯƠNG TÂY

1.1. Quan niệm về công dân và nhà nước trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây thời kỳ Cổ đại và Trung đại

Thời kì Cổ đại và Trung đại, ở phương Tây chưa có khái niệm XHCD nhưng một số yếu tố của XHCD đã hình thành, phôi thai từ rất sớm ở các nhà nước cổ đại như Hy Lạp - La Mã, gắn liền với triết thuyết chính trị Platon và Aristotle. **XHCD được coi là đồng nghĩa với nhà nước hay xã hội chính trị.**

Platon là người đầu tiên đưa ra tranh luận về bản chất của khế ước xã hội, mà sau này được coi là cơ sở xã hội của XHCD. Nhưng thuật ngữ “XHCD” lần đầu tiên được Aristotle (384-322 TCN) nói đến trong “Chính trị” với mục đích phê phán quan niệm của Platon về dự án nhà nước lí tưởng, trong đó thủ tiêu sở hữu tư nhân và thực hiện chế độ công hữu về tài sản. Aristotle cho rằng các yếu tố cơ bản của XHCD chính là gia đình, dòng họ, làng xóm, nhà nước và xã hội; là nếp sống văn hoá, trật tự xã hội, truyền thống, lao động...

Trong thành bang Athen, việc thực hiện đúng bốn phận công dân quyết định phẩm hạnh công dân của các cá nhân. Còn nhiệm vụ chính của thành bang là giáo dục công dân đi đến hoạt động một cách ngay thẳng, dạy cho họ hướng tới mục tiêu cao thượng của cuộc sống.

Quan hệ giữa công dân và nhà nước thời kì Hy Lạp cổ đại đã được Benjamin Constant, một nhà tự do cổ điển Pháp, tổng hợp lại: “mục tiêu của con người cổ đại là chia xẻ quyền lực giữa các công dân trong quốc gia; họ đó gọi là tự do. (Nhưng) công dân, hầu như luôn điều khiển các công việc của cộng đồng, lại là nô lệ trong các quan hệ riêng tư. Với tư cách là một công dân, anh ta quyết định chiến tranh hay hoà bình, với tư cách là một cá nhân riêng biệt, anh ta bị ép buộc, bị giám sát và ngăn cấm trong mọi cử động; với tư cách là một thành viên trong thực thể cộng đồng, anh ta chất vấn, thả hỏi,

kết tội, làm lụn bại, đầy ải, tuyên bố tử hình các quan chức địa phương và cao hơn; với tư cách là một thành viên trong thực thể cộng đồng, anh ta có thể bị tước địa vị, tước bỏ đặc quyền, bị trục xuất hay phải chết do ý chí tùy tiện của cộng đồng mà anh ta gia nhập. Những người cổ đại đơn thuần là những cỗ máy ... bị điều khiển bởi luật pháp... Cá nhân bằng cách nào đó bị mất đi trong quốc gia, và người công dân cũng vậy trong thành bang”³. Đây cũng là nhận định của nhiều nhà nghiên cứu khi bàn về quan hệ giữa công dân và nhà nước thời kì Hy Lạp cổ đại.

Trong nền cộng hòa đó, giữ trách nhiệm trong đời sống công cộng, tham gia vào đời sống chính trị là một nghĩa vụ đạo đức, là biểu hiện cao nhất của đạo đức con người. Một người công dân lí tưởng của La Mã phải tích cực tham gia vào đời sống chính theo dõi công việc hàng ngày của cộng đồng và chấp nhận các qui tắc của nó. Nhà nước có nhiệm vụ chính là bảo vệ sở hữu cá nhân, sở hữu nhà nước, cái được nảy sinh không phải do tự nhiên mà do hoạt động của con người.

Có thể thấy rằng các tư tưởng triết học và chính trị thời kì Cổ đại không phân biệt giữa nhà nước và xã hội. Thuật ngữ XHCD đã xuất hiện nhưng XHCD và Nhà nước được xem như những thuật ngữ có thể thay thế nhau. Một người trở thành thành viên của XHCD cũng có nghĩa là đã trở thành công dân – thành viên của nhà nước. Quan hệ giữa công dân và nhà nước trong nền dân chủ Hy Lạp và cộng hoà La Mã, về cơ bản là quan hệ một chiều, trong đó, cá nhân phục tùng, phụ thuộc vào nhà nước. Lợi ích cá nhân thống nhất hữu cơ với lợi ích cộng đồng trong một chỉnh thể. Cái cá nhân, cái riêng bị mờ đi trong cái cộng đồng, trong cái chung. Khái niệm “tự do” là tự do tham gia vào đời sống chính trị, chứ không phải là tự do trong cuộc sống hàng ngày.

Thời kì Trung đại, người ta thiết lập mối quan hệ rất mạnh giữa các thể chế nhà nước hiện tồn với những tiên nghiệm của luật tự nhiên do tác động mạnh mẽ của tôn giáo. Con người không có bất cứ quyền uy nào đối với những người khác, mở rộng ra, mọi người đều bình đẳng, tự do, được Thượng đế tạo ra theo hình ảnh của Người và có

³Ebeling, Richad (1993), “*Individual Liberty and Civil Society*”, tr.1 <http://www.fff.org/freedom/index.asp>.

riêng một linh hồn. Do đó, con người, về bản chất tự nhiên có thể sống một mình và độc lập. Song, tự nhiên đẩy con người đi đến liên kết nhau lại theo một trật tự chung. Con người phải liên minh với nhau để sống hoà bình, và cao hơn nữa là chống lại những nguy hiểm bên ngoài. Quyền uy là cần thiết vì con người, do bản chất tự nhiên, cần xã hội và xã hội cần quyền uy.

Con người tham gia vào XHCD vì họ muốn hướng về đời sống xã hội được chấp nhận và điều chỉnh bởi lí trí. Sự đồng thuận xã hội được đem lại dần dần tùy theo sự trưởng thành của người dân thông qua kế ước. Sự đồng thuận xã hội này được biểu hiện ra trong những hành động tự nguyện và công khai.

Phong trào tà giáo thế kỉ XIV-XV, theo Ph. Engels (1820-1895), đã “biểu thị trực tiếp nhu cầu của nông dân và bình dân...nó đòi tái lập sự bình đẳng của đạo Ki tô ... cũng như đòi công nhận sự bình đẳng đó như một tiêu chuẩn cả cho các quan hệ dân sự. Từ sự bình đẳng giữa những đứa con của Chúa, nó đã rút ra sự bình đẳng của các công dân, và ngay từ hồi bấy giờ, một phần nào cũng đã rút ra cả sự bình đẳng về tài sản”⁴.

Có thể khẳng định rằng thời kì Cổ đại và Trung đại, ở phương Tây, khái niệm XHCD chưa tồn tại nhưng những mầm mống nguyên thủy nhất của khái niệm này đã xuất hiện và rõ nét dần. Cuối thời kì Trung đại đến thời kì Cận – hiện đại là bước chuyển quan trọng trong quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng chính trị phương Tây, chuẩn bị cho sự ra đời của XHCD thực sự vào thời kì tiếp sau.

1.2. XHCD trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây thời kì Cận hiện đại

XHCD là xã hội của các công dân tự do, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ về mặt pháp lí. XHCD đòi hỏi trình độ phát triển và mức độ hoàn thiện của kinh tế xã hội, chính trị và luật pháp. Với cách tiếp cận như vậy, XHCD xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước tư sản, nơi luật pháp lần đầu tiên ghi nhận những quyền tự do, bình đẳng ấy. Phương Tây từ thời kì Cận đại trở đi chính thức bước vào XHCD.

⁴ Lưu Kiếm Thanh, Phạm Hồng Thái (2001), “*Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*”, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, tr.143.

XHCD được coi là đối lập với “trạng thái tự nhiên” hoặc xã hội dưới một chính phủ cai trị bằng sự chuyên quyền chứ không bằng luật pháp. XHCD là địa hạt của những tổ chức được thiết lập khi con người bước vào cuộc sống cộng đồng, là nơi những thiếu hụt và khiếm khuyết của trạng thái tự nhiên được điều chỉnh thông qua kế ước và thoả thuận. XHCD tiếp giáp với lĩnh vực chính trị, và ở đó không tồn tại sự phân biệt XHCD với nhà nước.

Nghiên cứu những mâu thuẫn tồn tại bên trong XHCD, Hegel đã phát triển khái niệm XHCD theo nghĩa hẹp như một lĩnh vực song song tách ra khỏi nhà nước. XHCD được định nghĩa là lĩnh vực của những cam kết xã hội tồn tại trên cá nhân nhưng dưới nhà nước và một hệ thống phức tạp những thực tiễn kinh tế, xã hội và văn hoá dựa trên quan hệ bạn bè, gia đình, thị trường và các mối quan hệ tự nguyện, là một hệ thống những nhu cầu dựa trên chế độ tư hữu, là những quan hệ tài sản, pháp luật và đẳng cấp.

Khái niệm XHCD, trong quá trình phát triển, đã thu hẹp lại khá nhiều và cụ thể hơn, với những yêu cầu cao hơn về phẩm hạnh và trình độ của người công dân. XHCD, từ chỗ đồng nghĩa với nhà nước/quốc gia – state (xã hội được tổ chức như nhà nước) và đều được dùng để nói đến xã hội văn minh đối lập với xã hội hoang dã được tách ra khỏi nhà nước, được sử dụng để chỉ những mặt phi nhà nước của xã hội, ở vị trí ngày càng cách xa nhà nước.

Tư tưởng về XHCD có nguồn gốc từ lí thuyết về luật tự nhiên xuất hiện trong tư tưởng của các nhà triết học theo trường phái khắc kỉ sau sự tan rã của thành bang Hy Lạp. Người trình bày rõ ràng nhất về luật của tự nhiên là Cicero. Ông viết: “Có một luật thực sự trong thực tế - gọi là lí trí đúng đắn - phù hợp với tự nhiên, phổ biến trong tất cả các sinh vật, không thay đổi và không diệt vong. Bằng cách ra lệnh, nó buộc con người phải thực hiện các nghĩa vụ; bằng cách ngăn cấm, nó ngăn cản con người làm những điều sai trái. Mệnh lệnh và sự ngăn cấm đó chỉ có ảnh hưởng đối với những người tốt mà không ảnh hưởng đến người xấu. Làm cho luật này mất hiệu lực bằng cách lập pháp, về mặt đạo đức, là không đúng hay hạn chế ảnh hưởng của nó là không thể chấp

nhận được và xoá bỏ nó hoàn toàn là không thể”⁵. Trên cơ sở luật tự nhiên, ông cho rằng con người có các quyền tự nhiên không thể chuyển nhượng được. Người sở hữu quyền này không thể từ bỏ nó, dù tự nguyện hay không tự nguyện, không một người, một nhóm người hoặc một thể chế nào có thể tước đoạt nó khỏi anh ta.

Nghiên cứu của các nhà tư tưởng, bắt đầu từ Platon và đặc biệt là Hobbes, Locke, Rousseau đã tạo ra lí thuyết khế ước xã hội. Con người quan sát ở nhà nước tiếng nói của khế ước vì đó là phương tiện duy nhất để gìn giữ hoà bình. Con người không còn sống như những cá nhân độc lập và tách biệt mà tập hợp lại hình thành một ý chí chung. Do đó, họ cũng không giữ lại những quyền làm tổn hại đến sự liên kết. Tất cả các quyền đó được chuyển nhượng cho nhà nước. Con người cho dù có phân biệt được cái thiện và cái ác nhưng họ không có quyền lựa chọn mà chỉ có nghĩa vụ làm theo khế ước.

XHCD được hình thành ở thời điểm con người tự nguyện bước vào sự trao đổi qua lại với nhau. Chính là khế ước xã hội đã đưa con người từ trạng thái “tự nhiên” (dã man, cảm tính) sang trạng thái “công dân” (văn minh, lí tính) của XHCD. Như vậy, quyền lực của cơ quan chính trị sinh ra từ tổng hoà của những sự nhượng quyền của các cá nhân. Nhà nước sinh ra từ sự từ bỏ quyền lực của những con người để đi vào xã hội cấu thành tổ chức chính trị. Do đó, khi đã bước vào xã hội chính trị, con người sẽ tự nguyện chấp nhận những qui chế của xã hội đó.

Nhưng khế ước xã hội chỉ có thể ra đời khi có ít nhất hai điều kiện, đây cũng là hai điều kiện quan trọng quyết định sự tồn tại của XHCD:

Về mặt xã hội, đó là sự phát triển nhận thức của cá nhân trong xã hội hay quá trình tìm kiếm điểm chung trong sự khác biệt. Về kinh tế, đó là sự ra đời của sở hữu tư nhân TBCN. XHCD hiện đại chỉ được phát triển đầy đủ trên cơ sở quan hệ thị trường và sự ra đời của các quốc gia – dân tộc. Trong đó, thị trường đã tạo ra mối liên hệ phổ biến giữa các cá nhân vượt ra khỏi khuôn khổ của một cộng đồng thân tộc khép kín và định hình các mối quan hệ ấy bằng các khế ước.

⁵ Seligman, Adam B. , “*The Idea of Civil Society*”, Princeton University Press, tr.17

Như vậy, không phải bất cứ xã hội nào cũng là XHCD. Một xã hội chỉ phát triển trở thành XHCD khi ý thức chính trị của công dân đã phát triển đến một trình độ nhất định, khi nhà nước tôn trọng quyền công dân và công dân tôn trọng pháp luật, ý thức được mình là công dân của một nhà nước, là thành viên của một cộng đồng khi xã hội đã đạt đến một trình độ nhất định của văn minh vật chất và tinh thần.

Quan niệm về bản chất của XHCD cũng có những biến đổi trong những thời kì lịch sử khác nhau. Nếu XHCD truyền thống là lĩnh vực của đạo đức, XHCD thời kì cận đại được qui về tính ích kỉ, qui về lợi ích duy lí của các cá nhân thì XHCD hiện đại lại được coi là lĩnh vực trao đổi qua lại giữa các cá nhân để hình thành lợi ích cộng đồng.

Mối quan hệ biện chứng giữa lĩnh vực công cộng và lĩnh vực tư nhân được coi như những yếu tố cấu thành XHCD. Những sự đối lập giữa cá nhân và xã hội, giữa tư nhân và công cộng, giữa chủ nghĩa vị kỉ và chủ nghĩa vị tha, cũng như giữa cuộc sống được điều chỉnh bởi lí trí và cuộc sống được điều chỉnh bởi sự ham mê trên thực tế đã cấu thành nên sự tồn tại của con người trong xã hội hiện đại.

XHCD cũng như nhà nước, tự nó không có quyền lực; chỉ các cá nhân là có quyền. Nhưng con người luôn có xu hướng tồn tại trong cộng đồng, vì vậy, bản chất của XHCD là quan hệ giữa các cá nhân với nhau và với cộng đồng trong sự điều chỉnh của đạo đức và lí trí.

Về mặt nguyên tắc, XHCD có thể giải thích được sự trao đổi qua lại giữa con người với tư cách những cá nhân trong mối quan hệ với những người khác. Các nhà nghiên cứu đều tập trung vào mối quan hệ có vấn đề giữa lĩnh vực tư nhân và lĩnh vực công cộng, giữa cá nhân và xã hội, giữa đạo lí và tư lợi, giữa ham muốn cá nhân và lợi ích cộng đồng khi bàn về bản chất của XHCD.

Vai trò của XHCD được xem xét trong mối quan hệ với xã hội và nhà nước vì mặc dù các tổ chức của XHCD được lập ra đều nhằm đạt được một mục tiêu nào đó; nhưng XHCD với tư cách một tổng thể, không có mục đích; đó là sự tổng hợp ngẫu nhiên kết quả hoạt động của các tổ chức có mục đích.

Đối với xã hội, XHCD là trường học dân chủ, quá trình tham gia vào XHCD là quá trình xã hội hoá các cá nhân và củng cố, bảo vệ lợi ích cộng đồng. **Đối với nhà nước,** XHCD vừa hỗ trợ, phối hợp với nhà nước; vừa giám sát, phản biện nhà nước.

XHCD và nhà nước được coi là phụ thuộc lẫn nhau và là bộ phận của hệ thống giám sát và cân bằng dân chủ. Nhưng XHCD cũng được coi như sự bảo đảm chống lại nhà nước chuyên quyền và lĩnh vực công cộng là lĩnh vực đấu tranh chống lại sự độc tài của nhà nước.

Ngày nay, người ta có xu hướng kết hợp cả hai loại quan điểm trên về chức năng của XHCD. XHCD được ví như người quan sát, một lực lượng luôn theo dõi nhà nước. XHCD quyết định tính chính đáng của quyền lực nhà nước nhưng XHCD cũng không can thiệp vào nhà nước nhiều hơn việc giám sát và trừng phạt để không làm rối loạn trật tự xã hội. Với những phân tích trên đây, có thể nói XHCD là cơ sở và điều kiện tồn tại của NN PQ.

Cách phân tích mới trong lý thuyết XHCD lần đầu tiên xuất hiện trong các nước XHCN Trung – Đông Âu. Các phong trào đối lập dân chủ trong khu vực (nhất là Ba lan) sử dụng tư tưởng về XHCD làm lý thuyết cho cuộc đấu tranh của họ nhằm tạo ra một lĩnh vực xã hội được bảo vệ tách biệt với lĩnh vực chính thức của hệ thống bao gồm tất cả đảng – nhà nước.

Trong dòng chảy của khoa học chính trị, khái niệm này được dùng để giải thích cho sự sụp đổ của CNXH hiện thực và của các chế độ toàn trị, thông qua sự hồi sinh rõ rệt của đời sống hiệp hội như là cơ sở của sự kháng cự chính trị phổ biến. Ở đây, thuật ngữ XHCD trở thành trung tâm trong ngôn ngữ phân tích cái gọi là “làn sóng thứ ba” của dân chủ hoá kể từ những năm 1980, đặc biệt là ở Trung và Đông Âu. Ở đây, sự đối lập giữa “XHCD” và “xã hội mông muội” mà các nhà nghiên cứu Scotland thời kì Khai sáng đề cập đến được thay thế bằng sự đối lập mới giữa XHCD và xã hội toàn trị. Cách hiểu này về XHCD giờ đây được chấp nhận một cách phổ biến nhờ làn sóng dân chủ hoá thứ ba. Người ta coi XHCD như “lĩnh vực của đời sống xã hội có tổ chức tự nguyện,

tự tổ chức, (về cơ bản, tự trang trải, tự trị đối với nhà nước, và được ràng buộc bởi trật tự pháp luật hoặc hệ thống những luật lệ chung” (Larry Diamond). Định nghĩa này không chỉ đơn giản mô tả mà gồm cả tiến trình qui chuẩn rõ ràng. Nó bao gồm: Thứ nhất, XHCD liên quan đến cộng đồng chứ không phải mục tiêu cá nhân; thứ hai, nó không tìm kiếm quyền lực nhà nước và thứ ba, các hiệp hội của nó mang tính đa nguyên và đa dạng.

Xu hướng toàn cầu tiến tới dân chủ đã tạo ra chỗ đứng cho XHCD trong các quốc gia trên toàn thế giới. Người dân nhìn XHCD như một cách thức để đổi mới xã hội. XHCD trở thành nhân tố trung tâm của hệ tư tưởng của thời đại thời kì hậu chiến tranh lạnh.

Từ những quan niệm hiện đại về XHCD, ta có thể rút ra một số đặc trưng của XHCD như sau:

- Là một lĩnh vực phi nhà nước gồm các tổ chức ngoài nhà nước, gồm các tổ chức ngoài nhà nước, không mang dấu hiệu quyền lực công.
- Là một thiết chế mang tính dân chủ
- Tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tức là đề cao tính đồng thuận, chia sẻ về lợi ích và hệ giá trị
- Tự chủ, độc lập (tương đối) về tài chính
- Hoạt động không nhằm mục tiêu lợi nhuận
- Đa dạng về thiết chế và hình thức tổ chức, phong phú về mục tiêu cụ thể, tập hợp rộng rãi các thành phần xã hội.

Nửa sau thế kỉ 20, cả nhà nước và XHCD ở phương Tây đã thay đổi. Các nhà nước phương Tây không ngừng chia sẻ các cơ cấu tổ chức độc quyền về bạo lực và quản lý đời sống kinh tế. Chúng tạo ra các điều kiện để toàn cầu hóa về kinh tế và văn hóa. Các tổ chức XHCD thấy mình đang đối đầu với một loại quyền lực nhà nước toàn cầu được tăng thêm nhiều lần sức mạnh. Trong điều kiện đó, XHCD phải đổi mới sang các thể chế ít chính thức hơn, ít gắn với lợi ích xã hội cụ thể hơn và ít mang tính dân tộc

hơn. Các NGOs chuyển dần thành các NGOs toàn cầu với những định hướng toàn cầu, các thành viên và các hoạt động toàn cầu.

Sự ra đời của khái niệm XHCD toàn cầu gắn liền với cuộc đấu tranh giữa các lực lượng tinh hoa toàn cầu và các lực lượng XHCD toàn cầu được xác định bởi sự căng thẳng giữa hai quan điểm xung đột sâu sắc về thế giới: quan điểm cộng đồng và quan điểm đế chế.

Cụm từ “XHCD toàn cầu” xuất hiện vào nửa sau thế kỉ 20 và chỉ sau hai thập kỉ nó đã lan truyền trong giới hàn lâm và chính trị. Sự xuất hiện của XHCD toàn cầu có thể được coi như đáp lại sự toàn cầu hóa quyền lực nhà nước và như một nguồn gây áp lực cho quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng.

Về mặt cấu trúc, *XHCD toàn cầu bao gồm tất cả các hiệp hội trừ các chính phủ, các chủ thể khu vực tư nhân và gia đình, hoạt động mang tính quốc tế.*⁶

XHCD toàn cầu liên quan đến ba vấn đề: Thứ nhất, nó liên quan đến các hành động có tổ chức (như các cuộc biểu tình chống các tập đoàn tài chính và kinh tế để làm chậm lại chu kì suy thoái). Thứ hai, nó tạo ra các cấu trúc xã hội và kinh tế mới. Và thứ ba, nó là sự thức tỉnh lương tâm và trách nhiệm của con người.

Trong môi trường toàn cầu hóa hiện nay, không một hình thức chính trị nào có thể tồn tại biệt lập. Chủ nghĩa địa phương cần phải nghĩ đến một trật tự thế giới rộng lớn hơn. Chủ nghĩa thế giới gián tiếp biến đổi ở cấp độ địa phương, quốc gia và khu vực. Để có thể gây ảnh hưởng đến các quan hệ giữa các nước, các phong trào xã hội phải vượt ra khỏi cơ sở nhà nước của nó. Chúng cần phải ảnh hưởng đến tất cả các nhà nước liên quan đến từng loại quan hệ cụ thể giữa các nước. Điều này đến lượt nó lại đòi hỏi các phong trào tương ứng trong từng nước và phát triển các mối liên kết xuyên quốc gia, gồm cả các chiến lược chung. Các mạng lưới toàn cầu đã thể hiện sự thống nhất của con

⁶Xem Leni Wild, Strengthening global civil society, tr.8

người và sự nổi lên của XHCD toàn cầu đã nhấn mạnh sự phức tạp và bất đối xứng của thế giới.

Các phong trào XHCD toàn cầu nổi lên liên tiếp nhanh chóng như lời đáp lại sự thức tỉnh lương tâm về trách nhiệm tạo ra những cộng đồng dân chủ thực sự. Mỗi người tìm kiếm sự thay đổi thông qua những phương tiện phi bạo lực. Họ tìm kiếm cuộc sống trong một hiện thực mới thông qua các cá nhân và các hành động hợp tác.

Các nhà lãnh đạo kinh tế và chính trị của các quốc gia và các thể chế chỉ có hai lựa chọn: Hoặc tham gia một cách thành thật vào XHCD và đề cao tiến trình ba phần có thể đưa đến sự phát triển bền vững, hoặc họ có thể bỏ qua XHCD toàn cầu nhưng sẽ phải đối mặt với nguy cơ mất đi quyền lực của chính mình.

CHƯƠNG 2

QUAN NIỆM CỦA CÁC MÁC VỀ XÃ HỘI CÔNG DÂN

2.1. Quan niệm của C. Mác về sự ra đời, bản chất, chức năng của XHCD

Mác phủ nhận nguồn gốc tự nhiên của XHCD, coi XHCD là một hiện tượng lịch sử. XHCD xuất hiện trong xã hội hậu phong kiến với sự phân tách lĩnh vực nhà nước với lĩnh vực tư nhân và XHCD chỉ xuất hiện cùng với giai cấp tư sản.

XHCD không chỉ đơn thuần là tập hợp các cá nhân mà trước hết và chủ yếu là một hệ thống hoàn chỉnh các mối liên hệ của cá nhân thông qua các quan hệ kinh tế, pháp lý và các quan hệ khác. XHCD chỉ có thể xuất hiện khi “nhà nước chính trị” đã tách ra khỏi “nhà nước phi chính trị. Ông khẳng định XHCD là một lĩnh vực tồn tại độc lập với nhà nước (lĩnh vực phi chính trị), mặc dù hoạt động của XHCD mang những hình thức chính trị nhất định.

Mác đặc biệt nhấn mạnh tính chất khách quan và cơ sở kinh tế của XHCD. Ông cho rằng các quan hệ kinh tế là cốt lõi của XHCD, do vậy, chìa khoá để giải phẫu XHCD nằm trong kinh tế - chính trị. XHCD chỉ có thể xuất hiện khi đã có chế độ chính trị, với tính cách là chế độ chính trị, chỉ phát triển ở những nơi nào lĩnh vực tư nhân đã tồn tại độc lập. Đây là điều kiện cần thiết để những cá nhân trong xã hội tự xác định tư cách, địa vị và quan hệ của mình với nhau và với nhà nước

Như vậy, có hai điểm quan trọng trong cách xác định vị trí của XHCD trong quan niệm của Mác: Một mặt XHCD được coi là xuất hiện có điều kiện. Mặt khác, XHCD là vô số những quan hệ thay thế và vượt qua những giao dịch trực tiếp ổn định tương đối và trong phạm vi một cộng đồng nhỏ. Khi quan niệm như vậy, Mác đồng ý với các nhà tư tưởng trước đó về cơ sở kinh tế của XHCD - sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cơ sở xã hội của nó - sự phát triển nhận thức của con người. Tuy nhiên, Mác thêm vào XHCD yếu tố giai cấp, coi đó là một trong những cơ sở xã hội của XHCD.

Như vậy, trong quan niệm của Mác, *XHCD chỉ có thể ra đời trong một điều kiện lịch sử nhất định*:

i) Về kinh tế, đã xuất hiện các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

ii) Về xã hội, đã xuất hiện giai cấp tư sản.

iii) Về chính trị, đã có một chế độ chính trị thực sự, nghĩa là đã có sự phân biệt đời sống nhân dân nói chung và đời sống nhà nước.

Những điều kiện này đã tất yếu xuất hiện nhu cầu giao tiếp xã hội giữa các cá nhân các cộng đồng, và quan trọng hơn đã đảm bảo cho các cá nhân và các cộng đồng quyền tự do quyết định vận mệnh của mình (dân chủ) và tự do liên hiệp lại vì những mục đích chung.

Mác khẳng định XHCD là cơ sở của nhà nước. Nghĩa là các hình thức tồn tại và hoạt động của XHCD trong mỗi loại hình nhà nước có thể khác nhau, nhưng XHCD bắt đầu ra đời từ khi nhà nước hình thành và sống cuộc sống riêng với đầy đủ những hình thức và nội dung của nó khi chủ nghĩa tư bản phát triển đầy đủ.

XHCD là sự biểu hiện đích thực những thực tế của lịch sử. XHCD được đưa ra như một nền tảng căn bản của bất kì xã hội nào và nội dung của XHCD khi đã được phát triển đầy đủ và tỏ ra phù hợp với hình thức thì *XHCD được xác định bởi những yếu tố phù hợp với lực lượng sản xuất*.

Trong quan niệm của Mác, XHCD không phải là lĩnh vực chính trị, nhưng mọi hoạt động của XHCD đều có ảnh hưởng đến nhà nước. Vì vậy, các thể chế của XHCD mang những hình thức chính trị nhất định. Khi tuyên bố rằng lịch sử của tất cả các xã hội cho đến nay là lịch sử đấu tranh giai cấp, ông muốn nói rằng đó chính là các cuộc đấu tranh trong XHCD. Các cuộc đấu tranh đó mang những hình thức khác nhau trong những thời kì lịch sử khác nhau, thu được những kết quả khác nhau, nhưng mục tiêu của chúng là bảo vệ và mang lại nhiều tự do hơn cho con người.

Mác đưa ra mối quan hệ rất mạnh giữa liên hiệp các tổ chức xã hội với việc cai trị quản lý một cách dân chủ. Nhà nước tàn lụi đi vì các chức năng của nó được chuyển cho các cấu trúc xã hội. Chính vì thế, khi xã hội phát triển đến một giai đoạn nào đó, khi nhà nước tiêu vong – tức nhà nước chính trị mất tính chất chính trị, “XHCD” sẽ đảm nhiệm chức năng quản lý xã hội trước đó của nhà nước.

Cũng trong quan niệm của ông, XHCD đồng thời thực hiện chức năng với các cá nhân (chức năng của XHCD là hiện thực hoá và xã hội hoá các cá nhân tự do), chức năng với xã hội (củng cố và bảo vệ lợi ích cộng đồng) và chức năng với nhà nước (là cơ sở của nhà nước).

Khi bàn về bản chất của XHCD, một mặt, Mác cho rằng bản chất của con người là ích kỉ, tư lợi. Nhưng mặt khác, ông khẳng định rằng con người cũng mang bản chất cộng đồng và chính bản chất cộng đồng này mới là cái cấu thành nên bản chất thật sự của XHCD.

Ông ghi nhận rằng tự do cá nhân cũng như việc sử dụng tự do này, tạo ra cơ sở của XHCD. Mỗi người sẽ liên kết với các công dân khác, và nhà nước không còn được coi là một công cụ để bảo vệ các quyền nữa; do đó các cá nhân có thể đạt được mục tiêu ích kỉ của mình nhưng với tư cách một thực thể, thông qua XHCD.

Mặc dù theo đuổi lợi ích cá nhân và tìm cách thỏa mãn những nhu cầu cá nhân, nhưng con người tồn tại và phát triển không phải trong một môi trường tách biệt mà trong mối liên hệ với những cá nhân khác. Sự tương tác về lợi ích và nhu cầu, sự phụ thuộc lẫn nhau của các cá nhân trong cuộc sống cộng đã quy định bản chất cộng đồng của XHCD.

Khi bàn về bản chất của XHCD, Mác cho rằng XHCD là một hình ảnh sống động mà thông qua việc nghiên cứu nó, người ta hiểu được tại sao thế giới này lại mang bản chất xã hội. Ông coi khám phá XHCD giúp làm rõ hơn cơ chế bí ẩn và khó hiểu của cơ cấu xã hội, hiểu được tại sao con người lại sống thành xã hội và hiểu được những mối

quan hệ mong manh giữa đòi hỏi của quyền lực bên ngoài và lợi ích riêng của mỗi cá nhân, giải thích các mâu thuẫn giữa cái chúng ta muốn làm với tư cách cá nhân và cái chúng ta phải làm hoặc không được làm với tư cách một thành viên của xã hội.

2.2. XHCD, Nhà nước và vấn đề giải phóng con người

Xem xét lại những luận điểm biện chứng duy tâm của Hegel về quan hệ giữa XHCD và nhà nước, Mác đi đến kết luận rằng: chỉ có thể phát hiện ra bí ẩn của chế độ nhà nước khi phân tích cơ cấu của XHCD.

Mặc dù trong xã hội có giai cấp, nhà nước bao giờ cũng bị chi phối bởi giai cấp của kẻ mạnh, XHCD vẫn là cơ sở của nhà nước, nếu phá vỡ XHCD thì đồng thời cũng phá huỷ luôn cả lý do tồn tại của nhà nước. Tuy nhiên, chính nhà nước duy trì sự tồn tại của mình bằng cách *chia rẽ* các lợi ích trong XHCD, khiến mọi người đều phải *cần nhà nước* để quản lý sự chia rẽ đó, và do vậy, triệt tiêu *sức mạnh* của XHCD.

Cả Mác và Hegel coi sự tách biệt nhà nước và XHCD như cái gì đó cần phải thay thế, vượt qua bằng một trật tự cao hơn

Trong “Lịch sử liên minh của những người cộng sản”, Ăng ghen ghi nhận: “Mác (...), trong “Biên niên sử Đức – Pháp” (1844) đã khái quát hoá “XHCD” nói chung. Không phải là Nhà nước với những điều kiện qui định XHCD mà chính XHCD đưa ra các điều kiện và qui định nhà nước, và mặc nhiên, dẫn đến chính sách và lịch sử của chính sách sẽ được làm rõ từ các mối quan hệ kinh tế và quá trình phát triển của các mối quan hệ đó, và không thể đảo ngược lại”. Mác cũng đã ghi nhận lại điều này: “...Nhà nước buộc phải thừa nhận XHCD, hồi phục nó và chịu sự thống trị của nó⁷”.

XHCD và vấn đề giải phóng con người

Trong quan niệm của Mác, những cá nhân và thành viên của XHCD trên thực tế là, và ở một mức độ nào đó, sẽ là, là một. Vì vậy, sử dụng hình ảnh và tư tưởng về XHCD chính là một cách để bước vào những vấn đề lớn hơn về bản chất của thế giới xã

⁷C. Mác và Ăng ghen (1995), Toàn tập, tập I, Nxb CTQG, HN, tr. 534

hội. Chính vì vậy, *Mác sử dụng XHCD để cố gắng tìm kiếm xem động lực nào là phù hợp cho một xã hội mới của tương lai*. Sự tách biệt XHCD với nhà nước (tức sự tha hóa của XHCD thành XHCD) này cần phải khắc phục ở mức độ cao hơn (phủ định của phủ định). Sự tái đồng nhất XHCD với nhà nước sẽ tái thiết lập (hay quay trở lại với) XHCD (trong đó nhà nước mất tính chính trị chỉ còn các chức năng quản lý xã hội đơn thuần).

Mác coi sự giải phóng giành được bởi từng nhóm nhỏ thông qua nhà nước là sự giải phóng chính trị; giải phóng chính trị không phải là giải phóng con người; sự giải phóng hoàn toàn con người chỉ có thể đạt được thông qua nhà nước. Và ông đi đến kết luận rằng Cách mạng xã hội không phải là cách mạng con người, nó chưa đầy đủ

Tuy nhiên, ông cũng lưu ý rằng chỉ nhân danh quyền lợi chung của xã hội thì một giai cấp cá biệt mới có thể đòi hỏi sự thống trị phổ biến. Điều đó cho thấy rằng, bất kỳ một đảng chính trị hiện đại nào một lực lượng xã hội hiện đại nào muốn giành thắng lợi, thì phải giành thắng lợi cuối cùng ở XHCD. Chúng ta có thể khẳng định rằng, nếu vấn đề nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, thì vấn đề XHCD là mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc cách mạng.

2.3. A. Gramsci bổ sung và phát triển quan niệm của Mác về XHCD

Đối với Gramsci, cũng như với nhiều nhà Mác xít khác vào đầu thế kỷ XX, vấn đề mà lý thuyết của Mác không giải quyết thỏa đáng là “tại sao quần chúng lại **không** làm cách mạng, khi mà đời sống và các mâu thuẫn kinh tế gay gắt như vậy?”. Theo Gramsci, nhà nước tư sản *không chỉ thuần túy sử dụng vũ lực và cưỡng ép thô bạo*, (hoặc bằng chuyên chính tư sản thông qua bạo lực nhà nước, hoặc bằng sự ép buộc kinh tế thông qua chiếm giữ, duy trì sở hữu tư liệu sản xuất), mà còn thông qua việc *ché tạo ra sự đồng thuận*. Để làm được việc đó, giai cấp cầm quyền sử dụng vị trí tiên phong của mình. Vị trí tiên phong này được tạo ra bằng cách quảng bá *hệ tư tưởng* của giai cấp cầm quyền, làm cho nó ăn sâu vào quần chúng.

Quyền uy do vị trí tiên phong này được tạo ra như vậy không đơn giản dựa trên sự cưỡng bức, mà còn *dựa trên sự đồng thuận* tự nguyện được tạo ra. Thay vào sự nhấn mạnh quá mức các quan hệ kinh tế vật chất, ông nhấn mạnh cả vào khía cạnh văn hóa, hệ tư tưởng, hệ giá trị đang chiếm ưu thế rộng rãi, đến mức trở thành “mặc định”, được mọi người chấp nhận mặc nhiên, không có gì phải nghi vấn.

Đối với ông, gia đình cũng thuộc vào XHCD! Lý do chính là vì với cách nhìn nhận về tính tiên phong, thì gia đình là một thiết chế có *vai trò trung tâm* trong việc hình thành *quan điểm* chính trị cá nhân. Gia đình cũng còn là *công cụ quan trọng* trong việc *truyền tải và nuôi dưỡng văn hóa, truyền thống*. Nói cách khác, gia đình là công cụ quan trọng trong việc tạo lập tính *tiên phong [văn hóa]* vì nó ảnh hưởng đến quan điểm, hệ giá trị mặc định của quần chúng nhân dân, của một đa số trong xã hội, và từ đó, ảnh hưởng đến sự đồng thuận tự nguyện, thường trực vốn rất cần thiết cho sự ổn định và tồn tại của hệ thống.

Tương tự vậy, các thể chế khác như nhà thờ, trường đại học, các câu lạc bộ , phong trào, v.v. cũng được Gramsci coi là thuộc thành phần XHCD, nhưng không phải vì *tính tự nguyện* của chúng như các nhà nghiên cứu khác thường nhấn mạnh, mà trước hết và chủ yếu là vì chúng là nơi sản xuất, nuôi dưỡng, truyền bá ... tư tưởng và văn hóa, tức là từ *vai trò* của chúng trong việc tái tạo các yếu tố cần thiết bảo đảm sự *tiên phong, hegemony*, của giai cấp cầm quyền (dù là tư sản hay vô sản), và từ đó, cần thiết cho sự tồn tại và ổn định của cả hệ thống.

Như vậy quan điểm của Gramsci khác với Mác ở mấy điểm quan trọng sau:

i – XHCD không chỉ là hệ thống các lợi ích với lợi ích kinh tế là chủ yếu và quyết định. XHCD cần được phân tích và nhìn nhận như hệ thống các tư tưởng, các giá trị văn hóa, và các lợi ích xã hội khác. Nếu nhìn nhận như vậy, thì **XHCD như vậy sẽ thuộc vào thượng tầng kiến trúc**, khác với Mác như đã nói ở trên.

ii – Do vai trò trung tâm của hệ tư tưởng đối với vị trí tiên phong và từ đó, đối với sự thống trị, nên hệ tư tưởng, giá trị văn hóa có *sự độc lập nhất định* đối với lĩnh vực kinh tế. Tức mối quan hệ giữa thượng tầng và hạ tầng *phức tạp* hơn Mác quan niệm.

Tổng kết lại, có thể thấy Gramsci coi sự thống trị (của giai cấp tư sản) dựa vào hai nền tảng có tính độc lập tương đối và quan trọng như nhau:

1 – Sự chiếm ưu thế về kinh tế.

2 – Sự chiếm ưu thế về tri thức và hệ giá trị đạo đức, thông qua thiết lập tính tiên phong về hệ tư tưởng và các giá trị văn hóa trong xã hội.

Ông tập trung vào cơ sở thứ hai, vì theo ông, nó sẽ bổ sung và tăng sức mạnh cho lý thuyết của Mác khi giải thích phát triển xã hội.

Theo Paul Ransome (1992), Gramsci đã bổ khuyết cho Mác hai điểm yếu quan trọng :

i – Mác đã quá nhấn mạnh rằng các phát triển xã hội luôn khởi nguồn từ kinh tế, từ cấu trúc của các hoạt động kinh tế.

ii - Mác đã quá tin tưởng vào khả năng cách mạng do sự bùng nổ, tự giác ngộ về ý thức giai cấp của công nhân.

Lý luận của Gramsci có nghĩa rằng giai cấp công nhân khi nắm quyền cũng cần thiết phải phát triển vị trí “tiên phong” trong lý luận và hệ giá trị. Cách thức đảm bảo sự chiếm ưu thế đó không thể chỉ bằng cưỡng ép mang tính quyền lực, mà quan trọng hơn, và về lâu dài như Gramsci phân tích, là phải tính đến quyền lợi, hệ giá trị của các nhóm khác, các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội và kết hợp dần vào hệ giá trị và hệ tư tưởng của mình, một cách nhất quán và thuyết phục.

Có 2 cách kiểm soát sự ổn định của hệ thống :

1 – Cách thức sử dụng cưỡng bức, tức quyền lực: có tác dụng nhất khi nhà nước chưa có được mức độ công nhận về tính tiên phong tư tưởng cao, hoặc sự tiên phong đó còn mong manh và phân tán. Đây cũng là sự lãnh đạo thông qua nắm quyền lực.

2 – Cách thức sử dụng sự đồng thuận: có hiệu quả cao khi đã tạo lập được XHCD, hệ giá trị của mình được chấp nhận rộng rãi, khi các cá nhân đã chấp nhận một cách tự nguyện quan điểm và hệ giá trị của giai cấp cầm quyền. Đây là sự lãnh đạo thông qua sự chiếm ưu thế.

Cả hai cách thức như vậy đều liên quan mật thiết với cách phân tích về tính chính đáng của quyền lực trong nghiên cứu chính trị học. Xã hội sẽ có các biến chuyển không phải *chủ yếu* do giai cấp đột nhiên tỉnh ngộ, ý thức được “giai cấp vì nó”, mà chính là kết quả của quá trình liên minh lâu dài và âm thầm trước đó. Trong quá trình này, các liên minh giữa các nhóm có cùng lợi ích, đã phát triển dần vị trí bá quyền tư tưởng của mình một cách vững chắc và rộng rãi. Một khi vị trí bá quyền tư tưởng bị thay đổi thì đó cũng chính là lúc các biến chuyển xã hội sẽ diễn ra không thể ngăn cản. Nói cách khác, phải chinh phục XHCD mới chinh phục được nhà nước một cách vững bền.

Với những giá trị đã được thử thách qua thời gian, cần coi các tác phẩm của Gramsci như là các cố gắng phát triển chủ nghĩa Mác, đặc biệt là cung cấp thêm một cách hiểu *phong phú và linh hoạt hơn* về mô hình hạ tầng cơ sở - thượng tầng kiến trúc của lý thuyết hình thái kinh tế xã hội của Mác.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ

XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

XHCD là lĩnh vực hoạt động tập thể tự nguyện nhằm chia sẻ với nhau về mặt lợi ích, giá trị, thông tin... đồng thời, thông qua các tổ chức này nhằm củng cố, bảo vệ và phát triển lợi ích cộng đồng. Cùng với sự phát triển của NNPQ và KTTT, XHCD đang phát triển mạnh mẽ và ngày càng có vai trò, ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, *khái niệm XHCD vẫn là một khái niệm mới*, được du nhập vào Việt Nam cùng với các khái niệm tự do, bình đẳng ... đầu thế kỉ 20 và được quan tâm đặc biệt trong vài năm trở lại đây trong quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặc dù một số yếu tố của XHCD đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử, phải đến sau khi giành độc lập, Việt Nam mới xây dựng một chế độ chính trị do người dân lao động làm chủ. Độc lập dân tộc có thể coi như tiền đề xuất hiện XHCD ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trước năm 1986, các tổ chức XHCD chủ yếu bao gồm các tổ chức quần chúng, thường được gọi là các tổ chức chính trị – xã hội. Đây là những tổ chức được thành lập ra vào những năm 1930, gắn bó mật thiết với Đảng và hoạt động dưới ngọn cờ Mặt trận Tổ quốc. Vào giữa thập kỷ 90, các nhóm không chính thức cũng bắt đầu xuất hiện. Các nhóm này được chính quyền địa phương biết đến, chấp nhận và thông thường được một tổ chức chính thức bảo trợ. Các mối quan hệ quốc tế đã tăng lên đáng kể từ sau 1990. Các tổ chức ĐTND có các mối quan hệ truyền thống và tích cực với các tổ chức quốc tế ở cấp độ toàn cầu. Không gian hoạt động dành cho XHCD khá hạn hẹp, nhưng không gian này đã được nói rộng từ những năm 1990, mặc dù hệ thống chính trị nước ta vẫn không có thay đổi nhiều.

Về mặt cấu trúc, XHCD Việt Nam hiện bao gồm các tổ chức sau:

1. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, thuộc hệ thống chính trị
2. Các tổ chức xã hội – nghề nghiệp
3. Các hiệp hội kinh tế

4. Các hợp tác xã
5. Các tổ chức của các giới
6. Các nhóm, các tổ chức lợi ích, từ thiện, nhân đạo, hữu nghị
7. Các tổ chức phi chính phủ.

XHCD Việt Nam có một số **đặc điểm** sau:

1. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nòng cốt của XHCD Việt Nam*
2. *Mật độ thành viên của các tổ chức XHCD ở Việt Nam là rất cao.*
3. *Sự phối hợp hoạt động của các tổ chức XHCD chưa tốt.*
4. *Các nguồn lực cho hoạt động của các tổ chức XHCD còn thiếu nhiều.*

Việt Nam đang đứng trước tất yếu khách quan phải xây dựng XHCD dựa trên các căn cứ chính yếu sau:

Thứ nhất, xuất phát từ đòi hỏi của quá trình phát triển đất nước. XHCD được xem như động lực cho sự phát triển đất nước. Phát triển tạo ra tri thức và cả nguồn lực kinh tế cho XHCD phát triển.

Thứ hai, tính tất yếu khách quan của việc xây dựng XHCD ở nước ta còn xuất phát từ tiến trình dân chủ hóa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. XHCD là xã hội dân chủ. XHCD chính là một thước đo quan trọng quyền làm chủ của người dân trong xã hội văn minh. Ngược lại, trình độ dân chủ hoá trong một xã hội lại chính là tiền đề quyết định của sự phát triển bền vững xã hội.

Thứ ba, xuất phát từ quá trình xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Mục đích của nền KTTT XHCN ở nước ta là phát huy tiềm năng và năng lực tối đa của các thành phần kinh tế phục vụ cho sự phát triển đất nước. Để làm được điều đó đạt hiệu quả cao nhất thì bản thân nhà nước làm là chưa đủ, cần sự hỗ trợ rất hữu hiệu của các tổ chức XHCD.

Thứ tư, xuất phát từ quá trình xây dựng và hoàn thiện NNQP XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay. Ý nghĩa to lớn của tư tưởng NNQP là ở việc tạo ra một hệ thống các quan hệ nhà nước - pháp luật bảo đảm sự thống trị của

pháp luật trong tất cả các lĩnh vực quan hệ xã hội, bảo đảm sự bình đẳng của cá nhân và nhà nước. Mối quan hệ giữa nhà nước và XHCD còn là mối quan hệ *giữa quyền lực công cộng và tự do cá nhân*. XHCD càng phát triển thì càng có nhiều cơ sở cho hình thức dân chủ nhà nước. Và ngược lại, XHCD càng phát triển yếu ớt bao nhiêu thì sự tồn tại của các chế độ chuyên quyền và độc đoán của quyền lực nhà nước càng dễ xảy ra bấy nhiêu.

Thứ năm, xây dựng và vận hành XHCD ở nước ta hiện nay còn là đòi hỏi từ quá trình tham gia toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Việt Nam chúng ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng và có hiệu quả vào cộng đồng nhân loại. Chính điều đó đặt ra yêu cầu xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay. Nó sẽ tạo ra những khả năng rất lớn để chúng ta phát huy được nội lực và hội nhập thành công với quốc tế.

Thứ sáu, phải xây dựng XHCD để khắc phục thực trạng tồn tại và hoạt động của các thành tố của XHCD ở nước ta hiện nay. Những tiền đề, thành tố cơ bản của XHCD đã có ở Việt Nam và đã khẳng định được vị trí, vai trò, chức năng trong quá trình phát triển đất nước. Tuy nhiên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội vẫn còn hoạt động theo một phương thức và cách thức chưa phải của XHCD. Chính vì vậy, chưa trở thành kênh giám sát và phản biện xã hội đối với chính sách của nhà nước. Đó là lý do rất căn cốt để dẫn tới cần phải xây dựng XHCD ở nước ta hiện nay.

Một số giải pháp xây dựng xã hội công dân ở Việt Nam

1. Nâng cao nhận thức về XHCD

Vấn đề XHCD ở nước ta chưa được nhận thức đầy đủ và thỏa đáng. Chúng ta chưa có một cách tiếp cận đầy đủ và toàn diện về các tổ chức, cộng đồng, thể chế công dân, vì thế chưa có được một chiến lược đủ tầm về XHCD.

2. Đẩy nhanh quá trình xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN

Nền KTTT lành mạnh hoạt động dựa trên các qui luật kinh tế khách quan thể hiện tự do trong kinh tế, vì vậy thúc đẩy và hoàn thiện các thể chế, quan hệ thị trường chính là để xác lập cơ sở kinh tế cho XHCD. Đây là điều rất quan trọng vì KTTT tạo ra các mối

quan hệ làm cơ sở cho XHCD tồn tại và là điều kiện cơ bản để XHCD hoạt động có hiệu quả. Nhà nước cần tạo ra các cơ chế nhằm bảo đảm tự do kinh tế, tự do lao động...

3. Thúc đẩy quá trình xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN

Đây thực chất là xây dựng cơ sở chính trị – pháp lý cho XHCD. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, nhờ đó một mặt sẽ đảm bảo cho các công dân và các tổ chức công dân cũng như cơ quan nhà nước thực hiện đúng chức năng của mình; mặt khác, định hướng XHCN sẽ giữ cho XHCD nước ta không rơi vào tự phát, làm biến dạng mục đích hợp lý của nó, ngăn chặn các tổ chức, cộng đồng công dân trở thành công cụ của một số người hoặc một nhóm người trong xã hội.

4. Xây dựng hành lang pháp lý cho XHCD

Pháp luật là cơ sở pháp lý định hình của XHCD, thông qua các quy định về quyền và nghĩa vụ, các thành viên của cộng đồng, tổ chức XHCD được bảo vệ về an ninh và được bảo đảm các quyền, tự do cơ bản. Để XHCD có đủ hành lang an toàn để hoạt động hiệu quả thực sự, cần đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động của khu vực XHCD theo hướng tôn trọng và bảo vệ quyền lập hội của mọi công dân; tạo thuận lợi cho tổ chức và hoạt động của hội, tổ chức phi chính phủ... theo đúng tôn chỉ, mục đích, đảm bảo công khai, minh bạch.

5. Thúc đẩy và đa dạng hoá các hình thức dân chủ XHCN

Một xã hội chỉ đạt đến trình độ XHCD khi nó tham gia vào quá trình xây dựng, quản lý và giám sát, phản biện quyền lực công. Nhằm bảo đảm chất lượng của dân chủ qua đại biểu, cần hoàn thiện chế độ bầu cử. Nhà nước cần chủ động tạo ra những cơ chế cho việc thúc đẩy dân chủ trực tiếp. Về phía mình các tổ chức, cộng đồng công dân được phép phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên trên cơ sở gắn lợi ích xã hội, của tập thể, của dân tộc với lợi ích chính đáng của mỗi thành viên.

6. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức XHCD

Các tổ chức XHCD ở Việt Nam do truyền thống nhiều năm chống ngoại xâm nên mang màu sắc cách mạng, được hỗ trợ một cách đặc biệt từ phía Nhà nước, nên các chức

năng tập hợp lực lượng, phản ánh nguyện vọng của quần chúng, tham gia hoạch định chủ trương, chính sách của Nhà nước được chú trọng, trong khi đó chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với Nhà nước còn bị xem nhẹ và việc thực hiện còn nhiều hạn chế.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chức năng phản biện, giám sát của các tổ chức này cần được nhấn mạnh. Để các tổ chức chính trị- xã hội thực hiện được chức năng phản biện xã hội và có đủ nguồn lực, năng lực hợp tác, phối hợp hoạt động với Nhà nước, cần phải bảo đảm tư cách độc lập và vị trí của các tổ chức chính trị - xã hội trong quan hệ với Đảng và Nhà nước, đảm bảo cho các tổ chức này một không gian hoạt động tương đối độc lập, tạo nguồn tài chính độc lập cho các tổ chức XHCD, đào tạo đội ngũ các nhà hoạt động chuyên nghiệp cho các tổ chức XHCD.

Xây dựng NNPQ và XHCD là hai mặt của quá trình dân chủ hoá xã hội. Quá trình này đòi hỏi trách nhiệm cao không chỉ từ phía nhà nước mà chủ yếu còn là trách nhiệm của công dân. Ngày nay, cùng với việc xây dựng NNPQ XHCN, XHCD ở nước ta cũng phát triển, từng bước hoàn thiện và có những ảnh hưởng nhất định đối với quá trình xây dựng NNPQ ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

XHCD từ lâu đã được coi là một giá trị của văn minh nhân loại. Tư tưởng XHCD được coi là có nguồn gốc từ thuyết luật tự nhiên, tôn trọng quyền tự do của con người và được đặt trên cơ sở khế ước xã hội, đánh dấu bước chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái văn minh mà điều kiện tối thiểu của nó là sự phát triển nhận thức của cá nhân trong xã hội hay quá trình tìm kiếm điểm chung trong sự khác biệt.

XHCD có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội và đời sống chính trị, có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội và đời sống cá nhân cũng như hoạt động của nhà nước thông qua quá trình xã hội hoá các cá nhân và củng cố, bảo vệ lợi ích cộng đồng và hỗ trợ, phối hợp với nhà nước, phản biện, giám sát các hoạt động của nhà nước...

Quan điểm hiện đại của các học giả tư sản đương đại nhấn mạnh mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa NNPQ và XHCD, gắn XHCD vào bộ ba phát triển XHCD, NNPQ và KTTT và cho rằng bộ ba này là tất yếu cho mọi quốc gia muốn phát triển. Các học giả cho rằng XHCD có thể khắc phục được cả những thất bại của thị trường và nhà nước, do đó có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Ở Việt Nam trong hai mươi năm vừa qua, việc chấp nhận các tư tưởng về nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước pháp quyền, v.v. là một quá trình phong phú và rất cần có những tìm hiểu sâu sắc. Với câu hỏi lớn như hiện nay các nhà nghiên cứu đang quan tâm là: Đã có chưa và có cần xây dựng một XHCD ở Việt Nam không? Từ các phân tích ở các phần trên, câu trả lời là khẳng định và thậm chí là “bắt buộc” nếu hệ thống chính trị muốn có “các tường thành và pháo đài bảo vệ vững chắc đặc biệt là trong bối cảnh khi chúng ta đã có quá nhiều bằng chứng của sự thái quá của tập trung quyền lực trong những lĩnh vực không cần thiết.